

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM KHÁNH NGỌC

**GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO
CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM KHÁNH NGỌC

**GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO
CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 9 22 90 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS,TS. Nguyễn Minh Hoàn**
- 2. PGS,TS. Trần Hải Minh**

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS,TS Nguyễn Minh Hoàn và PGS,TS Trần Hải Minh. Các số liệu, nội dung nghiên cứu được nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và đã được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Những kết luận khoa học của luận án chưa được công bố ở bất cứ công trình nghiên cứu khoa học nào có liên quan.

Tác giả

Phạm Khánh Ngọc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	7
Chương 1: GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	26
1.1 Một số quan niệm về ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo và giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam	26
1.2 Những yếu tố ảnh hưởng tới công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam.....	47
1.3 Tầm quan trọng của việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo đối với sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	55
1.4 Hệ tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay	64
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	75
2.1 Thực trạng ý thức của sinh viên Việt Nam về vấn đề bảo vệ chủ quyền ...	75
2.2 Thực trạng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên ở các trường ĐH, học viện hiện nay	81
2.3 Thực trạng những yếu tố tham gia vào việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay	94
2.4 Những vấn đề đặt ra trong công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay	113
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	119
3.1 Phương hướng nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay	119
3.2 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay	125
KẾT LUẬN	165
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	167
TÀI LIỆU THAM KHẢO	168
PHỤ LỤC	175

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết đầy đủ	Viết tắt
1	Bảo vệ Tổ quốc	BVTQ
2	Bảo vệ chủ quyền biển đảo	BVCQBĐ
3	Chủ quyền biển đảo	CQBĐ
4	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CNH, HĐH
5	Đại học	ĐH
6	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á	ASEAN
7	Hoàng Sa-Trường Sa	HS-TS
8	Hội nhập quốc tế	HNQT
9	Kinh tế - xã hội	KT-XH
10	Quốc phòng - An ninh	QP-AN
11	Sinh viên Việt Nam	SVVN
12	Toàn cầu hóa	TCH
13	Tư bản chủ nghĩa	TBCN
14	Tuyên bố về cách ứng xử trên Biển Đông	DOC
15	Xã hội chủ nghĩa	XHCN

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1	Tỷ lệ giới tính của SVVN tham gia trả lời phiếu điều tra	82
Biểu đồ 3.2	Năm đào tạo của sinh viên	83
Biểu đồ 3.3	Vị trí, chức vụ của sinh viên trong lớp, trường	83
Biểu đồ 3.4	Lý do thực hiện nghĩa vụ BVCQBĐ	86
Biểu đồ 3.5	Tâm quan trọng của biển đảo với KT-XH.....	87
Biểu đồ 3.6	Niềm tin vào sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta	88
Biểu đồ 3.7	Ý chí bảo vệ đất nước của SVVN.....	90
Biểu đồ 3.8	Việc quan tâm, tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ của trường ĐH.....	92
Biểu đồ 3.9	Mức độ thường xuyên tham gia các phong trào thi đua của sinh viên.....	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, trước những tác động nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội (KT-XH) trong và ngoài nước, tác động của tình hình chính trị trong khu vực và toàn thế giới, vấn đề độc lập chủ quyền quốc gia, dân tộc, trong đó có tình hình Biển Đông nảy sinh nhiều diễn biến phức tạp. Nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia trên biển của Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức, như: về mặt thực tiễn, trên biển Đông hiện nay đang tồn tại các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và tranh chấp trong việc hoạch định ranh giới biển và thềm lục địa chồng lấn. Về mặt chính trị - tư tưởng: các thế lực thù địch tìm mọi cách tấn công xuyên tạc, phủ nhận vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyên truyền các lối sống phương Tây xa lạ với truyền thống, đạo đức của dân tộc, gây nhiều khó khăn trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ nền văn hóa dân tộc. Chính vì vậy, muốn bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực phản động, Việt Nam phải phát huy hơn nữa sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong sự nghiệp BVTQ; hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng - an ninh (QP-AN)... Như vậy, vấn đề nâng cao ý thức BVTQ, bảo vệ chủ quyền biển đảo (BVCQBĐ) là cơ sở, tiền đề quan trọng để nhân dân Việt Nam nói chung, SVVN nói riêng, ngày một hoàn thiện hơn trong nhận thức chính trị; kiên định, tự giác trong hành động. Từ đó đạt được những hiệu quả tích cực hơn nữa trong thực hiện nhiệm vụ BVTQ Việt Nam.

Sinh viên Việt Nam (SVVN) hiện nay là những công dân có năng lực, nhận thức và phẩm chất tốt, là những người ý thức được trách nhiệm của người công dân, nghĩa vụ bản thân mình đối với Tổ quốc. Trong quá trình

nghiên cứu và học tập ở các trường ĐH (ĐH), phần lớn SVVN luôn có tinh thần hiếu học, đoàn kết, giữ vững và phát huy truyền thống yêu nước, tin tưởng vào công cuộc đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo. Song, bên cạnh đó, vẫn còn có một bộ phận sinh viên có biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, nhận thức, thiếu kiên định về lập trường chính trị. Biểu hiện ở thái độ thờ ơ, bàng quan trước những sự kiện xã hội của đất nước; là lối sống buông thả, đua đòi, thực dụng, sống “nhanh”, sống “gấp”, sùng bái tiền bạc... đi ngược lại với những chuẩn mực đạo đức. Nghị quyết lần thứ chín, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), Đảng ta đã từng nhận định: hiện nay ở Việt Nam đang tồn tại tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài. Thực trạng đó đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ. Trước tình hình đó, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục, đòi hỏi chúng ta cần phải: Chú trọng đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của mỗi cán bộ, đảng viên và của từng người dân đối với nhiệm vụ BVTQ [52].

Hiện nay, những vấn đề nảy sinh trong bảo vệ chủ quyền biển đảo (BVCQBĐ) trên biển Đông, như sự kiện Trung Quốc tìm cách hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981, xây dựng các đảo đá nhằm tạo ra đường băng sân bay, gây hấn với ngư dân trên biển... đã và đang ảnh hưởng tới niềm tin của SVVN đối với các chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước trong vấn đề BVCQBĐ. Thực trạng đó xảy ra có nhiều nguyên nhân, nhưng một trong số đó là do chúng ta chưa thực sự chú trọng đúng mức việc giáo dục ý thức BVCQBĐ đến SVVN trong các trường ĐH. Chính vì vậy, để củng cố và tiếp tục xây dựng niềm tin cho SVVN vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước về BVCQBĐ, đồng thời gắn trách nhiệm, nghĩa vụ của SVVN với vấn đề này, nghiên cứu sinh đã

chọn: “*Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*” làm đề tài Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận của quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, luận án đề xuất phương hướng và một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, đáp ứng yêu cầu cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến vấn đề BVCQBĐ Việt Nam và giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

Thứ hai, hệ thống hóa và phân tích một số vấn đề lý luận về giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay, chỉ ra nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Thứ tư, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên các trường ĐH ở Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

* *Phạm vi không gian*: Giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên trong các trường ĐH là một vấn đề rộng. Do đó, trong khuôn khổ luận án, tác giả tập trung vào nghiên cứu và khảo sát thực tế (lấy mẫu đại diện) về hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ ở một số các cơ sở giáo dục, cụ thể:

Khu vực miền Bắc: Trường ĐH Thương Mại, Trường ĐH Ngoại Thương, Trường ĐH Hàng Hải (Hải Phòng), Trường ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Lao động - Xã hội (cơ sở I).

Khu vực miền Trung: Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Ngoại ngữ (Huế), Trường ĐH Khoa học (Huế).

Khu vực miền Nam: Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn, Trường ĐH Quốc gia TP HCM, Trường ĐH Tây Nguyên, Trường ĐH Lao động - Xã hội (cơ sở II).

* *Phạm vi thời gian*: Luận án nghiên cứu vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH giai đoạn từ 2018 đến 2023.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận là học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước để nghiên cứu vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp tiếp cận và nghiên cứu chủ đạo chung trong toàn bộ nội dung. Bên cạnh đó luận án sử dụng một số phương pháp cụ thể như:

+ Phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp: Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu trước đó, đề tài đưa ra các phân tích, so sánh, tổng hợp về khái niệm, chủ thể, nội dung và phương pháp giáo dục ý thức BVCQBĐ từ đó đi đến đánh giá thực trạng quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

+ Phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn: Luận án sử dụng phương pháp này để nghiên cứu những quan điểm, tư tưởng của chủ nghĩa Mác

- Lênin; nghiên cứu những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Sử dụng phương pháp điều tra xã hội học là công cụ đắc lực thông qua việc dùng phiếu điều tra và phỏng vấn sâu giúp tác giả luận án có được những thông tin thực nghiệm tin cậy. Phương pháp này sử dụng phiếu điều tra, khảo sát kết hợp phỏng vấn 1000 SVVN, 100 giảng viên và cán bộ ở 12 trường ĐH... để tìm hiểu thực trạng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

+ Phương pháp thống kê, phân loại: Luận án sử dụng phương pháp này khi nghiên cứu, phân tích và phân loại số liệu, tổng hợp kết quả điều tra.. Lấy kết quả đó làm căn cứ đánh giá những ưu điểm và hạn chế của vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay và đề xuất các giải pháp phù hợp.

+ Một số phương pháp liên ngành khác: Phương pháp nghiên cứu liên ngành là tiếp cận một đối tượng bằng nhiều cách thức, dựa trên dữ liệu của nhiều chuyên ngành do giáo dục ý thức là một quá trình phức tạp nên rất cần sự tiếp cận liên ngành mới có thể có cái nhìn toàn diện.

5. Đóng góp về khoa học của Luận án

- Luận án làm rõ một số các khái niệm như: ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ của nhân dân Việt Nam; giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, các tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ trong các trường ĐH.

- Luận án đánh giá được thực trạng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay, nhận diện được những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới.

- Luận án đề xuất được một số quan điểm và giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Về lý luận, luận án góp phần vào việc củng cố, hoàn thiện luận cứ cho việc tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc nói chung cũng như ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo nói riêng trong bối cảnh mới.

Về mặt thực tiễn, luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách về giáo dục ý thức BVCQBĐ của Đảng và Nhà nước cũng như tài liệu tham khảo trong quá trình học tập, nghiên cứu về Triết học cũng như các khoa học xã hội và nhân văn khác ở các trường ĐH nước ta.

Thông qua một số giải pháp được đề xuất, luận án sẽ là công trình nghiên cứu có tính thực tiễn cao, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục chữ viết tắt, danh mục bảng biểu, phụ lục. Luận án được kết cấu bao gồm: tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, 3 chương, 10 tiết.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về chủ quyền biển đảo và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

1.1.1 Những công trình trong nước

Một là, các công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của của biển đảo Việt Nam

Biển Đông là một biển nửa kín được bao bọc bởi các quốc gia bao gồm Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Indonesia, Campuchia, Singapo, Brunay, Đài Loan, Malaysia.

Tác giả Lưu Văn Lợi trong tác phẩm “*Việt Nam đất, biển, trời*” đã nhấn mạnh: Biển đảo Việt Nam là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Biển đối với mỗi quốc gia đồng nghĩa với an ninh và phát triển. Biển đối với con người thuộc các tỉnh, thành, đặc khu (của Việt Nam) là đời sống và phồn vinh. Chính vì vậy, không thể giữ mãi quan điểm biển là “biển ven bờ” như hiện nay mà phải hiểu theo nghĩa rộng của nó, tức Biển phải là một trong hai vế của chiến lược bảo vệ và xây dựng đất nước để đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu [83, tr.185].

Cuốn “*Biển và hải đảo Việt Nam*” [7] do Ban Tuyên giáo Trung ương ấn hành, các tác giả khẳng định: “Việt Nam là một quốc gia ven biển có những ưu thế và vị trí chiến lược đặc biệt đối với khu vực và trên thế giới.” [7, tr.3]. Vì vậy, “biển có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển và an ninh của các nước có biển nói riêng và của thế giới nói chung”. Trong thời gian gần đây, lợi dụng thế mạnh về trình độ kinh tế biển phát triển cao, một số nước và vùng lãnh thổ tiến hành triển khai lực lượng quân sự trên biển, dẫn tới sự xung đột, tranh chấp trên biển diễn ra rất gay gắt [7, tr.41].

Hai là, các công trình nghiên cứu về chủ quyền biển đảo Việt Nam

Ngay từ năm 1974 đã có Sách trắng về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa (1974).

Sau chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở biên giới phía bắc năm 1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa XHCN Việt Nam công bố một số tài liệu và sách như: Sách trắng về Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1979), Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa: lãnh thổ Việt Nam (1981), Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và luật pháp quốc tế (1988). Bên cạnh ba Sách Trắng được đông đảo dư luận quốc tế thừa nhận, tại nhiều diễn đàn quốc tế xuyên suốt thập niên 1980, như hội nghị quốc tế về Khí tượng châu Á lần thứ 2 tháng 6/1980; hội nghị Địa chất quốc tế lần thứ 26 tháng 7/1980; Thông tin vô tuyến điện thế giới tháng 1/1983,... Việt Nam đã vạch trần và tố cáo Trung Quốc lợi dụng các diễn đàn để tuyên truyền về cái gọi là chủ quyền của Bắc Kinh đối với Hoàng Sa, Trường Sa, đồng thời khẳng định Việt Nam có đủ cơ sở pháp lý về chủ quyền đối với hai quần đảo này theo luật pháp quốc tế.

Năm 2010, với tác phẩm “*Những điều cần biết về Đất - Biển - Trời Việt Nam*” [84] tác giả Lưu Văn Lợi khẳng định: vấn đề thiêng liêng đối với tất cả các quốc gia luôn là vấn đề lãnh thổ và toàn vẹn lãnh thổ, trong đó tất yếu có cả vấn đề về chủ quyền biển đảo Tổ quốc [87, tr.59]. Việt Nam trên chặng đường bốn mươi thế kỉ, đã kiên trì và từng bước mở rộng ra biển Đông, đây là một quá trình khó khăn và gian khổ đối với một quốc gia có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp. Quá trình “lấn biển” ấy từ ven bờ tiến ra biển gần, rồi biển xa, từ đất liền tiến vào các đảo ven bờ rồi các đảo xa hơn.. Vì vậy Biển có vai trò rất quan trọng trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của người Việt [84, tr.49].

Tác giả Trần Công Trục với tác phẩm “*Dấu Ấn Việt Nam trên biển Đông*” đã nhấn mạnh về vị trí vai trò của biển Đông trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh đó, trong tác phẩm, tác giả đã giới thiệu rõ những khái niệm mang tính chuyên ngành như khái niệm nội thủy, lãnh hải,

vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa; quan điểm về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia [124].

Trong cuốn *“Lẽ phải - luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”* trên cơ sở phân tích các sự kiện với tinh thần khách quan và khoa học, dưới góc độ pháp lý, cuốn sách sau khi phác họa toàn cảnh Biển Đông và nêu bật tầm quan trọng của hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa (về vị trí địa lý, về nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như tài nguyên vị thế...) tác giả Nguyễn Việt Long đã vận dụng công pháp quốc tế để phân tích lập trường các bên có liên quan qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời trình bày các giải pháp hợp lý nhằm giải quyết mọi tranh chấp theo hướng tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và các quyền tài phán chính đáng của các bên trên Biển Đông, hướng tới góp phần gìn giữ hòa bình, an ninh cho toàn khu vực và thế giới [85].

Trong cuốn *“Hoàng sa - Trường Sa là máu thịt Việt Nam”* tập hợp bài viết của nhiều tác giả [102]; cuốn *“Chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc”* của Trần Hoàng Tiến [117], cuốn *“Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa”* của tác giả Hãn Nguyên Nguyễn Nhã [100]... thông qua những câu chuyện sinh động đã khắc họa về con người, sự kiện gắn liền với những phần lãnh hải cơ bản thiêng liêng của Tổ quốc từ “thuở hồng hoang cha ông ta xuống biển” đến ngày nay. Và phần Phụ lục sách có trình bày một số nét về biển, đảo Việt Nam và các chứng cứ xác lập chủ quyền.

Cuốn *“Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên biển Đông”* do Trần Duy Hải chủ biên [68]; cuốn *“Chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sức mạnh từ tài liệu lưu trữ”* do tác giả Nguyễn Văn Kết chủ biên [76] đã khái quát về biển Đông và tình hình biển Đông hiện nay, đưa ra các minh chứng lịch sử, cơ sở pháp lý khẳng định

quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng tổng hợp một số bài viết của các nhà báo, nhà nghiên cứu khoa học về những tài liệu, tư liệu lịch sử khẳng định chủ quyền Việt Nam tại hai quần đảo HS-TS như: Châu bản triều Nguyễn, Bản tuyên bố của Thủ tướng Trần Văn Hữu tại Hội nghị San Francisco năm 1951, bộ Atlas Universel năm 1827...

Ngoài ra, còn một số bài viết của các nhà báo, nhà nghiên cứu khoa học thu thập tài liệu, tư liệu lịch sử khẳng định chủ quyền Việt Nam tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như: Bản tuyên bố của Thủ tướng Trần Văn Hữu tại Hội nghị San Francisco năm 1951, bộ Atlas Universel năm 1827... và các bài báo *“Châu bản triều Nguyễn & những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa - Trường Sa”* [80]; *“Châu bản triều Nguyễn - Những bằng chứng không thể tranh cãi về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa”* [79] của tác giả Phan Huy Lê... đã cung cấp cho người đọc những hiểu biết về giá trị sử liệu, giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ đối với chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo này. Những nghiên cứu này đã góp phần khẳng định một cách chắc chắn và không thể chối cãi về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Bên cạnh đó, khi vấn đề tranh chấp QCBĐ ở biển Đông trở nên gay gắt và phức tạp, đã có một số công trình khoa học và bài viết khẳng định: *“Quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước”* [23] của tác giả Nguyễn Tấn Dũng; *“Đẩy mạnh tuyên truyền về biển, đảo góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”* Vũ Đình Tấn [112]; ... các tác giả đã đề cập đến vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền biển đảo, giáo dục ý thức BVCQBĐ. Trong các bài viết, các tác giả đã đánh giá những kết quả đạt được đồng thời chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và rút ra ý nghĩa của công tác tuyên truyền biển, đảo của quân và dân thời gian qua. Mặt khác, các tác giả cũng nhấn mạnh đến những yêu cầu, đề xuất đồng bộ nhiều giải pháp nhằm góp phần đẩy mạnh công tác tuyên truyền BVCQBĐ trong thời gian tới.

Ba là, các công trình nghiên cứu về luật biển và chiến lược bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam

“Luật Biển Việt Nam” [108] do Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII ban hành bao gồm: 7 Chương, 55 Điều là văn bản luật đầu tiên của Việt Nam quy định về đường cơ sở (Điều 8), nội thủy và chế độ pháp lý của nội thủy (Điều 9 và 10), lãnh hải và chế độ pháp lý của lãnh hải (Điều 11, 12), vùng tiếp giáp lãnh hải và chế độ pháp lý của vùng tiếp giáp lãnh hải (Điều 13, 14), vùng đặc quyền kinh tế (Điều 15), thềm lục địa (Điều 17), các đảo, quần đảo (Điều 19), chế độ pháp lý của đảo và quần đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển; quản lý và bảo vệ biển, đảo... [108].

Công trình “*Chiến lược bảo vệ chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo Việt Nam đến năm 2020*” [11] nêu rõ: yêu cầu cấp thiết nhất đối với Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế biển và bảo vệ vững chắc CQBD hiện nay là phải nhanh chóng hoàn thiện hệ thống pháp luật nhà nước về biển và phát triển kinh tế biển. Bên cạnh đó, khi đánh giá về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Việt Nam về biển, công trình này cũng khẳng định: xét ở khía cạnh tổng thể, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về biển của Việt Nam còn nhiều vấn đề cần quan tâm, sửa đổi như: cần khắc phục tình trạng thiếu tính đồng bộ và khoa học; việc hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện còn chậm dẫn tới tình trạng các văn bản quy phạm pháp luật chưa kịp cập nhật theo kịp tình hình và việc sửa chữa được tiến hành một cách thường xuyên [11, tr.62-63].

Bốn là, các công trình nghiên cứu về tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo

Trong công trình khoa học của hai tác giả Nguyễn Thái Anh, Quốc Dũng “*Quan điểm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội về đấu tranh bảo vệ chủ*

quyền biển đảo” đã tuyên chọn, biên soạn những bài viết, phát biểu của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, các tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam về quan điểm nhất quán, lập trường chính trị kiên định, kiên quyết của Việt Nam trong vấn đề bảo vệ chủ quyền lãnh thổ với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa [2].

Tác giả Võ Trọng Việt với đề tài khoa học cấp nhà nước “*Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trong tình hình mới*” [131] đã làm rõ một số các nội dung cơ bản như: (1) Cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý, lịch sử bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia của Việt Nam; (2) Tổng hợp kinh nghiệm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia của một số quốc gia; (3) Đánh giá thực trạng bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia của Việt Nam; (4) Đề xuất mục tiêu, tư tưởng chỉ đạo, nội dung, yêu cầu, giải pháp chiến lược bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trong tình hình mới; (5) Kiến nghị với Đảng, Nhà nước một số giải pháp về bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia Việt Nam trong tình hình mới [131].

Tác giả Nguyễn Bá Dương (2020) với công trình “*Phòng, chống diễn biến hòa bình ở Việt Nam trong tình hình mới*” [26], trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan, tác giả khẳng định, thực chất, “diễn biến hòa bình” là công cụ, phương tiện, loại vũ khí “mềm” lợi hại được các thế lực thù địch sử dụng nhằm làm thay đổi chế độ chính - trị xã hội từ bên trong của các quốc gia có độc lập, chủ quyền theo hướng có lợi cho họ, tiến hành theo một kịch bản định sẵn, thực hiện chiến thắng không cần chiến tranh. Các giải pháp được tác giả đề xuất thực hiện trong thời gian tới bao gồm: Một là, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước vững mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, QPAN và đối ngoại; Hai là, nâng cao nhận thức về “diễn biến hòa bình” và đấu tranh phòng chống; Ba là, tăng cường phối hợp giữa các tổ chức, các lực lượng trong đấu tranh; Bốn là, kết

hợp giữa đấu tranh phòng, chống “diễn biến hòa bình” với đấu tranh phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”... [26]

1.1.2 Những công trình nước ngoài

Trên cơ sở đánh giá thực trạng tranh chấp lãnh thổ ở hai quần đảo HS-TS; trên cơ sở những nhận định pháp lý, lịch sử, có tính chứng cứ để khẳng định chủ quyền của các bên tranh chấp... một số công trình như “*Cuộc tranh chấp quần đảo Trường Sa: Ai là người sở hữu đầu tiên?*” [30], “*Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*” [63] đã đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề tranh chấp, trong đó nhấn mạnh đến giải pháp thương lượng hoà bình. Những công trình này đều khẳng định: trong giai đoạn hiện nay, Biển Đông đang là “vùng biển nóng”, là nơi hội tụ nhiều mâu thuẫn về tất cả các mặt kinh tế - chính trị - văn hóa của khu vực và thế giới. Vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền các vùng chồng lấn vừa là vấn đề lịch sử vừa là vấn đề hiện tại đang diễn ra hết sức phức tạp, tiềm ẩn trong đó nhiều yếu tố khó lường.

Trong các công trình “*The New Global Politics of the Asia - Pacific*” (Chính trị toàn cầu mới của Châu Á - Thái Bình Dương) của các tác giả Michael K. Connors, Resmy Davison (Australia) và Jorn Dosch (Anh) [144]; “*Vietnam Basic Situation and the China - Vietnam Relationship*” (Tình hình cơ bản Việt Nam và quan hệ Trung - Việt) của Cổ Tiểu Tùng [128]; Giáo sư Cốc Nguyên Dương cũng có hàng loạt bài viết như: “*The Southeast Asia Chessboard and the Ground - breaking Movement of Vietnam*” (Bàn cờ Đông Nam Á và nước cờ đột phá Việt Nam); “*China-Vietnam have Resolved 2/3 of Territorial Disputes*” (Trung - Việt đã giải quyết 2/3 tranh chấp lãnh thổ) [25] đại đa số các nhà nghiên cứu đều nhận định: khu vực Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) là trọng điểm bố trí chiến lược của Trung Quốc, đồng thời đây cũng là khu vực được các nước lớn bên ngoài quan tâm “chăm sóc” vì lợi ích của chính quốc gia họ. Điều này khiến tình hình Đông Nam Á luôn tồn tại tình trạng thiếu

ổn định về chính trị, quân sự. Bên cạnh đó, trên cơ sở đánh giá thực trạng tranh chấp và nhận định cơ sở pháp lý, lịch sử, có tính chứng cứ để khẳng định chủ quyền của các bên tranh chấp, một số công trình đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề tranh chấp, trong đó nhấn mạnh đến giải pháp thương lượng hoà bình. Tuy nhiên, có một số nhà khoa học ở các công trình nghiên cứu trên, do nhiều yếu tố chủ quan (chủ yếu là xuất phát từ lập trường chính trị) và khách quan (chủ yếu xuất phát từ tính phức tạp, nhạy cảm của vấn đề và do sự thay đổi trong thực tiễn luật pháp quốc tế về biển...) cũng đã bộc lộ những ý kiến khác nhau về vấn đề tranh chấp CQBD ở khu vực Biển Đông như xuất phát từ lợi ích quốc gia, từ lập trường dân tộc, một số tác giả - trong các công trình nghiên cứu - thường hay cố gắng tìm mọi cách đưa ra các chứng lý mang tính chủ quan của mình nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia của họ trên vùng biển, đảo đang có tranh chấp. Vì lý do đó, theo tác giả luận án, những công trình này đã trở nên thiếu tính khách quan khoa học.

1.2. Nhóm những công trình khoa học liên quan đến giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biển đảo cho thanh niên, sinh viên Việt Nam

Vấn đề BVTQ đã được các nhà khoa học nghiên cứu từ rất sớm, tiêu biểu với những tác phẩm như:

Tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng với “*Một số vấn đề lý luận bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới*”, đã phân tích những nhân tố tác động đến sự nghiệp BVTQ, đồng thời tác giả cũng làm rõ một số vấn đề lý luận về BVTQ Việt Nam XHCN trong giai đoạn hiện nay. Tác phẩm này là một công trình nghiên cứu khoa học có giá trị cao, góp phần phát triển lý luận BVTQ trong tình hình mới [74].

Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự (2014), “*Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*” [130]. Đây là công trình của nhiều tác giả được tập hợp lại trên các tạp chí, báo tuần, báo ngày từ năm

1999 đến năm 2003. Trong cuốn sách này, các tác giả đã làm sáng tỏ thêm những quan điểm cơ bản của Đảng ta về nhiệm vụ BVTQ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và xây dựng quân đội nhân dân được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự (2015) trong cuốn *“Một số vấn đề về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ xa trong tình hình mới”* [129] đã vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn của các quan điểm sai trái, phản động trong chống phá cách mạng Việt Nam; đồng thời, phê phán những biểu hiện lệch lạc, nhận thức chưa đúng về nhiệm vụ xây dựng và BVTQ Việt Nam XHCN trong thời kỳ mới.

Tác giả Nguyễn Chí Vịnh trong tác phẩm *“Thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ xa”* [132]. Từ đánh giá kết quả của hoạt động đối ngoại quốc phòng, trong tình hình mới, tác giả nhận định: về bản chất, đối ngoại quốc phòng là cách ứng xử với bên ngoài nhằm thực hiện tốt công cuộc phòng thủ đất nước từ bên trong, thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ xa, củng cố sức mạnh quốc phòng từ thời bình nhằm thực hiện các mục tiêu phòng thủ đất nước [132].

Tác giả Nguyễn Bá Dương trong cuốn *“Góp phần phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc”* [28] đã phân tích, nêu rõ những tác động của tình hình thế giới, khu vực đến sự nghiệp xây dựng và BVTQ Việt Nam. Từ thực tế đó, tác giả đã khẳng định sự nhất quán về mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ BVTQ của Đảng và nhân dân ta trong tình hình mới. Thông qua cuốn sách, tác giả cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết phải đấu tranh phòng, chống “giặc nội xâm”; phòng chống các tệ nạn xã hội, các quan điểm và nhận thức lệch lạc, sai trái của một bộ phận nhân dân. Đồng thời đề xuất một số phương hướng và giải pháp phát triển tư duy mới về BVTQ Việt Nam trong tình hình mới [28].

Trong cuốn *“Mối quan hệ giữa xây dựng và BVTQ XHCN trong ý thức người dân Việt Nam hiện nay”* [71] đã làm rõ làm rõ (1) quá trình nhận thức, phát triển tư duy lý luận của Đảng ta về mối quan hệ và giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và BVTQ XHCN; (2) tình hình thực hiện mối quan hệ này từ khi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay; (3) đề xuất những vấn đề mới trong ứng xử và giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và BVTQ XHCN.

Trong công trình *“Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc từ năm 2001 đến năm 2011”* [102], luận án Tiến sĩ Lịch sử của tác giả Nguyễn Đức Phương, đã đánh giá khách quan quá trình Đảng lãnh đạo BVCQBĐ Tổ quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI. Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả khẳng định quá trình Đảng chỉ đạo công tác BVCQBĐ đã giành được những thành công rất đáng trân trọng, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số thiếu sót cần phải khắc phục. Từ thực tiễn lãnh đạo nhiệm vụ BVCQBĐ, khi đánh giá thực trạng, tác giả đã chỉ ra năm ưu điểm, ba hạn chế, ba nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đồng thời luận án cũng đã chỉ ra năm kinh nghiệm có giá trị lịch sử và hiện thực đối với nhiệm vụ BVCQBĐ hiện nay.

Với công trình *“Ý thức dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam của thanh niên quân đội hiện nay”* [113], luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng. Tác giả Hà Sơn Thái đã góp phần làm rõ và phát triển lý luận về ý thức dân tộc trong BVCQBĐ Việt Nam và biểu hiện ý thức dân tộc ở thanh niên Quân đội nhân dân Việt Nam; đồng thời, cung cấp luận cứ khoa học để Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, trước hết là lãnh đạo, chỉ huy quản lý trực tiếp thanh niên nâng cao ý thức dân tộc trong quá

trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của thanh niên quân đội hiện nay ở các đơn vị cơ sở.

Với luận án Tiến sĩ chuyên ngành Triết học “*Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Việt Nam hiện nay*”, tác giả Phạm Thị Mai [90] khẳng định: Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, độc lập dân tộc gắn với chủ quyền quốc gia đang là một xu thế của thế giới. Lợi ích quốc gia, chủ quyền quốc gia được các nước đặt lên hàng đầu trong các hoạt động đối nội và đối ngoại... Trong bối cảnh hiện nay, việc giữ vững chủ quyền quốc gia là vấn đề có tính nguyên tắc, đồng thời, toàn cầu hóa lại là xu thế khách quan. Do vậy, vấn đề đặt ra là, Việt Nam cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữ vững chủ quyền quốc gia và xu thế toàn cầu hóa nhằm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh [90].

Trong luận án Tiến sĩ Triết học “*Phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc củ học viên các trường kỹ thuật quân sự ở Việt Nam hiện nay*”, tác giả Vũ Thị Thu Trang [121] khẳng định: Hiện nay và trong những năm tới, trước sự diễn biến nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, đặc biệt là sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã, đang và sẽ tác động mạnh mẽ, toàn diện đến lĩnh vực quân sự. Cuộc chiến tranh nếu xảy ra trong tương lai sẽ là cuộc chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao. Chính vì vậy, việc giáo dục và phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc của học viên các trường kỹ thuật quân sự là vô cùng cấp thiết, cả về lý luận và thực tiễn. Bởi chính quá trình giáo dục đó, sẽ tác động đến nhận thức, thái độ, tình cảm, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của học viên các trường kỹ thuật quân sự, tránh được những biểu hiện như: đề cao, tuyệt đối hóa vai trò của yếu tố vũ khí, trang bị, kỹ thuật quân sự, xem nhẹ yếu tố chính trị - tinh thần [121].

Trong công trình “*Hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường ĐH tại thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp*” [120] tuy

không trực tiếp đề cập đến vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên, nhưng từ việc phân tích thực trạng hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường ĐH tại thành phố Hồ Chí Minh của tác giả ít nhiều đã có giá trị tham khảo cho chúng tôi khi xác định một trong những giải pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay là phải đổi mới phương pháp giảng dạy (nhất là đối với các môn lý luận chính trị) cho sinh viên.

Trong đề tài "*Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay*" tác giả Nguyễn Quang Hùng [73] đã đi sâu phân tích một trong những yếu tố cơ bản của ý thức chính trị của sinh viên đó là niềm tin chính trị, tác giả quan niệm: Niềm tin chính trị của sinh viên nước ta hiện nay là sự kiên định con đường đã lựa chọn đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong đó trước hết có sự thể hiện rõ ràng sự nhận thức mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân, là ý thức, trách nhiệm trong học tập, lao động để tạo ra cho mình có đủ trí tuệ, trình độ học vấn, tài năng, ý chí góp phần xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh... Đây cũng chính là một trong những nội dung quan trọng để chúng tôi kế thừa và xây dựng quan điểm của mình.

Với bài viết "*Tăng cường giáo dục quốc phòng an ninh trong thời kỳ đất nước hội nhập kinh tế quốc tế*" tác giả Phùng Quang Thanh [114] đã đánh giá những thành công, cũng như những hạn chế của công tác giáo dục quốc phòng - an ninh ở các cấp, các ngành và các đơn vị. Từ đó tác giả đưa ra nhiều giải pháp, trong đó đã nhấn mạnh đến việc xây dựng ý thức BVTQ XHCN [114].

Tác giả Đỗ Huy Thông (2017) trong công trình "*Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên tỉnh Nghệ An theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng*" [116] cho rằng: Thanh niên Việt Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên cần phải thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cơ bản sau: Một là, giáo dục nâng cao

nhận thức cho thanh niên về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; Hai là, cần đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội về bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên; Ba là, cần phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên; Bốn là, thường xuyên tổ chức cho thanh niên tham gia vào các hoạt động thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở từng địa phương [116].

Như vậy, có thể thấy rằng thanh niên Việt Nam nói chung, SVVN nói riêng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong BVTQ Việt Nam XHCN. Trong vấn đề giáo dục nâng cao ý thức BVTQ cho thanh niên, SVVN hiện nay, cần phải chú trọng thực hiện những giải pháp mang tính đồng bộ, tạo hiệu quả thiết thực như nâng cao được nhận thức của thanh niên, SVVN về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về mục tiêu, nhiệm vụ BVTQ; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục. Để làm được điều đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia giáo dục; thường xuyên tổ chức cho thanh niên, SVVN tham gia vào các hoạt động thực tiễn xây dựng và BVTQ.

1.3 Giá trị của những công trình đã công bố và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1 Giá trị của các công trình đã công bố

Giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên vấn đề lớn, quan trọng được Đảng, Nhà nước, các nhà giáo dục, các nhà khoa học v.v. hết sức quan tâm. Đã và đang có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề này. Tổng hợp các công trình khoa học đã tiếp cận được, tác giả nhận thấy:

Một là, về khái niệm. Một số khái niệm như “chủ quyền biển đảo Việt Nam”, “ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo” đã được đề cập đến với nhiều quan

điểm khác nhau như: là quyền sở hữu, quản lý, sử dụng và bảo vệ các vùng biển, đảo và quần đảo theo luật pháp của Việt Nam và tuân theo luật pháp quốc tế hoặc là một bộ phận của ý thức xã hội, phản ánh lợi ích giai cấp, đôi khi nó chính là các quan điểm nhận thức của các tầng lớp giai cấp trong xã hội về ý thức hệ tư tưởng, quan điểm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội... Tuy nhiên chưa có tác giả nào đề cập đến khái niệm “giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam cho sinh viên Việt Nam”.

Hai là, về thực trạng “ý thức bảo vệ chủ quyền đảo”, “giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo” và nguyên nhân của thực trạng đó... mặc dù các đối tượng nghiên cứu không giống nhau nhưng những vấn đề có tính quy luật của thực trạng hình thành ý thức BVCQBĐ đã bước đầu được nghiên cứu. Những kết quả nghiên cứu này là nguồn tài liệu tham khảo quý giá, mang tính lý luận và thực tiễn cao để tác giả làm cơ sở phân tích, so sánh, kế thừa có phê phán trong quá trình đánh giá thực trạng; từ đó chỉ ra những nhân tố tác động, luận giải những vấn đề đặt ra và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong thời gian tới

Ba là, các công trình khoa học đã phân tích những vấn đề cơ bản về BVCQBĐ Việt Nam trong tình hình mới.

Các công trình khoa học đều khẳng định:

(1) Biển, đảo của Việt Nam có vị trí chiến lược và vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển KT-XH cũng như sự nghiệp BVTQ Việt Nam XHCN.

(2) Về vấn đề tranh chấp CQBĐ giữa các quốc gia trong khu vực, nhất là vấn đề tranh chấp CQBĐ trên biển Đông: Đối với vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên hai quần đảo HS-TS hiện nay, phần lớn các nhà khoa học đều cho rằng mặc dù trong quá trình tranh chấp các bên đều đưa ra những chứng cứ, lý lẽ của riêng mình nhưng về mặt luật pháp, nhất là về cơ sở lịch sử thì

những chứng cứ của Việt Nam đưa ra là có tính thuyết phục và có cơ sở pháp lý hơn.

(3) Về vấn đề hoàn thiện Luật Biển Việt Nam các tác giả khẳng định: nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của Việt Nam trên biển, nhằm sử dụng và khai thác một cách hiệu quả, hợp lý và bền vững vì mục tiêu phát triển, giữ gìn hoà bình, ổn định và tăng cường hợp tác quốc tế. Vì vậy, Việt Nam cần đẩy mạnh và hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về biển [3, tr.7-8].

Bốn là, vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Trong quá trình nghiên cứu, tổng hợp tư liệu tác giả luận án chưa thu thập được công trình khoa học, bài viết nào liên quan trực tiếp đến đề tài luận án mà chỉ tìm được những công trình đề cập đến vấn đề giáo dục ý thức BVTQ, giáo dục ý thức chính trị, ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia cho thanh niên và các công trình nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ BVTQ của thanh niên.

Tuy nhiên, các công trình khoa học đã công bố đều khẳng định, thanh niên Việt Nam có vai trò rất quan trọng, là lực lượng giữ nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ của cách mạng ở giai đoạn hiện nay. Từ ý nghĩa đó trong văn kiện đại hội XII của Đảng (2016) xác định: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang hướng tự giáo dục, định hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học: Yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc có hiệu quả [52, tr.114-115].

Văn kiện Đại hội XIII cũng nhấn mạnh trong công tác GD&ĐT cần: tạo những đột phá trong đổi mới giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Trong giai đoạn tới, cần đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, chuyển đổi, vận dụng mạnh mẽ những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống

xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng một số ngành và lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, có lợi thế... biến đó trở thành động lực cho tăng trưởng KT-XH theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt nhanh ở một số lĩnh vực so với khu vực và trên toàn thế giới [59].

Phát triển con người Việt Nam theo hướng toàn diện; xây dựng nền văn hóa Việt Nam vừa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (hòa nhập nhưng không được hòa tan) để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, là động lực phát triển mạnh mẽ đất nước và trở thành sức mạnh trong công cuộc BVTQ, BVCQBĐ. Để làm được điều đó, cần đẩy mạnh, tăng đầu tư cho phát triển văn hóa, chú trọng xây dựng, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát triển tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam với định hướng con người là trung tâm, là mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước. [56, tr.329]

Các công trình khoa học trên đã luận giải một số vấn đề lý luận và thực tiễn về BVTQ, BVCQBĐ cho thanh niên, học sinh trong giai đoạn hiện nay. Những kết quả nghiên cứu trên sẽ trở thành cơ sở dữ liệu quan trọng, cho phép nghiên cứu sinh kế thừa, luận giải những mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án; đặc biệt đi sâu nghiên cứu, luận giải để từ đó hình thành giải pháp hiệu quả trong giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

1.3.2 Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Như vậy, trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã thu thập được một số công trình khoa học liên quan đến ý thức BVCQBĐ và giáo dục ý thức BVCQBĐ Việt Nam với những giá trị tham khảo được ghi nhận. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu cụ thể và toàn diện về “giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên Việt Nam hiện nay” từ góc độ Triết học.

Vì vậy, việc làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục ý thức BVCQBĐ của SVVN hiện nay, từ đó đưa ra yêu cầu và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay là vấn đề đang được đặt ra một cách cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn. Đề tài luận án “Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay” có sự tiếp thu, chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình trước đó, đồng thời có những kiến giải riêng về những vấn đề đang đặt ra từ góc độ chuyên ngành Triết học ở một số nội dung sau:

Một là, về khái niệm ý thức BVCQBĐ và con đường hình thành, phát triển ý thức BVCQBĐ tuy đã được các nhà khoa học đề cập trong các công trình khoa học của mình. Song, con đường hình thành và phát triển ý thức BVCQBĐ của SVVN hiện nay hầu như chưa được đề cập tới. Theo quan điểm của tác giả, Việt Nam là một quốc gia giàu truyền thống, được hình thành từ quá trình dựng nước và giữ nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Chính vì vậy, có thể nói rằng ý thức BVCQBĐ của SVVN không thể tự nhiên mà có, nó được hình thành và phát triển bởi các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Vậy, các điều kiện đó là gì? Tác giả luận án sẽ tập trung nghiên cứu để chỉ ra và sáng tỏ con đường hình thành và phát triển ý thức BVCQBĐ của SVVN dưới góc nhìn Triết học.

Hai là, để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, nhiệm vụ luận án không chỉ cần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận (về ý thức, ý thức BVCQBĐ...) mà còn phải đi sâu nghiên cứu, khảo sát thực tế, đánh giá thực trạng giáo dục ý thức BVCQBĐ. Hơn nữa, cần luận giải rõ một số vấn đề đặt ra từ thực trạng đó. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy trong các nhà khoa học cũng đã dày công khảo sát, đánh giá thực trạng ý thức BVCQBĐ của các đối tượng, các nhóm xã hội khác nhau. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống về thực trạng ý thức

BVCQBĐ của SVVN cũng như những vấn đề đặt ra trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề này.

Ba là, vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay chịu sự ảnh hưởng lớn bởi tình hình thế giới, khu vực và trong nước. Do đó, sự cần thiết là phải dự báo và phân tích làm rõ những tác động tích cực, tiêu cực; những thuận lợi và khó khăn đối với quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. Từ đó, cần đưa ra những phương hướng và giải pháp cơ bản, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Với những nội dung trên, luận án “giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay” là một công trình khoa học được nghiên cứu độc lập, không trùng lặp với bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học đã công bố. Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện tác giả kế thừa có chọn lọc, có trích dẫn một số kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố.

Nói tóm lại, thông qua việc phân tích các tác phẩm, công trình khoa học đã công bố, tác giả nhận thấy mặc dù ở các khía cạnh tiếp cận nghiên cứu khác nhau, các công trình nêu trên đã đi sâu vào luận giải những vấn đề chung về BVTQ Việt Nam XHCN nói chung, về ý thức BVCQBĐ của nhân dân Việt Nam nói chung, của thanh niên, sinh viên, học sinh nói riêng... Đây là những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để tác giả luận án kế thừa trong luận án. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống dưới góc độ triết học về giáo dục ý thức BVCQBĐ trên các phương diện: lý luận, thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong bối cảnh mới.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*” là thực sự cấp thiết, đề tài luận án là một công trình khoa học độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa

học đã công bố, vừa kế thừa biện chứng kết quả nghiên cứu đã có, vừa đóng góp mới ở cả phương diện lý luận và thực tiễn, nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVTQ, BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

Chương 1

GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

1.1. Một số quan niệm về ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo và giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

1.1.1 Khái niệm ý thức xã hội

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng: “ý thức” là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người và được bộ óc con người cải biến đi theo xu hướng phản ánh năng động, sáng tạo. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, “phản ánh” là thuộc tính chung của mọi dạng vật chất và nguồn gốc tự nhiên của ý thức là sự tương tác giữa thế giới khách quan và bộ não người, ý thức không có tính vật chất mà là hình ảnh tinh thần, nó cải biến cái vật chất được di chuyển vào trong bộ não của con người thành cái tinh thần. Nhưng sự phản ánh đó không phải sự phản ánh tùy tiện, xuyên tạc hiện thực khách quan và cũng không phải là sự phản ánh thụ động giản đơn mà là sự phản ánh sáng tạo hiện thực khách quan. Trong các cộng đồng xã hội, ý thức còn thể hiện dưới dạng ý thức xã hội. Đó là toàn bộ tình cảm, tâm trạng, tập quán, truyền thống, quan điểm, tư tưởng, lý luận... của cộng đồng xã hội, được nảy sinh từ tồn tại xã hội, phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định [87].

Khi luận giải về cơ sở hình thành ý thức xã hội, C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định: “Chính con người là kẻ sản xuất ra những quan niệm, ý niệm... của mình, song đây là những con người hiện thực, đang hành động, đúng như họ bị quy định bởi một sự phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất của họ và bởi sự giao tiếp phù hợp với sự phát triển ấy” [87, tr.37]. Trong quan hệ với tồn tại xã hội, ý thức xã hội chịu sự chi phối, quyết định của tồn tại xã

hội bởi “ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức, và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người”, “không phải ý thức quyết định đời sống, mà chính đời sống quyết định ý thức” [87, tr.37]

Ý thức xã hội được thể hiện dưới nhiều hình thái cụ thể như ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức đạo đức, triết học, nghệ thuật, tôn giáo, khoa học... Mỗi hình thái ý thức xã hội phản ánh một đối tượng nhất định, một phạm vi nhất định của tồn tại xã hội, nhưng giữa chúng có mối liên hệ với nhau. Ở mỗi thời đại lịch sử nhất định, tùy theo những hoàn cảnh lịch sử xã hội cụ thể có những hình thái ý thức nào đó nổi lên hàng đầu, biểu hiện tập trung ý thức của thời đại đó và tác động mạnh đến các hình thái ý thức khác. Bên cạnh đó, người ta có thể chia ý thức xã hội dựa trên các cấp độ như: ý thức xã hội thông thường, ý thức xã hội lý luận; ý thức cộng đồng và ý thức cá nhân...

Ý thức xã hội thông thường phản ánh sinh động, trực tiếp đời sống của con người, của các giai cấp. Ý thức xã hội thông thường chưa được hệ thống hóa, chưa đúc kết thành khái niệm, phạm trù, quy luật chính trị. Nó chưa đi sâu vào bản chất và các quy luật xã hội, nó chưa tạo thành một hệ thống tri thức chặt chẽ. Do vậy, phạm vi áp dụng và tính định hướng thường bị hạn chế trong phạm vi hẹp.

Ý thức xã hội lý luận phản ánh đời sống con người một cách khái quát và sâu sắc, nó chính là hệ thống tri thức, truyền thống văn hóa... được khái quát hóa từ những kinh nghiệm thực tiễn, phản ánh mối liên hệ bản chất, tất nhiên mang tính quy luật của các hoạt động chính trị - xã hội, nó có vai trò chỉ đạo, dự báo, định hướng cho những hoạt động chính trị, văn hóa, giáo dục của giai cấp, tầng lớp và xã hội.

Như vậy, tri thức lý luận thuộc trình độ cao hơn so với tri thức kinh nghiệm. Tri thức lý luận phản ánh hiện thực trong bản chất, mang tính trừu

tượng và khái quát hóa cao, đem lại sự hiểu biết sâu sắc về bản chất, quy luật của các hoạt động chính trị - xã hội của con người mà đỉnh cao là các học thuyết lý luận. Chính vì vậy, ý thức lý luận làm cho các hoạt động của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội trở lên chủ động, tự giác, phong phú hơn, tránh được tình trạng mò mẫm, tự phát trong quá trình hoạt động chính trị - xã hội. Ý thức xã hội thông thường và ý thức xã hội lý luận tuy là hai cấp độ phát triển khác nhau nhưng chúng đều là sự phản ánh hiện thực đời sống xã hội nên chúng có quan hệ biện chứng với nhau. Ý thức xã hội thông thường biểu hiện dưới dạng tâm lý, tình cảm giai cấp, là cơ sở để ý thức lý luận hình thành, phát triển, khái quát hóa, hệ thống hóa thành những học thuyết, tư tưởng phù hợp với hiện thực khách quan. Ý thức lý luận chỉ thực sự khoa học khi nó được khái quát từ ý thức chính trị thông thường. Ngược lại, lý luận, học thuyết lại củng cố, định hướng cho sự phát triển tâm lý, tình cảm cho các giai cấp, tầng lớp. Nếu tư tưởng đó là khoa học, nó sẽ thúc đẩy ý thức xã hội thông thường phát triển theo hướng tích cực, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Nếu tư tưởng đó là phản khoa học nó sẽ kìm hãm sự phát triển của xã hội. Vì mối quan hệ đó mà trong thực tiễn hoạt động giáo dục ý thức cho mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng cần khuyến khích, nuôi dưỡng, giáo dục cả ý thức thông thường và cả ý thức lý luận.

Ý thức cộng đồng là ý thức nảy sinh từ nhu cầu, lợi ích chính trị của cả cộng đồng xã hội hoặc của nhóm xã hội, một giai cấp, một tầng lớp nào đó trong xã hội. Đó là chuẩn mực giá trị chung về nhu cầu, lợi ích được cả cộng đồng chấp nhận và nó là động lực thúc đẩy các hoạt động tự giác của cả cộng đồng. Ý thức cá nhân là nhận thức, là thái độ của từng cá nhân về những vấn đề hiện thực của đời sống xã hội, đó là thế giới tinh thần của những con người riêng biệt, phản ánh những điều kiện vật chất trong đời sống riêng của con người cụ thể. Vì vậy, ý thức cá nhân rất đa dạng, phong phú và mang đậm màu sắc chủ quan. Một vấn đề hiện thực của đời sống xã hội có thể được nhìn nhận

dưới những góc độ khác nhau, có thái độ khác nhau và từ đó có thể có những hành động khác nhau. Cho nên trong thực tiễn giáo dục ý thức cho mỗi cá nhân, cần khuyến khích tính tích cực, sáng tạo, đồng thời phải có sự định hướng để tránh những nhận thức không đúng dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

Ý thức cộng đồng và ý thức cá nhân có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Ý thức cộng đồng cũng là ý thức của một xã hội, một nhóm người, một tập đoàn người. Vì vậy, nó chỉ tồn tại, phát triển, thể hiện thông qua ý thức của mỗi cá nhân. Trong hiện thực xã hội, mỗi cá nhân là một phần tử tạo thành cộng đồng, được hình thành và phát triển trong quan hệ xã hội, mỗi cá nhân đều là một thành viên của một xã hội cụ thể, một giai cấp cụ thể nên ý thức của cá nhân đều mang nội dung, mang dấu ấn nào đó, đều là sự biểu hiện ở mức độ này hay mức độ khác của ý thức cộng đồng và đều bị chi phối, bị định hướng bởi ý thức cộng đồng.

Trong phạm vi luận án, tác giả tiếp cận cấu trúc của ý thức xã hội theo trình độ phát triển bao gồm những yếu tố cơ bản cấu thành như: Tri thức; Tình cảm, niềm tin và Ý chí (trong đó tri thức là yếu tố quan trọng nhất).

Về tri thức: Tri thức là yếu tố cơ bản, cốt lõi nhất của sự hình thành ý thức xã hội. Trong "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844" C. Mác viết rằng: "Phương thức tồn tại của ý thức và của một cái gì đó đối với ý thức, đó là tri thức... Cho nên một cái gì đó nảy ra đối với ý thức, chừng nào ý thức biết cái đó" [89, tr.236]. Như vậy mọi hiện tượng ý thức đều chứa đựng nội dung tri thức ở các mức độ khác nhau. Theo đó ở mức độ này hay mức độ khác ý thức xã hội bao giờ cũng bao hàm tri thức - tức là sự hiểu biết của con người (cá nhân, giai cấp, cộng đồng,...) về lý luận và thực tiễn của đời sống xã hội. Quá trình hình thành và phát triển của ý thức cũng chính là quá trình con người tích lũy tri thức. Tri thức mang tính trừu tượng và khái quát cao, đem lại sự hiểu biết sâu sắc về bản chất, tính tất yếu, tính quy luật của các quan hệ xã hội. Nó có vai trò "kim chỉ nam", định hướng, chỉ đạo thực tiễn, nó làm cho hoạt động

của con người trở nên chủ động, tự giác, sáng tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động giai cấp cầm quyền cũng dễ rơi vào khả năng xa rời thực tiễn và trở thành ảo tưởng, giáo điều.

Tri thức bao gồm cả tri thức lý luận, tri thức kinh nghiệm hay tri thức đời thường được hình thành tự phát trong đời sống. Nó phản ánh kinh nghiệm của bản thân con người hoặc tiếp thu từ sự lan truyền trong đời sống xã hội. Vì vậy bất cứ người bình thường nào cũng có thể tích lũy được tri thức ở một cấp độ nhất định.

Về tình cảm, niềm tin: Trong mối quan hệ tổng hòa của các yếu tố hình thành ý thức xã hội, mặc dù tri thức có vai trò quan trọng nhất nhưng nếu tri thức có “cao” mà không thể biến thành tình cảm, niềm tin của con người hành động thì tự nó cũng không có vai trò gì đối với đời sống hiện thực cả và vì vậy nó chưa đủ để trở thành tư tưởng, nhận thức đúng của con người.

Tình cảm là những rung động cảm xúc tương đối ổn định của con người trong quan hệ của mình đối với thực tại xung quanh và đối với bản thân, nó nói lên thái độ của con người đối với những mặt, những hiện tượng chính trị khác nhau trong đời sống xã hội. Tình cảm bao gồm lòng yêu nước, tinh thần quốc tế chân chính, nghĩa vụ, danh dự, lương tâm, tình cảm giai cấp, sự nhạy cảm chính trị, sự cao thượng, lòng trung thành, tính ham hiểu biết, Nó được xuất phát từ các xúc cảm nền tảng như: hồi hộp, vui sướng, ngạc nhiên, đau khổ, căm giận, ghê tởm, khinh bỉ, khiếp sợ, xấu hổ, tội lỗi. Sự thể hiện của tình cảm mang dấu ấn đặc trưng của từng nền văn hoá cũng như tri thức cá nhân của mỗi người, trên cơ sở sự kết hợp giữa các xúc cảm cơ bản để có được tình cảm ổn định.

Niềm tin là sự lựa chọn cảm nhận và thông tin, là một trong những yếu tố quan trọng chi phối hành vi con người. Có niềm tin tích cực, tiêu cực và giới hạn... Niềm tin tích cực là những niềm tin cho chủ thể nhận thức những cảm xúc đặc biệt (phù hợp với thể giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan của con người), từ đó giúp cho con người có thêm động lực để hoàn thành các mục tiêu,

mong muốn và dự định của mình; định hướng cho con người có những quyết định và hành động đúng đắn. Niềm tin tiêu cực niềm tin xuất hiện khi mà con người tự cho rằng điều mình nghĩ là tiêu cực. Việc tự nhận hoặc đánh giá sự việc theo hướng yếu kém cũng là thứ niềm tin khiến cho con người không có hứng thú hay nguyện vọng hoàn thành công việc.

Niềm tin giới hạn là định nghĩa mới, được sử dụng để chỉ những suy nghĩ, quan niệm, định kiến hoặc thiên kiến của chủ thể đối với sự vật, sự việc. Ở một khía cạnh nhất định, đó được hiểu là những quan điểm “chuẩn” (của cá nhân) về những việc được phép và không được phép làm. Những suy nghĩ đó dẫn đến hành động, và những hướng đi mang tính nhất quán nào đó. Niềm tin giới hạn có thể ngăn cản chủ thể tiếp xúc với những cơ hội mới, tự phát triển bản thân.. nếu như con người thiếu tự tin vào chính bản thân mình, tự cho mình vào giới hạn “không thể”. Tuy nhiên, việc hình thành niềm tin giới hạn cũng giúp con người có thể hạn chế những sai lầm có thể mắc phải.

Ý chí là tinh thần kiên định, chỉ hướng tự giác của con người, được hiện thực hóa bởi những hành vi nào đó. Nói cách khác: Ý chí là một nội dung của ý thức, biểu hiện ở năng lực thực hiện những hành động có mục đích, đòi hỏi phải có sự nỗ lực khắc phục khó khăn. Ý chí giúp con người chuyển từ nhận thức và rung động sang hành động thực tiễn, biến đổi thực tại theo nhu cầu, dự định và lợi ích của cá nhân, tập thể. Nhờ ý chí, con người tổ chức hoạt động và điều khiển, điều chỉnh được hành vi của mình.

1.1.2 Khái niệm ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

“Chủ quyền biển đảo”: Theo nghiên cứu của tác giả luận án, khái niệm “chủ quyền biển đảo” nằm trong khái niệm “chủ quyền lãnh thổ quốc gia”. Trong Hiến pháp 1992 khẳng định:

“*Chủ quyền lãnh thổ quốc gia* là quyền tối cao tuyệt đối, hoàn toàn và riêng biệt của quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của mình. Quyền

tối cao của quốc gia đối với lãnh thổ là quyền quyết định mọi vấn đề của quốc gia đối với lãnh thổ, đó là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Quốc gia có quyền đặt ra quy chế pháp lí đối với lãnh thổ. Với tư cách là chủ sở hữu, Nhà nước có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với lãnh thổ thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước như các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp” [72, tr.30].

“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời” [72, tr.30].

Điều 3 Luật biển Việt Nam khẳng định: “Vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982” [108]. Điều 19 cũng khẳng định: “Đảo, quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam” [108].

“Bảo vệ Tổ quốc” là tổng thể các hoạt động có tổ chức của cả hệ thống chính trị và toàn dân, do lực lượng chuyên trách làm nòng cốt, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền, sự chỉ đạo, quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước, nhằm thực thi, giữ vững độc lập cho Tổ quốc, chủ quyền quốc gia cho dân tộc, chống lại mọi hành vi vi phạm quyền chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam đã được luật pháp quốc tế công nhận, được quy định trong luật quốc gia [113].

“Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam” là toàn bộ các quan điểm, chủ trương, chính sách và các phương thức hoạt động BVCQBĐ của toàn thể hệ thống

chính trị và toàn thể nhân dân Việt Nam trong hợp tác và đấu tranh với các quốc gia trên thế giới, nhằm giữ vững chủ quyền trên các vùng biển đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế [113, tr54].

Về mục tiêu: BVCQBĐ là kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ (vùng đất, vùng biển và vùng trời) của Việt Nam [113, tr55].

Về nội dung: Trong bối cảnh toàn cầu hóa (TCH) và hội nhập quốc tế (HNQT) hiện nay, BVCQBĐ không chỉ là phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm tới an ninh quốc gia; giữ gìn sự toàn vẹn về chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia trên các vùng biển, đảo theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với luật pháp quốc tế mà còn là sự kết hợp chặt chẽ của tất cả các lĩnh vực, trên tất cả các mặt trận như kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa...

Về phương thức: BVCQBĐ phải dựa trên cơ sở quán triệt quan điểm, phương châm chỉ đạo chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, bao gồm: đấu tranh chính trị, kinh tế, ngoại giao, pháp lý và quân sự. Trong nguyên tắc BVCQBĐ, trên biển và trên bờ là hai mặt không thể tách rời của một mối quan hệ biện chứng. Trong bờ có âm, ngoài biển mới yên, đất nước có ổn định, phát triển về kinh tế - chính trị - quân sự - tư tưởng mới tạo ra thế và lực để BVCQBĐ. Vậy nên, để tăng cường tính tích cực trong phương thức BVCQBĐ Việt Nam cần phải tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ biển đảo. Tiếp tục tuyên truyền, củng cố niềm tin và tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong hệ thống chính trị và nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến phát triển kinh tế và BVCQBĐ [113, tr.55].

Về lực lượng BVCQBĐ: Điều 4, mục 2, *Luật biển Việt Nam* khẳng định: “Các cơ quan, tổ chức và mọi công dân Việt Nam có trách nhiệm bảo vệ chủ

quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển” [108].

Ý thức BVCQBĐ Việt Nam là một hình thái ý thức xã hội xuất hiện và tồn tại khi đất nước Việt Nam có tiềm ẩn những nguy cơ bị xâm phạm về chủ quyền lãnh thổ và tranh chấp lãnh thổ.

Ý thức BVTQ, BVCQBĐ Việt Nam ở trình độ thấp được biểu hiện ở các trạng thái tâm lý, tình cảm, niềm tin, thái độ... về công cuộc đấu tranh, gìn giữ, xây dựng và BVTQ, BVCQBĐ. Ở trình độ cao, đó là những quan niệm, quan điểm, tri thức khoa học, tri thức lý luận.. được khái quát hoá thành hệ thống, có giá trị định hướng, chỉ đạo theo định hướng quản lý kinh tế - xã hội của Đảng cầm quyền. Vì vậy, nghiên cứu đánh giá ý thức BVCQBĐ phải có quan điểm lịch sử cụ thể, phát triển phù hợp với từng đối tượng trong từng giai đoạn.

Ý thức BVCQBĐ là sản phẩm của hoạt động BVTQ, BVCQBĐ, nhưng nó không chỉ được nảy sinh từ hoạt động thực tiễn mà còn có tác động trở lại và đóng vai trò là điều kiện đối với hoạt động BVTQ, BVCQBĐ. Xét từ chiều sâu, ý thức BVTQ, BVCQBĐ chính là “năng lực tinh thần” tiềm ẩn ở mỗi cá nhân của xã hội. Trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam, ý thức BVTQ, BVCQBĐ là sản phẩm của chủ nghĩa yêu nước được hun đúc trong đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Như vậy, theo tác giả luận án:

***Ý thức BVCQBĐ của nhân dân Việt Nam** là tổng hòa tri thức, tình cảm, ý chí quyết tâm và niềm tin về quyền, lợi ích, danh dự, giá trị của dân tộc, được thể hiện bằng hành động cách mạng toàn thể nhân dân Việt Nam trên lập trường của chủ nghĩa yêu nước chân chính, phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và luật pháp quốc tế trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam, góp phần xây dựng và bảo vệ*

vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ gìn môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới.

Cụ thể:

- *Tri thức BVCQBĐ*. Tri thức BVCQBĐ có nội dung rất toàn diện, rộng lớn, phản ánh các hiểu biết về BVCQBĐ của nhân dân như:

+ Sự hiểu biết những quan điểm của Đảng về BVCQBĐ, về những chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức cơ bản về phạm vi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên vùng biển Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam và pháp luật quốc tế)

+ Sự hiểu biết về những truyền thống, kinh nghiệm quý báu trong chiến đấu và BVCQBĐ của cha ông. Nhận thức đúng đắn về trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân và cộng đồng, đồng thời hun đúc lòng yêu nước, tình yêu biển, đảo quê hương, tạo ra sự đồng thuận, nhất trí cao và quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ BVCQBĐ mà Đảng, Nhà nước giao cho.

+ Sự nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng của biển, đảo Việt Nam; tình hình an ninh quốc gia trên biển; phạm vi khai thác, bảo vệ tài nguyên biển của quốc gia.

+ Sự nhận thức về những diễn biến phức tạp, khó lường trong tranh chấp CQBĐ hiện nay như tham vọng “độc chiếm Biển Đông”. Đồng thời nhận biết những âm mưu và luận điệu của các thế lực thù địch sử dụng chiến lược “diễn biến hòa bình” kết hợp kích động “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ để chống phá cách mạng Việt Nam.

+ Sự hiểu biết về quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp và pháp luật. Cụ thể: Nhân dân được bảo đảm các quyền lợi về cả vật chất lẫn tinh thần theo công hiến, theo quy định của Nhà nước và địa phương; nhân dân được đảm bảo quyền dân chủ, quyền tự do lựa chọn khi tham gia các hoạt động xã hội; được đối xử một cách công bằng, bình đẳng trước pháp luật trong tham gia

BVCQBĐ của Tổ quốc; nhân dân có trách nhiệm thực hiện nghiêm Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các hiệp định phân định vùng biển giữa Việt Nam các nước; đồng thời nhân dân cũng có trách nhiệm nắm vững các quy định của Đảng và Nhà nước, của địa phương về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc, phương thức, lực lượng BVCQBĐ của nước ta.

- *Tình cảm, niềm tin đối với nhiệm vụ BVCQBĐ.*

+ Sự tin tưởng vào những quan điểm, tư tưởng, đường lối về BVCQBĐ mà Đảng và Nhà nước ta đang thực thi; tin tưởng vào những chính sách về các vấn đề liên quan đến lợi ích, vận mệnh của Tổ quốc; có thái độ quan tâm lo lắng trước sự chạy đua vũ trang, leo thang quân sự của các nước ở khu vực Biển Đông, nhất là khi xảy ra tranh chấp CQBĐ trong thời điểm Trung Quốc tiến hành quân sự hóa trên hai quần đảo HS-TS; có thái độ kiên quyết phản đối hành động các quốc gia thăm dò khai thác tài nguyên, xây đắp, tôn tạo đảo nhân tạo trái phép... trên thềm lục địa thuộc sở hữu của Việt Nam

+ Tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tin vào đường lối chiến lược, sách lược quân sự, quốc phòng của Nhà nước. Lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm của Việt Nam đã chứng minh rằng niềm tin của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của mọi tầng lớp nhân dân luôn là nguồn động lực to lớn, tạo thành sức mạnh bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

Như vậy, tình cảm và niềm tin BVCQBĐ được biểu hiện qua các sắc thái tình cảm như: sự đồng tình với hệ thống đường lối, quan điểm, chính sách BVCQBĐ), sự tin tưởng và thừa nhận cách thức, phương pháp đấu tranh BVCQBĐ ở nước ta hiện nay; sự đồng thuận và tuân thủ các nguyên tắc giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ theo phán quyết của quốc tế; sự đồng cảm, tin yêu, cảm phục trước những tấm gương hy sinh BVCQBĐ Việt Nam; thái độ kiên định, vững tin vào kết quả đấu tranh chống các thế lực phản động, thù địch của quân và dân ta; có dũng khí đứng lên, tự rèn luyện, tự đấu tranh với

các luận điệu xuyên tạc, lôi kéo nhằm bảo vệ vững chắc CQBĐ thiêng liêng của Tổ quốc.

- *Ý chí quyết tâm BVCQBĐ*. Đây là kết quả tất yếu của quá trình tích lũy tri thức về CQBĐ, xây dựng tình cảm, niềm tin BVCQBĐ với những biểu hiện cụ thể là:

+ Kiên định về mục tiêu; kiên quyết, kiên trì trong tư tưởng và hành động BVCQBĐ;

+ Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng và ý chí quyết tâm khắc phục mọi nguy hiểm, khó khăn, gian khổ; vượt qua những ảnh hưởng tiêu cực, cám dỗ của mặt trái nền kinh tế thị trường, của TCH và hội nhập quốc tế..

+ Nêu cao tinh thần lao động XHCN; luôn chủ động, nhiệt tình, sáng tạo trong nhận thức và hành động; nêu cao tinh thần dám nghĩ, dám làm, đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau; Tự kiểm soát cảm xúc, tâm trạng không để bị ảnh hưởng, lôi kéo, lây nhiễm bởi những hành vi, lối sống tiêu cực...

+ Xác định rõ mục đích và quyết tâm khắc phục khó khăn nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Tích cực tham gia học tập nâng cao nhận thức lý luận, tăng cường bản lĩnh chính trị, sẵn sàng tham gia đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; có dũng khí đứng lên bảo vệ lẽ phải, sẵn sàng tham gia phục vụ chiến đấu BVCQBĐ khi Tổ quốc cần.

Tóm lại, ý thức BVCQBĐ được thể hiện trong việc thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người công dân đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; được thể hiện qua kết quả của những hoạt động thực tiễn mang tính tích cực, tự giác, sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân.

1.1.3 Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

1.1.3.1 Sinh viên Việt Nam

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả nhận thấy các định nghĩa về sinh viên hoặc dựa vào 03 tiêu chí (tuổi, trình độ, lĩnh vực hoạt động), hoặc vào 01 tiêu chí (lĩnh vực hoạt động). Trên thực tế hiện nay, cùng với sự đa dạng hóa các loại hình đào tạo ở bậc đại học và sự tăng lên không ngừng nhu cầu được đào tạo của con người, đang xuất hiện những SVVN ít tuổi (độ tuổi thanh niên), nhiều tuổi (trung niên, trên trung niên). Với bậc học này, ở Việt Nam hiện có nhiều hệ đào tạo: tập trung dài hạn, từ xa, vừa học, vừa làm (đào tạo liên tục), văn bằng 2, liên thông... với nhiều hình thức như trường ĐH công lập, trường ĐH dân lập, trường nghề...

Theo đó, trong khuôn khổ luận án, tác giả thống nhất khái niệm: *SVVN là những công dân đang học tập và nghiên cứu khoa học theo chương trình đào tạo đại học, cao đẳng trên lãnh thổ Việt Nam*

Trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam trước 2017, có 02 đại học quốc gia (ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia Hồ Chí Minh); 03 ĐH vùng (ĐH Thái Nguyên, ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng) và 223 trường ĐH, học viện; 219 trường Cao đẳng; 303 trường Trung cấp chuyên nghiệp; trong đó: có 163 Trường ĐH công lập, 60 ngoài công lập; 189 trường cao đẳng công lập, 30 trường cao đẳng ngoài công lập; 175 trường Trung cấp chuyên nghiệp công lập, 128 trường Trung cấp chuyên nghiệp ngoài công lập.

Từ năm 2017, theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ: Chính phủ thống nhất giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, cơ quan quản lý trực tiếp các trường trung cấp, cao đẳng khẩn trương chỉ đạo thực hiện tự chủ trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp để giảm nhanh can thiệp hành chính của Bộ chủ quản và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngày 09/11/2016, tại Trụ sở Bộ GD&ĐT, 2 Bộ đã tổ chức bàn giao: Bộ GD&ĐT chuyển quyền quản lý nhà nước sang cho Bộ LĐTBXH đối với 201/234 trường cao đẳng và 301/303 trường trung cấp chuyên nghiệp. Thời điểm thực hiện chính thức là từ ngày 1/1/2017. Như vậy, đối với bậc Giáo dục nghề nghiệp, Bộ GD&ĐT chỉ quản lý nhà nước đối với 33 trường CĐSP và 02 trường trung cấp SP.

Theo con số thống kê được website Bộ giáo dục và Đào tạo (công bố tại Hội nghị tổng kết thực hiện nhiệm vụ giáo dục đại học năm học):

Năm 2016 - 2017 Việt Nam có 235 trường đào tạo 1.767.879 sinh viên

Năm 2017 - 2018 Việt Nam có 235 trường đào tạo 1.707.025 sinh viên

Năm 2018 - 2019: Việt Nam có 237 trường đào tạo 1.526.111 sinh viên

Năm 2019 - 2020: Việt Nam có 237 trường đào tạo 1.672.881 sinh viên

(Số liệu trên không bao gồm các trường ĐH thuộc khối An ninh, Quốc phòng)

Như vậy, theo nghiên cứu của tác giả luận án:

Về cơ cấu, SVVN là một bộ phận quan trọng của thanh niên cả nước, là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN. Với tuổi đời đa số còn khá trẻ (từ 18 đến 25 tuổi) vì thế những yếu tố tích cực như: tinh thần yêu nước, tình làng nghĩa xóm, tình yêu quê hương, lòng căm thù giặc, đức tính cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu... luôn là những nhân tố thuận lợi để SVVN tiếp thu, kế thừa và ngày càng hoàn thiện nhân cách, đồng thời phát huy cao độ tinh thần cống hiến vì ngày mai lập nghiệp của chính mình. Tuy nhiên, do được hội tụ từ khắp các vùng miền, các dân tộc trong cả nước nên mỗi người SVVN lại mang theo những phong tục, tập quán và những nét văn hóa đa dạng vào trường học. Đây là yếu tố chi phối, tác động không nhỏ đến việc nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVTQ nói chung và ý thức BVCQBĐ nói riêng trong các trường ĐH.

Về nhận thức, SVVN là một tầng lớp xã hội có trình độ học vấn, hoạt động có mục đích tổ chức theo chương trình nhất định để thực hiện vai trò chuyên môn cao trong lĩnh vực sáng tạo tinh thần. Khi tham gia học tập và nghiên cứu ở các trường ĐH, họ trang bị kiến thức về chính trị - xã hội, văn hóa, lịch sử truyền thống dân tộc. Họ là những người được tuyển chọn kỹ lưỡng theo những tiêu chí khá chặt chẽ về trình độ văn hóa, thể lực và phẩm chất đạo đức nên mặt bằng nhận thức khá đồng đều. Hơn nữa, họ lại là những người được sinh ra và lớn lên trong thời bình, được gia đình, nhà trường và xã hội luôn quan tâm, chăm lo giáo dục nên có cơ hội thuận lợi để học tập, tiếp thu lĩnh hội tri thức hơn so với các thế hệ cha anh trước đây. Do đó, ở họ có học vấn ngày càng cao và có những điều kiện thuận lợi để vươn lên thực hiện lý tưởng, hoài bão và hướng tới các giá trị tốt đẹp của xã hội, của thời đại. Tuy nhiên, ở độ tuổi còn khá trẻ, chưa có nhiều sự từng trải để đánh giá, lựa chọn thì việc nhìn nhận đánh giá về quá khứ cũng như các giá trị truyền thống của SVVN có đôi khi còn mang tính chủ quan, phiến diện. Mặt khác, do thiếu kinh nghiệm thực tế về mọi vấn đề trong cuộc sống, nên ở SVVN thường xuất hiện tư tưởng “dễ dãi” trong việc tiếp nhận các trào lưu văn hóa khác nhau, kể cả tích cực và tiêu cực; thường lý tưởng hóa, say mê vào tương lai nhưng cũng dễ chán nản, thất vọng và hoài nghi. Để khắc phục hiện tượng này, việc trang bị hệ thống tri thức khoa học nói chung và tăng cường giáo dục, bồi dưỡng ý thức BVTQ, BVCQBĐ cho SVVN là một việc làm có ý nghĩa hết sức quan trọng và thiết thực đối với quá trình nâng cao nhận thức và trách nhiệm của SVVN đối với vận mệnh của quốc gia, dân tộc.

Về tâm - sinh lý, SVVN mang đầy đủ đặc tính cơ bản của tuổi trẻ là tính năng động, sáng tạo, sôi nổi, nhiệt tình trong mọi hoạt động. Đặc biệt họ có tinh thần sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc; song cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế như chưa chín chắn, bản lĩnh chính trị chưa vững vàng, trong hoạt động thường có biểu hiện của sự bông bột, tự phát, khi gặp khó khăn thất bại tạm thời dễ bị

quan, chán nản, thiếu kiên trì nhẫn nại. Điều này đặt ra vấn đề cấp thiết cần tăng cường rèn luyện ý chí quyết tâm cao cho SVVN thông qua thực tiễn hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục chính trị - quân sự, tạo cơ sở quan trọng trong nâng cao ý thức BVTQ, BVCQBĐ ở mỗi cá nhân SVVN.

1.1.3.2 Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên

Giáo dục là hoạt động đặc trưng của xã hội loài người, được hình thành cùng với sự phát triển nhận thức của con người và sự phát triển xã hội.

Xét về mặt bản chất, giáo dục là một quá trình mà trong đó những tri thức, kinh nghiệm của con người truyền đạt, tiếp thu, trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác nhằm tạo nên những giá trị mới, đáp ứng nhu cầu xã hội ở một giai đoạn lịch sử nhất định.

Về mặt hoạt động, giáo dục là quá trình tác động của các chủ thể giáo dục đến các đối tượng giáo dục nhằm mục tiêu hình thành cho những đối tượng giáo dục đó các phẩm chất nhất định, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử.

Về mặt phạm vi, giáo dục bao hàm nhiều cấp độ khác nhau: theo nghĩa rộng giáo dục là hoạt động có mục đích của xã hội, là sự tác động có hệ thống, có chương trình, có kế hoạch, có nội dung, có phương pháp... tác động đến con người trong một thời gian dài, để hình thành cho họ những phẩm chất đạo đức, năng lực lao động nhất định. Hiểu theo nghĩa hẹp, giáo dục (trong nhà trường) là quá trình tác động của các nhà sư phạm với quy trình, kế hoạch chặt chẽ nhằm mục đích cung cấp kiến thức, xây dựng và phát triển nhân cách, định hướng hành vi cho người học theo quy mô mà xã hội yêu cầu. Ở cấp độ nhỏ nhất, giáo dục được hiểu là quá trình tự bồi dưỡng, tự tu dưỡng của cá nhân con người (với tư cách vừa là chủ thể, vừa là đối tượng giáo dục) để hình thành những phẩm chất, giá trị đạo đức, năng lực cụ thể... thông qua hoạt động thực tiễn.

Giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN là hoạt động tuyên truyền, giảng dạy... giúp sinh viên lĩnh hội và vận dụng một cách sáng tạo những giá trị truyền thống tốt đẹp, các quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và luật pháp quốc tế trong bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ gìn môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển ở khu vực và thế giới.

Đây là quá trình tác động của chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục, thông qua sự tác động đó mà con người tự giáo dục chính bản thân mình (thực hiện mục tiêu giáo dục).

Các chủ thể của giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN bao gồm:

Chủ thể lãnh đạo, quản lý: Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT, Nhà trường (Chủ tịch Hội đồng trường, Giám đốc, Hiệu trưởng), các Phòng, Khoa, Bộ môn (phòng Quản lý đào tạo, Công tác sinh viên, Khoa Lý luận chính trị...), Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh., Hội SVVN, gia đình..

Chủ thể trực tiếp: giảng viên bộ môn, giảng viên Lý luận chính trị, cố vấn học tập, cán bộ Đoàn Thanh niên, bản thân SVVN..

Trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ, các chủ thể giáo dục có vai trò quan trọng trong việc xác định mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp và những hình thức giáo dục cho phù hợp với từng đối tượng giáo dục. Cũng chính trong quá trình giáo dục này, SVVN không chỉ là đối tượng giáo dục mà còn là chủ thể giáo dục khi tự bản thân SVVN cũng thường xuyên tiến hành các hoạt động cá nhân, tự giác, tích cực, chủ động tự giáo dục để từng bước hình thành ý thức, bồi dưỡng nhân cách, đạo đức.

Như vậy, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay là một quá trình, bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

Một là, mục đích của quá trình giáo dục nhằm hình thành cho xã hội những công dân, những người lao động có phẩm chất, có nhân cách, có năng lực chuyên môn, có ý thức trách nhiệm cao.. đáp ứng yêu cầu mới của sự phát triển đất nước.

Hai là, các chủ thể của quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức, điều khiển quá trình giáo dục theo những mục đích, khoa học, hợp lý. Các chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục trong nhà trường bao gồm: các cán bộ, giảng viên và sinh viên - chủ thể tự giáo dục.

Ba là, nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN là làm cho sinh viên hiểu rõ diễn biến những tranh chấp, xung đột đang tồn tại ở các vùng biển và vùng chồng lấn trên lãnh thổ Việt Nam, hiểu rõ quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về vấn đề BVCQBĐ và BVTQ Việt Nam, giáo dục những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc như truyền thống yêu nước, truyền thống đạo đức, tư tưởng nhân văn, lòng nhân ái, lòng biết ơn... Từ những nội dung giáo dục ý thức đó làm cho SVVN nảy sinh tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; Giúp cho thanh niên ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; Thông qua giáo dục, giúp cho SVVN nhận thức đầy đủ về “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; đồng thời trang bị cho SVVN những tri thức về quyền và nghĩa vụ của công dân để từ đó có ý thức giải quyết các tranh chấp chủ quyền theo luật pháp quốc tế...

Bốn là, phương pháp giáo dục là những cách thức các chủ thể giáo dục sử dụng nhằm giúp sinh viên từng bước chuyển hóa những quan điểm, đường lối về BVTQ, BVCQBĐ thành tình cảm, hành vi trong cuộc sống. Những phương pháp này được thực hiện thông qua quá trình giảng dạy (đặc biệt là trong các môn Lý luận chính trị Mác - Lênin); thông qua tổ chức tuần sinh hoạt công dân (đầu khóa, cuối khóa), các hoạt động kỷ niệm, tri ân ngày lễ lớn của dân tộc; thông qua hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của các trường ĐH; thông qua

các phương tiện truyền thông hiện đại; thông qua giáo dục gia đình, bạn bè và sự tự ý thức của bản thân SVVN...

Năm là, hiệu quả của quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN được đánh giá bằng sự thay đổi về mặt nhận thức và sự thay đổi về các hành vi của SVVN trong việc đối diện với những cám dỗ, thói hư tật xấu và các tư tưởng chống phá, xuyên tạc...

Con đường hình thành ý thức BVCQBĐ của SVVN

Ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành và phát triển trong thực tiễn học tập và rèn luyện; trong giao lưu và học hỏi kinh nghiệm, trong thực tiễn đấu tranh chống lại các lực lượng thù địch chống phá QP-AN.. với tinh thần yêu nước, tinh thần tự hào tự tôn dân tộc, tinh thần đoàn kết, kiên cường, bất khuất, ý chí dũng cảm và ý chí tự lực, tự cường, năng động sáng tạo vươn lên. Cụ thể là:

Thứ nhất, ý thức BVCQBĐ của SVVN hình thành dựa trên sự kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Kế thừa truyền thống yêu nước, lòng khao khát độc lập, tự do đã hun đúc cho SVVN tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất. SVVN là những người được tiếp xúc với tri thức ở trình độ cao. Ngay từ khi bước chân vào các trường ĐH, SVVN đã có sự nhận thức cao, có thái độ tin tưởng, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, do sự thay đổi về môi trường sống, do ảnh hưởng của quá trình biến đổi nhanh chóng đời sống vật chất, tinh thần của con người trong nền kinh tế thị trường, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã dần bị lãng quên hoặc bị phủ nhận, bị coi là lỗi thời, không phù hợp... Tình trạng lối sống xa hoa, sự xuất hiện của văn hóa cơ hội trong học đường, lối sống thực dụng, coi trọng đồng tiền ... đã gây nên sự nhận thức khác nhau, thiếu đầy đủ và sai lệch về nghĩa vụ và trách nhiệm BVCQBĐ ở một bộ phận SVVN. Chính vì vậy, để phát huy những nhân tố tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực đến hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ

của SVVN thì biện pháp vừa cơ bản và vừa cấp bách hiện nay là Nhà trường, địa phương phải đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, làm cho nhiệm vụ BVCQBĐ ngày càng được tuyên truyền sâu, rộng hơn trên mọi mặt.

Thứ hai, ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục và quá trình tự học tập, rèn luyện của bản thân SVVN.

Quy luật hình thành, phát triển ý thức của con người đã chỉ ra, nhờ ngôn ngữ (chữ viết) sự hiểu biết của người này truyền cho người kia, từ thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau từ đó ý thức của con người và toàn xã hội không ngừng phát triển và hoàn thiện. Như vậy, có thể khẳng định: ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành, phát triển chủ yếu là thông qua con đường giáo dục, tuyên truyền và dựa trên nền tảng công tác giáo dục. Đây là con đường vừa mang tính phổ biến đối với sự hình thành, phát triển của mọi loại ý thức chính trị, ý thức pháp luật xã hội của nhân dân Việt Nam nói chung, vừa mang tính đặc thù đối với sự hình thành, phát triển ý thức BVCQBĐ của SVVN nói riêng...

Thông qua công tác giáo dục, tuyên truyền, SVVN được trang bị những kiến thức về đường lối, quan điểm BVTQ của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về biển, đảo và tầm quan trọng của biển đảo đối với sự phát triển KT-XH; truyền thống, kinh nghiệm và nhiệm vụ của đất nước trong thời kỳ mới. Từ đó, SVVN có thể tự bồi đắp tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm; đề cao tinh thần yêu nước, lòng trung thành với sự nghiệp BVCQBĐ.

Bên cạnh đó, thông qua quá trình giáo dục còn có thể khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức độc lập tự chủ vượt qua mọi hoàn cảnh trong cuộc sống; nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực đấu tranh chống lại những biểu hiện tiêu cực, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Như vậy, muốn làm cho ý thức BVCQBĐ của SVVN hình thành, phát triển bền vững, bên cạnh việc phát huy vai trò của các loại hình giáo dục, tuyên truyền hiện nay, cần phải đặc biệt quan tâm chú ý tới việc nâng cao chất lượng công tác giáo dục, tuyên truyền về nhiệm vụ BVCQBĐ ở tất cả các phương diện như nội dung, phương thức và hình thức.

Thứ ba, ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành, củng cố và phát triển qua thực tiễn BVCQBĐ của Tổ quốc.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, biện chứng của quá trình nhận thức đã chỉ ra vai trò to lớn của thực tiễn đối với sự hình thành và phát triển ý thức. Ý thức BVCQBĐ là một bộ phận của ý thức xã hội, nó chịu sự chi phối và quyết định của tồn tại xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Con người với tri thức, năng lực, kinh nghiệm và phẩm chất của họ là sản phẩm của quá trình hoạt động thực tiễn. Những hoạt động này là nguồn gốc, động lực thúc đẩy sự phát triển ý thức cá nhân của con người cho phù hợp với bối cảnh xã hội thay đổi. Như vậy, có thể hiểu, về mặt lý luận, SVVN muốn hình thành được ý thức BVCQBĐ phải được tham gia, được rèn luyện trực tiếp trong các hoạt động xây dựng, chiến đấu, BVCQBĐ.

Tuy vậy, SVVN với đặc trưng là những người trẻ tuổi, đang học tập tại các trường ĐH nên không có cơ hội tham gia trực tiếp vào hoạt động chiến đấu, BVCQBĐ trong thực tế. Điều đó khiến cho SVVN gặp nhiều hạn chế như: chỉ nhận thức BVCQBĐ trên cơ sở lý thuyết, không có cái nhìn đầy đủ về những khó khăn, nguy cơ mà đất nước đang gặp phải, thiếu cách nhìn chân thực, khách quan, hoàn chỉnh về các *Chiến lược BVTQ trong tình hình mới*; không thể biết rõ nội dung, phương thức, biện pháp, lực lượng đấu tranh BVCQBĐ đang diễn ra sôi động, phức tạp, khó lường. Chính vì vậy, trước những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình, họ sẽ không thể có cách ứng xử đúng đắn và phù hợp. Mặt khác, vì không trực tiếp tham gia các hoạt động BVCQBĐ, không trực tiếp chứng kiến những khó khăn, nguy hiểm của nguy cơ mất chủ quyền lãnh thổ,

SVVN cũng sẽ không thể có niềm tin vững chắc và ý chí quyết tâm cao để thực hiện bổn phận và trách nhiệm cá nhân với Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của người công dân.

Để khắc phục vấn đề này đòi hỏi chủ thể của quá trình giáo dục, các tổ chức chính trị - xã hội cần có biện pháp hữu hiệu nhằm tuyên truyền thường xuyên những tấm gương tiêu biểu trong phong trào BVCQBĐ đến SVVN. Đồng thời, cần có những văn bản, tài liệu hướng dẫn thống nhất ở các cơ sở giáo dục, đào tạo để định hướng nhận thức cho SVVN một cách có hệ thống, logic và khoa học.

Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển toàn diện tâm - thể - mỹ của SVVN luôn được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội, điều đó đã tạo ra môi trường hết sức thuận lợi để SVVN có điều kiện học tập và nghiên cứu, nhưng cũng đặt ra trách nhiệm cho SVVN cần tham gia tích cực hơn vào sự nghiệp xây dựng và BVTQ nhằm “phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị...”, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN là giáo dục tinh thần kiên quyết, kiên định trong “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời...” với quyết tâm xây dựng Việt Nam trở thành một nước giàu về kinh tế, mạnh về quân sự và vững vàng về bản lĩnh chính trị như quan điểm của Đảng đã đề ra: “làm sao cho kinh tế phải vững, quốc phòng phải mạnh, thực lực phải cường, lòng dân phải yên, chính trị - xã hội ổn định, cả dân tộc là một khối thống nhất” [46, tr.169].

1.2 Những yếu tố ảnh hưởng tới công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên trong các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay

1.2.1. Quan điểm, sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các cấp

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban giám hiệu, các phòng, khoa chuyên ngành có vai trò quyết định đến hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Bộ GD&ĐT, ban giám hiệu... trong hoạt động giáo dục ý thức BVTQ, BVCQBĐ cho SVVN, thì việc giảng dạy tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các môn lý luận chính trị trong mỗi nhà trường có ý nghĩa quan trọng đối với việc hình thành và nâng cao hiệu quả giáo dục. Thực tiễn cho thấy, ở đâu và lúc nào Đảng ủy, Ban giám hiệu, các phòng, ban, khoa chức năng thường xuyên quan tâm đến chất lượng, hiệu quả, quan tâm chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động tăng cường ý thức BVCQBĐ của SVVN hiện nay trong hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ của SVVN, thì ở đó, lúc đó, việc tăng cường giáo dục ý thức BVCQBĐ sẽ đạt được chất lượng, hiệu quả cao và ngược lại.

Mặt khác, chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ của sinh viên các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay còn phụ thuộc vào sự gương mẫu, nêu gương của đội ngũ cán bộ, giảng viên và người lao động ở các trường ĐH hiện nay. Mỗi người trong số họ trước hết phải là một tấm gương sáng, mẫu mực về ý thức, tinh thần, thái độ và hành động trong hoạt động tăng cường ý thức BVTQ hiện nay để mọi sinh viên học tập và noi theo. Bên cạnh đó, năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên và người lao động trong hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cũng góp phần không nhỏ nhằm khuyến khích mỗi sinh viên tự giác tham gia vào trong quá trình tự giáo dục, rèn luyện, trau dồi đạo đức, phẩm chất để trở thành những công dân ưu tú mang sức trẻ của mình để phụng sự quê hương, đất nước. Đó là, năng lực nhận thức về tính tất yếu, yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp, các điều kiện bảo đảm cho hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN là phù hợp với những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của mỗi nhà trường.

Năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ, giảng viên và người lao động trong công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ bao gồm việc xác định kế hoạch, chương trình, nội dung, biện pháp, tổ chức lực lượng, phân công

nhiệm vụ, phối hợp, kết hợp giữa các phòng, ban, khoa chuyên ngành và chuẩn bị những điều kiện đảm bảo về vật chất cho hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN như: năng lực sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá, xác định nguyên nhân và đúc kết những bài học kinh nghiệm cần thiết trong tổ chức hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

1.2.2. Điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường văn hóa học đường

Nâng cao chất lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN không chỉ chịu sự quy định của các chủ thể, của chất lượng giáo dục, của tính tích cực học tập, rèn luyện của của sinh viên, mà còn chịu sự quy định của điều kiện KT-XH và môi trường văn hóa ở các trường ĐH.

Hiện nay, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển giữa các quốc gia, dân tộc vẫn là xu thế lớn trên toàn thế giới. Các nước với các chế độ chính trị - xã hội khác nhau đều cố gắng duy trì cục diện hoà bình, cùng nhau hợp tác để ứng phó với các vấn đề lớn như chống khủng bố, chống phổ biến vũ khí hạt nhân, đảm bảo an ninh năng lượng toàn cầu, chống biến đổi khí hậu, chống dịch bệnh, đối phó với các nguy cơ đe dọa an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống v.v... Tuy nhiên, các quốc gia, dân tộc sẽ phải đối phó với những khó khăn, thách thức mới, nhất là các vấn đề an ninh phi truyền thống như sự biến đổi khí hậu, sự xuống cấp của môi trường sinh thái, thảm họa thiên tai, dịch bệnh, sự bùng nổ dân số, sự thiếu hụt nguồn nước sạch, năng lượng và lương thực, các loại tội phạm v.v...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung, Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế chủ yếu. Tuy nhiên, đây vẫn là khu vực chứa đựng nhiều yếu tố bất ổn do sự tranh giành ảnh hưởng của các cường quốc đối với các nước trong khu vực và sự can thiệp của nước ngoài dưới nhiều hình thức. Trong khu vực vẫn tồn tại nhiều “điểm nóng”, có thể xảy ra xung đột như vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo, vấn đề khai thác tài nguyên ở Biển Đông (đặc biệt là ở khu vực hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa). Tình hình chính trị nội bộ của một số nước trong khu vực vẫn còn bất ổn; vấn đề ly khai dân tộc, xung đột tôn giáo, sắc

tộc, hoạt động chống đối có vũ trang diễn biến phức tạp, ảnh hưởng xấu đến môi trường an ninh khu vực.

Bên cạnh đó, dưới sự ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hàng loạt thể hệ vũ khí, trang bị, kỹ thuật quân sự mới đã ra đời. Theo đó, đã làm xuất hiện dạng thức chiến tranh kiểu mới “chiến tranh bằng vũ khí công nghệ cao”. Sự xuất hiện của những vũ khí công nghệ cao này đã làm cho những quan điểm phản khoa học, phản động, thường tuyệt đối hoá vai trò của vũ khí, trang bị, kỹ thuật quân sự, quan điểm “vũ khí luận”, xem nhẹ vai trò của yếu tố con người, của yếu tố chính trị - tinh thần... có cơ trở dậy mạnh mẽ.

Đối với Việt Nam, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, trong những năm qua, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Tuy nhiên, chúng ta vẫn đang đứng trước những nguy cơ, thách thức. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, bên cạnh tạo ra những thời cơ, thuận lợi cho việc phát triển ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ của SVVN, thì sự tác động từ mặt trái của nó sẽ làm cho SVVN có thể xuất hiện những biểu hiện quan tâm quá mức đến lợi ích kinh tế trước mắt, sao nhãng vấn đề bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, nhất là bảo vệ Tổ quốc trên lĩnh vực chính trị, văn hóa... Điều này là rất nguy hiểm đối với sự phát triển ổn định của một quốc gia bởi cùng với môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, thì môi trường văn hóa với những giá trị văn hóa, những quan hệ văn hóa tốt đẹp, những thiết chế văn hóa bền vững và những hoạt động văn hóa có chất lượng, hiệu quả sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi để sinh viên nâng cao ý thức BVTQ của họ. Đặc biệt, những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nhất là giá trị văn hóa giữ nước, văn hóa quân sự Việt Nam sẽ giúp sinh viên học tập, kế thừa, vận dụng và phát triển trong quá trình học tập, rèn luyện để nâng cao ý thức BVCQBĐ của SVVN.

Cùng với môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, thì môi trường văn hóa, đặc biệt là văn hóa học đường với những giá trị văn hóa, những quan hệ văn hóa tốt đẹp, những thiết chế văn hóa bền vững và những hoạt động văn hóa có chất lượng, hiệu

quả sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi để sinh viên tăng cường ý thức BVTQ, BVCQBĐ của họ. Nội dung hoạt động văn hóa cần hướng vào tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, củng cố, phát triển tình cảm, niềm tin, ý chí BVTQ, BVCQBĐ cho sinh viên... phù hợp với đặc điểm tâm lý, sinh lý của sinh viên ở từng giai đoạn. Quan tâm tổ chức có hiệu quả các hình thức quản lý môi trường văn hóa học đường theo hướng đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch trong hệ thống quản lý; tổ chức các hoạt động văn hóa thường xuyên và các hình thức hoạt động văn hóa tập trung theo kế hoạch. Tập trung vào hoạt động tuyên truyền cổ động; hoạt động thư viện, đọc sách, báo; hoạt động văn hóa, văn nghệ; hoạt động câu lạc bộ; hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng văn hóa; các cuộc thi tìm hiểu kiến thức lịch sử và văn hoá, v.v.. Tăng cường các hoạt động giao lưu, kết nghĩa, làm công tác dân vận.

Bên cạnh đó, nhằm phát huy vai trò chủ thể của SVVN trong các hoạt động văn hoá nói chung, tăng cường ý thức BVCQBĐ nói riêng. Giáo dục, động viên, khích lệ sinh viên chủ động tham gia các hoạt động văn hóa, làm cho họ hào hứng, tích cực đề xuất, sáng tác, tham gia dàn dựng và biểu diễn các hoạt động văn hóa. Giáo dục, động viên sinh viên tích cực, chủ động tham gia những hoạt động văn hóa mang tính giáo dục, lành mạnh, hướng vào củng cố phát triển tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí BVCQBĐ. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các yếu tố không lành mạnh trong các hoạt động văn hóa ở nhà trường.

1.2.3. Chất lượng giáo dục, đào tạo của các trường đại học, học viện hiện nay

Công tác giáo dục, đào tạo của các trường ĐH nói chung, chất lượng giáo dục, đào tạo của từng trường nói riêng luôn giữ một vị trí quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng hình thành ở mỗi sinh viên những phẩm chất, năng lực và phương pháp, tác phong công tác, có tác động, ảnh hưởng đến việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay. Kết quả tiếp thu những tri thức lý luận về BVCQBĐ nói riêng cũng như các kiến thức chuyên ngành của SVVN hiện nay chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường. Điều này được thể hiện ở kết quả của công tác giáo dục, tuyên truyền giúp hình

thành ở sinh viên tính tự giác cao trong hoạt động nghiên cứu, trau dồi tri thức chuyên môn hình thành nhận thức chỉ đạo hoạt động thực tiễn, biến lý thuyết thành hành động thực tiễn trong công tác xây dựng và BVTQ XHCN.

Chất lượng giáo dục, đào tạo của các trường ĐH quyết định chất lượng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN được thể hiện ở sự tác động, ảnh hưởng của việc xây dựng cụ thể hóa mô hình, mục tiêu, yêu cầu đào tạo cho các đối tượng người học ý thức BVCQBĐ. Trong đó mục tiêu về bản lĩnh chính trị, trình độ tri thức là những mục tiêu đặt ra đòi hỏi người học phải đạt được, đây chính là yêu cầu đặt ra để bản thân sinh viên hoàn thành được chức trách, nhiệm vụ sau khi họ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện, học tập, công tác.

Trong chương trình đào tạo sinh viên của các trường nói chung đã khẳng định rõ: đào tạo những công dân có tri thức chuyên môn tốt, có phẩm chất đạo đức tốt “vừa hồng, vừa chuyên”, “vừa có tài, vừa có đức”. Về phẩm chất đạo đức, đó là những công dân có lòng trung thành với Tổ quốc Việt Nam XHCN, với Đảng, với nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Về năng lực, đó là công dân có sự hiểu biết về nhiệm vụ BVTQ trong điều kiện mới, nhất là trong điều kiện chúng ta phải sẵn sàng đối phó thắng lợi với cuộc chiến tranh xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao nếu kẻ thù liều lĩnh phát động chống nước ta.

Cùng với sự quan tâm của Đảng ủy, Ban giám hiệu, sự phối kết hợp giữa các phòng, khoa chuyên ngành ở các Trường ĐH hiện nay có ý nghĩa quan trọng quy định việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, nhất là sự phát triển về tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm BVCQBĐ của họ trong thực hiện nhiệm vụ. Sự quan tâm chỉ đạo này được thể hiện trong xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức theo các chuyên ngành khác nhau, qua đó góp phần nâng cao phẩm chất và năng lực của sinh viên nói chung, tăng cường ý thức BVCQBĐ của sinh viên nói riêng. Các nội dung về giáo dục chính trị, trang bị cho người học sự hiểu biết về quan điểm, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, BVCQBĐ...

Ngoài trang bị những nội dung về chính trị, quân sự, những nội dung cốt yếu phục vụ cho hoạt động của học viên sau này, việc tăng cường giáo dục đạo đức, pháp luật sẽ góp phần phát triển ý thức BVCQBĐ cho mỗi SVVN. Việc giáo dục toàn diện về đạo đức và pháp luật sẽ giúp cho SVVN hình thành thái độ, động cơ đúng đắn đối với nhiệm vụ học tập trước mắt và nhiệm vụ BVCQBĐ sau khi tốt nghiệp ra trường. Thông qua giáo dục các giá trị đạo đức, giáo dục pháp luật, nhất là luật nghĩa vụ quân sự để tăng cường ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Chất lượng giáo dục của nhà trường quy định hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN được thể hiện thông qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị hoặc thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu năm học. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng có vai trò quan trọng trong giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN bởi đây là yếu tố định hướng cho họ, giúp họ có nhận thức và giải quyết đúng đắn các vấn đề do thực tiễn đặt ra. Bên cạnh đó, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN còn chịu sự tác động, ảnh hưởng của việc giáo dục truyền thống còn bởi SVVN là lực lượng còn trẻ chưa trải qua thực tiễn cách mạng, do đó việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN chính là tăng cường sự hiểu biết về truyền thống của dân tộc, sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật.

Chất lượng giáo dục, đào tạo của các Trường ĐH hiện nay quy định hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thể hiện ở số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị. Bởi đội ngũ giảng viên lý luận chính trị là lực lượng quan trọng trong việc truyền đạt tri thức, kinh nghiệm, định hướng nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm BVCQBĐ của SVVN. Tác động, ảnh hưởng của đội ngũ giảng viên đến sinh

viên không chỉ ở nội dung giảng dạy, mà còn ở cả phương pháp giảng dạy của các giảng viên.

Chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường quy định hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN được thể hiện ở số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ cán bộ quản lý sinh viên. Bởi đội ngũ cán bộ quản lý sinh viên như là người thầy thứ hai, góp phần trực tiếp trong việc truyền đạt tri thức, kinh nghiệm, định hướng nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm BVCQBĐ cho SVVN.

1.2.4. Tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên

Nâng cao chất lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN không chỉ chịu sự quy định của chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường, mà còn chịu sự quy định của tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của mỗi cá nhân SVVN. Trên cơ sở nhận thức tốt vị trí, vai trò của chất lượng giáo dục, đào tạo, mỗi SVVN khi biết phát huy tối đa sự nỗ lực, tích cực, tự giác trong tự giáo dục, tự bồi dưỡng sẽ trực tiếp góp phần thúc đẩy nhanh quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ của SVVN.

Chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường và tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên là hai mặt không thể tách rời nhau, có quan hệ tác động lẫn nhau và tác động, ảnh hưởng đến sự phát triển ý thức BVCQBĐ của SVVN. Phát huy vai trò của tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên là quá trình chuyển hóa yêu cầu khách quan của nhiệm vụ học tập thành nhu cầu của chính bản thân mỗi sinh viên, từ đó lựa chọn nội dung, phương pháp tự giáo dục, tự bồi dưỡng đạt kết quả tốt nhất.

Tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên chịu sự tác động của mô hình, mục tiêu, yêu cầu đào tạo của Trường ĐH; của nội dung, chương trình giảng dạy trong nhà trường. Đây chính là những điều kiện khách quan đặt ra cho mỗi sinh viên, từ đó quy định ý thức, thái độ, tình cảm của sinh viên

trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập tại trường và trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển ý thức giáo dục ý thức BVCQBĐ của SVVN.

Tính tích cực của việc tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên thể hiện ý thức tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên nhằm đạt hiệu quả tốt nhất trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên nhằm trang bị cho mình sự hiểu biết về nhiệm vụ xây dựng và BVTQ XHCN sẽ là cơ sở quan trọng định hướng nhận thức và hành động của sinh viên trong quá trình nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN

Phát huy tính tích cực tự giáo dục, tự bồi dưỡng của sinh viên trong giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN cần khơi dậy ở họ những nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm đối với công cuộc BVCQBĐ. Đây sẽ là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sinh viên thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhằm phát triển ý thức trong quá trình học tập, rèn luyện tại Trường ĐH, cũng như sau khi ra trường với cương vị công tác mới.

1.3. Tầm quan trọng của việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo đối với sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, giáo dục ý thức BVCQBĐ góp phần hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho SVVN.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, thế giới quan là toàn bộ hệ thống tri thức, những quan điểm của con người về thế giới và về vị trí, vai trò của chính con người trong thế giới đó. Thế giới quan là nhân tố định hướng cho quá trình hoạt động sống của con người, để từ đó con người tự giác học tập và rèn luyện, tự giác xác định mục đích, ý nghĩa cuộc sống và tự giác trong lựa chọn cách thức để đạt được mục đích đó.

Việc giáo dục những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin với tư cách là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường ĐH có vị

trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển thế giới quan khoa học cho SVVN. Bởi chủ nghĩa Mác - Lênin là “hệ thống những quan điểm và học thuyết khoa học” nghiên cứu những quy luật vận động và phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; những quan điểm và học thuyết khoa học này cung cấp cho SVVN cách nhìn biện chứng đối với hiện thực khách quan và khẳng định vai trò, vị trí của con người trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Từ đó giúp SVVN hình thành nên những tri thức đúng đắn về thế giới khách quan; có thái độ đúng đắn, khách quan đối với hiện thực; có định hướng chính trị vững vàng; có khả năng tự phán đoán, nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề mới nảy sinh.

Với là tư cách là "hạt nhân" lý luận của thế giới quan, Triết học đã góp phần làm phong phú hơn nhận thức của con người bằng cách lý giải toàn bộ các dữ kiện của hiện thực khách quan và thực tiễn của con người thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù... Tuy nhiên, “thế giới quan” của con người không hình thành một cách tự động, không phải cứ được tiếp xúc với tri thức là con người tất yếu sẽ hình thành “thế giới quan” mà quá trình này còn phải dựa trên quá trình chuyển biến tri thức thành niềm tin khoa học. Cở sở hình thành và phát triển thế giới quan là những nhận thức từ tự phát đến tự giác về các mặt của quá trình vận động, phát triển của tự nhiên và xã hội; là kết quả quá trình giáo dục và những kinh nghiệm tích lũy trong thực tiễn của SVVN.

Thông qua hoạt động giáo dục (đặc biệt là khi giảng dạy các môn Lý luận chính trị) các chủ thể giáo dục trong nhà trường từng bước xây dựng, bồi dưỡng và hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cho SVVN, phù hợp với yêu cầu phát triển của một đất nước phát triển theo con đường cộng sản chủ nghĩa, trước hết bằng việc phải trang bị cho họ đầy đủ những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; về lý luận cách mạng XHCN; về quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo chủ

nghĩa Mác - Lênin của Đảng ta trong bối cảnh mới... để từ đó SVVN tự hoàn thiện cách nhìn nhận về vấn đề phát triển bản thân; tự nguyện, tự giác sống theo quan điểm sống của nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa như một sự nhu cầu tất yếu, của sự thôi thúc nội tâm. Đồng thời, chính những kiến thức ấy sẽ giúp sinh viên có nhận thức rõ ràng hơn về những quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, từ đó mạnh dạn hơn trong suy nghĩ, kiên quyết hơn đấu tranh nhằm chống lại chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa giáo điều.. giữ bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Thứ hai, giáo dục ý thức BVCQBĐ nhằm góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin của SVVN vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mục tiêu giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay là đào tạo con người mới XHCN có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và lối sống cao đẹp, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp cao... Chính vì vậy, quá trình giáo dục ở các trường ĐH đòi hỏi các chủ thể giáo dục phải nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề “dạy cái gì”, “dạy như thế nào” và SVVN phải “học như thế nào” để có thể nâng cao nhận thức, hoàn thiện phẩm chất đạo đức, nâng cao tay nghề.. đáp ứng được nhu cầu phát triển không ngừng của xã hội. Mặt khác, bên cạnh việc góp phần xây dựng phẩm chất ý chí, đạo đức cách mạng, giáo dục ý thức BVCQBĐ cũng yêu cầu mỗi SVVN phải từng bước nâng cao năng lực phê phán và phản biện xã hội, xây dựng năng lực tự rèn luyện, ý chí chấp hành kỷ luật trong mỗi cá nhân. Kết thúc quá trình giáo dục trong Nhà trường, SSVN cần đảm bảo lĩnh hội được những nội dung cơ bản nhất của chương trình học... để từ đó vận dụng vào hoạt động nhận thức và thực tiễn của bản thân, tránh được những sai lầm dễ gặp trong tư duy như: bảo thủ, trì trệ, định kiến.

Thứ ba, giáo dục ý thức BVCQBĐ giúp cho SVVN củng cố thêm tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc

Để bảo đảm sự phát triển liên tục của quốc gia trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, bản thân mỗi quốc gia - dân tộc đó phải tự nhận thức được về sự tồn tại những bản sắc, những giá trị truyền thống và những tiềm lực nội sinh vốn có của mình. Mặt khác, trong quá trình phát triển, bản thân những bản sắc dân tộc cũng không bất biến mà ngày càng được hoàn thiện, tiếp nhận thêm các tính quy định mới, phát triển phù hợp với sự biến đổi của thời đại. Chính vì vậy, những nét văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc cần được kế thừa, khơi dậy và vận dụng một cách biện chứng để trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Ở lứa tuổi từ 18 đến 25, đa số SVVN vẫn là những cá nhân “trẻ” cả tuổi đời lẫn kinh nghiệm, lúc này họ vẫn đang diễn ra quá trình phát triển, hoàn thiện về tâm sinh lý, nhân cách, cá tính,... Vì thế, nếu không được định hướng đúng đắn, có thể dẫn tới tình trạng ở SVVN xuất hiện những suy nghĩ, hành động ảnh hưởng đến sự phát triển lâu bền của văn hóa dân tộc như vi phạm các chuẩn mực đạo đức truyền thống ở mức độ cao, phải chịu sự cưỡng chế của pháp luật; tư tưởng bất mãn, nói xấu chế độ; tư tưởng hưởng thụ ham chơi, lười làm.... Trước tình hình đó, vấn đề giữ gìn và phát huy đồng thời bổ sung thêm những nội dung mới về giáo dục ý thức BVCQBĐ trong các trường ĐH là nhiệm vụ cấp bách cần triển khai sớm. Cụ thể:

Về giáo dục tri thức BVCQBĐ cho SVVN: đảm bảo trong quá trình giáo dục, SVVN đạt được những hiểu biết sâu sắc về lịch sử, truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; về tình yêu thương gia đình, quê hương, đất nước và con người Việt Nam; về mục tiêu và nhiệm vụ BVTQ trong giai đoạn cách mạng mới; về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù chống phá cách mạng nước ta; về vị trí, vai trò, trách nhiệm của chính SVVN đối với sự nghiệp xây dựng đất nước và BVTQ.

Về giáo dục tình cảm, niềm tin cho SVVN: nâng cao tình cảm tự hào đối với truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước, truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc và các thời kỳ trước; có tình cảm, thái độ, trách nhiệm đúng đắn đối với đất nước, Đảng, Nhà nước, nhân dân, ủng hộ cái tích cực, lên án cái tiêu cực, kiên quyết đấu tranh chống những tư tưởng và hành động phá hoại hòa bình, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phá hoại công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng và BVTQ của nhân dân ta.

Xây dựng niềm tin, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khả năng giành thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong điều kiện chiến tranh xâm lược công nghệ cao, âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh, thiết thực góp phần xây dựng và BVTQ XHCN.

Về ý chí quyết tâm: xây dựng cho SVVN ý thức quyết tâm cao, khả năng “tự giáo dục” trong công tác, học tập, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trí tuệ, thể lực..., tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội; chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; các hoạt động củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và an ninh nhân dân, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù...

Trong những năm gần đây, ở các trường ĐH đã xuất hiện tình trạng thụ động, trì trệ “học cho xong”, lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền hạ thấp tình nghĩa; lòng nhân ái, đoàn kết, yêu nước tinh thần hiếu học, “tôn sư trọng đạo” bị xem nhẹ; căn bệnh “vô cảm” trở nên phổ biến ở nhiều nơi... Về phía gia đình, do áp lực của việc làm, thu nhập, quỹ thời gian của cha mẹ (quan tâm,

lắng nghe, đồng hành, định hướng, giáo dục...) dành cho SVVN ngày càng bị rút ngắn. Điều này làm cho sinh hoạt của SVVN ngày càng bị kéo dẫn khỏi truyền thống văn hóa, đưa tới những suy nghĩ, biểu hiện không tốt cho việc khơi dậy, phát huy ý thức tự hào, tự tôn dân tộc cả về lợi ích trước mắt và lâu dài.

Như vậy, để đạt được hiệu quả trong công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ, các chủ thể giáo dục cần trang bị cho SVVN không chỉ ở nội dung các tri thức về vấn đề bảo vệ đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, mà cần thiết hơn nữa là những tri thức khoa học về lịch sử dân tộc, phong tục, tập quán, lối sống, về lòng tự hào, tự tôn dân tộc, từ đó hình thành niềm tin, lý tưởng phấn đấu và hành động thiết thực cho SVVN trong quá trình lập thân, lập nghiệp và xây dựng Tổ quốc.

Thứ tư, giáo dục ý thức BVCQBĐ giúp cho SVVN nâng cao ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giàu truyền thống, trong đó ngoài tinh thần yêu nước thì nổi lên trên hết chính là tinh thần tương thân tương ái, gắn kết cộng đồng, tinh thần lá lành đùm lá rách.. Với xuất phát điểm là một nước nông nghiệp lúa nước, người dân Việt Nam tiến bước xây dựng CNXH từ lũy tre làng, chính vì vậy “tình cảm” là nguồn năng lượng dồi dào, là sợi dây gắn kết, nuôi dưỡng những tâm hồn việt; gắn kết những con người cùng quê hương, cùng quốc gia.. dù họ có ở xa quê hương, gia đình.

Trong những năm gần đây, do sự ảnh hưởng của công nghệ truyền thông và mạng xã hội, SVVN thường bị phụ thuộc bởi điện thoại thông minh, thiếu tiếp xúc trực tiếp với bạn bè, với xã hội mà chỉ coi trọng những mối quan hệ ảo. Vì vậy, trong quá trình giáo dục, đặc biệt là giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay cần nhấn mạnh đến những giá trị truyền thống cốt lõi của dân tộc thông qua các nội dung tuyên truyền về cội nguồn, về lịch sử dân tộc. Bởi chỉ khi “dân ta phải biết sử ta” thì SVVN mới có thể hình thành và củng cố

những giá trị văn hóa cao đẹp, khôi phục tình cảm gắn kết cộng đồng, mong muốn phấn đấu đưa dân tộc Việt Nam sánh kịp với các nước trên thế giới.

Với đặc tính lứa tuổi, SVVN có nhiều khát khao, hoài bão để lập thân, lập nghiệp, họ mang trong mình nhiều khát vọng, ý chí vươn lên để khẳng định mình. Vì thế công tác giáo dục định hướng chính trị và tư tưởng cho SVVN là vô cùng quan trọng bởi nếu công tác giáo dục ý thức đúng đắn thì SVVN sẽ sớm khẳng định được mình, có điều kiện để cống hiến cho đất nước.

Ví dụ: trong sự kiện ngày 2/5/2014 Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 sâu trong vùng biển Việt Nam đã làm dấy lên những làn sóng phản đối mạnh mẽ... bên cạnh thực trạng có một số ít sinh viên bị lôi kéo tham gia biểu tình phản đối hành động của Trung Quốc thì đại đa số SVVN đã thể hiện bản lĩnh, lòng yêu nước bằng những hành động cụ thể, thiết thực thể hiện sự tỉnh táo trong nhận thức chính trị, văn minh trong ứng xử và hành động như: gửi tâm thư, kêu gọi bạn bè sinh viên các nước hãy ủng hộ yêu cầu hợp pháp và chính đáng của Việt Nam; vận động người thân, bạn bè chấp hành nghiêm pháp luật và ủng hộ các chủ trương, biện pháp đấu tranh hòa bình của Đảng và Nhà nước ta, kêu gọi và tuyên truyền người dân không tham gia biểu tình, gây mất trật tự an toàn xã hội...

Tinh cộng đồng và tinh thần đoàn kết là những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam được trải nghiệm trong lịch sử nhưng hiện nay, để phát huy những giá trị đó thật không dễ dàng khi cái cá nhân vị kỷ đang tác động mạnh mẽ đến lớp trẻ. Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc là một trong nhiều giá trị của văn hóa Việt Nam phải được bộc lộ trong những thời điểm và môi trường cụ thể.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã nêu rõ: Việt Nam cần hướng tới xây dựng nền văn hóa tiên tiến và con người Việt Nam tiên tiến. Trong đó nền văn hóa tiên tiến được nhấn mạnh tới các yếu tố yêu nước và tiên bộ; có nội dung

cốt lõi là độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ và gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhằm mục tiêu tất cả vì con người tự do, phát triển...[34, tr.46].

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam gồm những giá trị bền vững được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, xây dựng đất nước. Đó là lòng yêu nước; là tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; là ý chí tự lực, tự cường dân tộc; là lòng nhân ái, lòng khoan dung; là sự tinh tế trong ứng xử, nét giản dị trong lối sống... [34, tr.46].

Thứ năm, giáo dục ý thức BVCQBĐ giúp cho SVVN có nhận thức đầy đủ về những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch

Các thế lực thù địch và thế lực phản động bên ngoài đã lợi dụng vào quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế để triển khai chiến lược “diễn biến hòa bình” đặc biệt là chúng hướng mũi nhọn vào tầng lớp SVVN.

Thực tế cho thấy, bên cạnh những SVVN tích cực học tập, rèn luyện vì tương lai thì vẫn còn một bộ phận không nhỏ SVVN có lối sống cá nhân, thực dụng vật chất hóa trong các quan hệ ứng xử. Một số ít SVVN có thái độ bàng quan với người xung quanh, cho dù phong trào tình nguyện, phong trào đền ơn đáp nghĩa được phát động rầm rộ cũng không quan tâm; nhìn thấy bạn học bị chấn thương khó di chuyển cũng không có ý định giúp đỡ... Sự quan tâm, hy sinh, chia sẻ, giúp đỡ... “mình vì mọi người” ngày càng giảm sút, thậm chí nếu có hành vi giúp đỡ, đôi khi, cũng được xem xét dưới góc độ kinh tế.

Ở một bộ phận SVVN xuất hiện thái độ đòi hỏi quyền lợi hơn là cống hiến, trong cuộc sống cũng như trong nhiệm vụ được giao, trong học tập... chỉ hướng tới đòi hỏi hưởng thụ “mọi người vì mình” mà quên đi nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân mình với tập thể, coi trọng lợi ích của cá nhân mà quên đi lợi ích của tập thể (ví dụ như khi học tập trên lớp, một số sinh viên ở trong nhóm học tập nhưng không hoàn thiện phần công việc được giao, gây ảnh hưởng đến kết quả đánh giá của nhóm), quan tâm đến những lợi ích trước mắt hơn lợi ích

lâu dài (ví dụ như tình trạng thuê học hộ, thuê làm bài tập hộ.. dẫn đến tình trạng một số SVVN không nắm bắt được kiến thức, khi được phỏng vấn thực tập đã không thể trả lời được những kiến thức cơ bản của ngành học)... Nguy hại hơn nữa, chính những thực trạng trên đã khiến một số SVVN ngây thơ về chính trị, mất cảnh giác trước luận điệu xuyên tạc, lôi kéo của những đối tượng xấu dẫn đến những hành động gây nên những điểm nóng chính trị - xã hội (Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ).

Do đó, cần nâng cao chất lượng giáo dục ý thức đạo đức, ý thức trách nhiệm và hơn hết là ý thức BVCQBĐ cho SVVN để họ có nhận thức đúng đắn vị trí, chiến lược quan trọng của BVCQBĐ trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ. Giáo dục ý thức BVCQBĐ gắn liền với giáo dục truyền thống lịch sử anh hùng của dân tộc sẽ giúp SVVN nhìn rõ được bản chất, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch từ đó hoàn thiện hơn nữa nhận thức về vai trò, vị trí của bản thân mình trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước hiện nay.

Thứ sáu, giáo dục ý thức BVCQBĐ là quá trình trang bị cho SVVN ý thức giải quyết các tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền theo luật pháp quốc tế

Trong giai đoạn hiện nay, xu thế hợp tác vì sự phát triển là ưu tiên hàng đầu của các quốc gia. Mọi tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đều được ưu tiên giải quyết trong hòa bình dựa trên cơ sở luật pháp Quốc tế.

Đối với quá trình BVCQBĐ Việt Nam, Đảng ta đã xác định: phương thức BVCQBĐ hiện nay là kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang và đấu tranh phi vũ trang (trong đó đấu tranh phi vũ trang là chính); kết hợp xây dựng với BVTQ từ xa (bảo vệ từ nhận thức, từ bảo vệ nền tảng tư tưởng); chú trọng đến đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” và phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Để làm được điều này, Đảng đã nhấn mạnh đến việc cụ thể hóa quan điểm chủ động BVTQ trong thời bình với tư tưởng phải bảo vệ

đất nước ngay từ lúc đất nước chưa nguy, đồng thời phát triển hoàn thiện quan điểm “tự bảo vệ” trong bối cảnh KT-XH có nhiều thay đổi [55, tr.121].

Trang bị cho SVVN những hiểu biết về quan điểm của Đảng và Nhà nước ta khi giải quyết các vấn đề chủ quyền lãnh thổ, giải quyết vấn đề tranh chấp vùng chồng lấn trên biển là: giải quyết mâu thuẫn thông qua hình thức đàm phán, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích chính đáng của các bên liên quan.

Trong quá trình giải quyết các vấn đề trên biển (với các nước trong khu vực) Việt Nam khẳng định sẽ luôn luôn dựa trên các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước để đấu tranh như: ưu tiên tiến hành đàm phán với các bên, căn cứ vào Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

Đối với Trung Quốc, Việt Nam mong muốn thông qua đàm phán để giải quyết một cách hòa bình vì vậy yêu cầu phía Trung Quốc phải thực hiện các điều khoản Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982; yêu cầu đảm bảo trong khi đang giải quyết những tranh chấp pháp luật về lãnh thổ và luật biển, phía Trung Quốc không tiến hành các hoạt động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

1.4 Hệ tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Trong khuôn khổ đề tài luận án, tác giả dựa trên cơ sở các tiêu chí cơ bản nhất đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục - đào tạo đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định khi tiến hành công tác kiểm định chất lượng đại học; dựa trên thực tiễn hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ trong các trường ĐH... để bước đầu xây dựng những tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

*** Tiêu chí 1: Đánh giá nhận thức của sinh viên Việt Nam hiện nay về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo**

STT	Đối tượng được đánh giá	Nội dung đánh giá	Chỉ số đánh giá
1	Sinh viên	- Mục tiêu chung + Năng lực tự học tập, nghiên cứu, rèn luyện. + Năng lực phản biện xã hội. + Năng lực hoạt động xã hội khác.	- SV có năng lực học tập và nghiên cứu tốt, đạt được kết quả cao (thể hiện qua kết quả học tập và rèn luyện) - SV có khả năng phân biệt được những luận điệu xuyên tạc, lôi kéo.. những tư tưởng phản cách mạng - SV năng động trong hoạt động phong trào
		- Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. + Về tri thức	- SV nắm được kiến thức cơ bản về các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về

		vấn đề BVCQBĐ hiện nay. - SVVN nắm được những văn bản pháp luật cơ bản liên quan đến vấn đề BVCQBĐ - Có sự tự giác, chủ động tìm hiểu về các diễn biến thời sự liên quan đến vấn đề BVCQBĐ - Có tình cảm yêu thương sâu sắc đối với quê hương đất nước và biển đảo Việt Nam. - Có niềm tin Đảng, Nhà nước; vào khả năng của bản thân trong học tập và rèn luyện. - Có thái độ phản đối sự lấn chiếm, tranh chấp ở các vùng biển thuộc chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.
--	--	---

			- Có thái độ tích cực, chủ động trong đấu tranh với những biểu hiện, hành động tiêu cực, vi phạm pháp luật, những tư tưởng chống phá xuyên tạc của các thế lực thù địch. - Có thái độ sẵn sàng tham gia vào những công việc khó khăn nếu Tổ quốc và nhân dân cần.
		Hành vi của sinh viên + Về nội quy, quy chế của Nhà trường + Về tuân thủ pháp luật + Về tham gia xây dựng môi trường văn hóa học đường + Về mức độ tham gia phong trào tình nguyện + Tính tự giác trong học tập nghiên cứu khoa học.	- Có sự tự giác điều chỉnh hành vi phù hợp với môi trường giáo dục gắn liền với công tác BVTQ, BVCQBĐ như: + Tuân thủ đúng nội quy, quy chế và các quy định của pháp luật + Tự nguyện, tự giác, chủ động... tham gia các phong trào thi đua yêu

			nước, các phong trào do Đoàn, Hội tổ chức + Chủ động học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và đáp ứng được mục tiêu của quá trình đào tạo.
--	--	--	--

*** Tiêu chí 2: Đánh giá hoạt động của các chủ thể giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN**

Để đánh giá chất lượng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ thông qua đánh giá chất lượng của các chủ thể giáo dục. Theo tác giả cần chú ý đến một số chỉ số cơ bản như: về nhận thức; về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ... Cụ thể:

STT	Đối tượng được đánh giá	Nội dung đánh giá	Chỉ số đánh giá
1	Đảng ủy, Ban Giám hiệu	- Khẳng định tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. - Xác định phương hướng chỉ đạo cũng như một số các hoạt động cụ thể nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN	- Được thể hiện trong các văn bản định hướng kế hoạch hoạt động của nhà trường ở từng giai đoạn cụ thể. + Số văn bản chỉ đạo/tổng số văn bản đã được ban hành.

		- Tổ chức tổng kết, đánh giá và giao lưu kinh nghiệm hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN	+ Số hoạt động/ tổng số các hoạt động tổng kết, đánh giá trong năm học.
2	Cán bộ quản lý, giảng viên	- Khẳng định tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN - Năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm - Phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong chuẩn mực - Tinh thần nghiêm túc, công bằng trong giảng dạy; thân thiện trong phối hợp với đồng nghiệp và sinh viên nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục khác.	- Có liên hệ, lồng ghép nội dung giáo dục trong hoạt động chuyên môn - Luôn tự ý thức rèn luyện đạo đức, tác phong nhà giáo và được SV công nhận (dựa trên kết quả khảo sát ý kiến của SV đối với giảng viên do phòng Quản lý chất lượng thực hiện).
3	Tổ chức Đoàn thể	- Triển khai các cuộc thi, các buổi tuyên truyền về BVCQBĐ Việt Nam; tổ chức thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên.	- Tổ chức được các phong trào có tính tuyên truyền cao, hấp dẫn SVVN tham gia đông.

		- Tổ chức các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, phong trào tuyên truyền về nội dung BVTQ. - Kiểm tra, giám sát và tiến hành tổng kết, đánh giá, tuyên dương các cá nhân, đơn vị tiêu biểu. - Kết quả công tác kiểm tra, giám sát trong các hoạt động.	+ Hoạt động tổng kết, đánh giá, chia sẻ kinh nghiệm đã diễn ra/ tổng số các hoạt động tổng kết, đánh giá trong năm học. + Hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát những chuyển biến trong nhận thức của SVVN thông qua các hoạt động phong trào. + Kết quả hoạt động đáp ứng được/ tổng số mục tiêu mà hoạt động đã đề ra.
--	--	---	---

*** Tiêu chí 3: Đánh giá các yếu tố tham gia vào quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN**

STT	Đối tượng đánh giá	Nội dung đánh giá	Chỉ số đánh giá

1	Chương trình	- Về lượng kiến thức cung cấp cho sinh viên trong chương trình, nội dung giáo dục về BVCQBĐ cho SVVN. - Về sự thống nhất chương trình giảng dạy, các điều kiện hỗ trợ giảng dạy.	- Chương trình đảm bảo tính khoa học, hợp lý, tính chuẩn xác và cập nhật, tính hệ thống. - Chương trình đảm bảo sự phù hợp giữa mục tiêu giáo dục, yêu cầu thực tiễn giáo dục với chương trình đào tạo.
2	Giáo trình, tài liệu	- Xây dựng, biên soạn, thẩm định, phê duyệt tài liệu liên quan đến nội dung BVCQBĐ. - Được xây dựng, kết cấu trở thành một chuyên đề riêng biệt trong hoạt động giáo dục.	- Có hệ thống giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập, các chuyên đề học tập... thống nhất trong hệ thống các trường ĐH. - Hệ thống giáo trình, tài liệu được cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung theo định kỳ các Hội nghị Trung ương, đại hội Đảng.

3	Các điều kiện vật chất hỗ trợ hoạt động giáo dục	- Về giảng đường công nghệ - Xây dựng tủ sách học tập và nghiên cứu về vấn đề BVCQBĐ ở VN hiện nay - Về thiết bị hỗ trợ giáo dục - Về hoạt động của phòng truyền thống	- số lượng giảng đường có trang bị máy tính, máy chiếu Projector, kết nối Internet... - Thiết bị hỗ trợ giáo dục được thay mới thường xuyên - Phòng truyền thống hoạt động thường xuyên, cập nhật đa dạng các nội dung trưng bày tư liệu như các hình ảnh, sa đồ, hải đồ về tình hình tranh chấp tại biển đảo Việt Nam
4	Môi trường giáo dục	- Về xây dựng môi trường học tập - Về xây dựng môi trường văn hóa	- Đảm bảo tính hợp lý, khoa học, kỷ cương trong hoạt động quản lý. - đảm bảo tính an toàn, lành mạnh, văn hóa, và nhân văn.

5	Giáo dục Nhà trường - Gia đình và Xã hội	- Về kết quả giáo dục, rèn luyện. - Về vấn đề quản lý các biểu hiện sai trái, sa vào tệ nạn, ... của sinh viên	- Kết quả học tập, rèn luyện hàng kỳ, hàng năm được thông báo cho gia đình (thông qua dữ liệu điện tử). - Có sự phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội; lấy ý kiến phản hồi của các địa phương nơi sinh viên cư trú về các biểu hiện sai trái, sa vào tệ nạn, ... của sinh viên kịp thời
---	--	---	---

Tiểu kết chương 1

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã làm rõ những vấn đề sau:

Thứ nhất, luận án đã phân tích, đưa ra khái niệm “ý thức BVCQBĐ” Việt Nam và khái niệm “Giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN”.

Thứ hai, khẳng định ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các yếu tố: *một là*, ý thức BVCQBĐ của SVVN được nuôi dưỡng, hình thành bằng sự kế thừa truyền thống, văn hóa giữ nước, giữ biển của nhân dân Việt Nam; *hai là*, ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, nhất là giáo dục nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Đảng, Nhà nước và tự giáo dục, rèn luyện của bản thân SVVN; *ba là*, ý thức BVCQBĐ của SVVN được hình thành, củng cố và phát triển qua thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thứ ba, việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay là rất cần thiết, nhằm: giúp cho SVVN hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, cách mạng; góp phần giữ vững tư tưởng chính trị, củng cố niềm tin vào công cuộc xây dựng XHCN; có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; nâng cao ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; có nhận thức đầy đủ hơn về “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch; trang bị cho SVVN có ý thức giải quyết các tranh chấp chủ quyền theo luật pháp quốc tế; góp phần hình thành các phẩm chất đạo đức mới.

Từ đó, luận án bước đầu xây dựng khung tiêu chí nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH. Hiệu quả giáo dục này được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau: tiêu chí về chất lượng chủ thể giáo dục; tiêu chí về các yếu tố tham gia vào hoạt động giáo dục; tiêu chí về đánh giá kết quả hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay

Thứ tư, luận án đã phân tích một số nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH. Điều này sẽ giúp tác giả có thêm động lực để nghiên cứu thực trạng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH hiện nay.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ phạm vi nghiên cứu của luận án, để có những đánh giá khách quan, khoa học về thực trạng, tình hình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, tác giả đã xây dựng kế hoạch khảo sát thực trạng, phân tích số liệu và các vấn đề đặt ra.

Về cách thức tiến hành khảo sát thực tế, để đảm bảo tính khoa học, phù hợp với nội dung nghiên cứu, luận án đã tiến hành khảo sát thông qua phiếu điều tra thực tế cho 1000 sinh viên và 100 giảng viên của 12 trường ĐH thuộc 2 khối ngành: Khoa học kỹ thuật và công nghệ, kinh tế và xã hội nhân văn.

Khu vực miền Bắc: Đại học Thương Mại, Đại học Ngoại Thương, Đại học Hàng Hải (Hải Phòng), Đại học Thái Nguyên, Đại học Lao động - Xã hội (cơ sở I).

Khu vực miền Trung: Đại học Xây dựng (miền Trung), Đại học Ngoại ngữ - Huế, Đại học Khoa học - Huế.

Khu vực miền Nam: Đại học Công nghệ Sài Gòn, Đại học Quốc gia TP HCM, Đại học Tây Nguyên, Đại học Lao động - Xã hội (cơ sở II).

Hoạt động khảo sát này nhằm nghiên cứu, thống kê hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN được quan tâm ra sao; diễn ra với những nội dung, phương thức... như thế nào ở ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam.

2.1. Thực trạng ý thức của sinh viên Việt Nam về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam

2.1.1 Khái lược về tình hình tranh chấp chủ quyền biển đảo ở Việt Nam

Hiện nay, vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo đang là một trong những vấn đề gây xôn xao dư luận. Ở Việt Nam, vấn đề tranh chấp biển đảo đã xảy ra từ năm 1974 với các quốc gia như Trung Quốc, Philippine, Malaysia, Đài Loan, Brunei... Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận án, tác giả chỉ tập trung khái lược

những tranh chấp xảy ra giữa Việt Nam với Trung Quốc về chủ quyền biển Đông (đặc biệt trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Cụ thể:

Năm 1974, Trung Quốc dùng vũ lực để xâm lược, đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa khi Nhà nước Việt Nam đã và đang thực thi chủ quyền liên tục và hòa bình hàng trăm năm qua.

Tháng 3/1988 và năm 1992, Trung Quốc một lần nữa dùng đến vũ lực để chiếm đóng một số đảo, bãi cạn thuộc quần đảo Trường Sa và một số bãi ngầm nằm trên thềm lục địa Việt nam.

Năm 2009, Trung Quốc gửi công hàm lên Tổng thư ký Liên hợp quốc với nội dung là Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo ở biển Nam Trung hoa (tức biển Đông) và công bố chính thức “đường lưỡi bò” đã “liếm” xuống gần 80% diện tích biển Đông.

Từ năm 2012 đến nay, tình hình Biển Đông diễn biến theo chiều hướng ngày càng phức tạp hơn khi Trung Quốc liên tiếp có các hoạt động vi phạm chủ quyền trên Biển Đông. Cụ thể:

Năm 2012 Trung Quốc đưa lực lượng đến giành quyền kiểm soát bãi cạn Xcaboro/ Hoàng Nham nơi đang tranh chấp với Philipin, đồng thời thành lập thành phố “Tam Sa” trên đảo Hải Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Đã vi phạm luật pháp quốc tế, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 2013, Trung Quốc đưa lực lượng chấp pháp ra “túc trực” tại khu vực bãi Cỏ Mây/ Trường Sa và ngăn chặn, gây khó khăn cho Philipin tiến hành các hoạt động thay quân, tiếp viện cho các lực lượng đồn trú ở bãi cạn này; tiến hành thả cột mốc và diễn tập quân sự tại bãi Giêm-mô (Trung Quốc gọi là bãi Tăng Mẫu).

Năm 2014, Trung Quốc ngày càng gia tăng các hoạt động trên thực địa, ngoại giao để độc chiếm Biển Đông, đã hạ đặt Giàn khoan Hải Dương 981 cùng

trên 100 tàu xâm phạm EEZ, cách bờ biển Việt Nam 119 hải lý. Từ năm 2014 đến năm 2016, Trung Quốc đã tôn tạo bất hợp pháp, biến các bãi đá ngầm, dải san hô ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thành các đảo nổi với tốc độ nhanh chưa từng có. Hiện nay, Trung Quốc đã triển khai các thiết bị quân sự, vũ khí trên các đảo ở Biển Đông mà Trung Quốc đã dùng vũ lực, chiếm đóng trái phép của Việt Nam.

Từ năm 2016 đến 2019, Trung Quốc thẳng thừng tuyên bố không tham gia, không thừa nhận, không thực thi phán quyết của Tòa Trọng tài quốc tế trong vụ kiện Trung Quốc của Philipin (2016); gây sức ép đối với hoạt động dầu khí của Việt Nam và đưa tàu khảo sát HD-8 cùng tàu hải cảnh và dân binh xuống hoạt động, xâm phạm nghiêm trọng đến vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam (tháng 7/2019)...

Tháng 11/2020 Trung Quốc đưa ra dự luật hải cảnh mới cho phép lực lượng hải cảnh nước này sử dụng vũ khí trong vùng biển mà Bắc Kinh cho là quyền tài phán của Hoa lục. Năm 2021, Trung Quốc Cho 220 tàu dân quân biển neo đậu xung quanh đá Ba Đầu, tổ chức tập trận bắn đạt thật trên Biển Đông với tần suất ngày càng tăng.

Năm 2023, Trung Quốc tiếp tục đưa ra “bản đồ tiêu chuẩn” có chứa đường lưỡi bò, thực chất vẫn là tham vọng độc chiếm “tứ sa”, bao gồm Đông Sa (đảo đá Pratas), Tây Sa (quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam (VN)), Nam Sa (quần đảo Trường Sa của VN) và Trung Sa (bãi ngầm Macclesfield), tức là gần như ôm trọn Biển Đông. *Chính vì vậy, không chỉ Việt Nam mà tất cả các quốc gia có biển khác như Philippines, Malaysia... đều lập tức lên tiếng phản đối “bản đồ tiêu chuẩn” mà TQ công bố. Các nước yêu cầu phía Trung Quốc “hành xử có trách nhiệm”, tuân thủ phán quyết năm 2016 của Tòa Trọng tài và các quy định của UNCLOS năm 1982.*

2.1.2 Thực trạng ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam hiện nay

Một là, về tri thức

Hiện nay, SVVN có tri thức khá đầy đủ về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, pháp luật quốc tế về CQBĐ; về lợi ích quốc gia dân tộc; quyền và nghĩa vụ của công dân và của họ trong bảo vệ CQBĐVN. Thông qua công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, các môn học Lý luận chính trị, thông qua tuyên truyền Đoàn, Hội và các phương tiện thông tin đại chúng... đại đa số SVVN có hiểu biết và nhận thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước, pháp luật quốc tế về CQBĐ như: Luật biển Việt Nam năm 2012; Công ước quốc tế về luật Biển năm 1982 (UNCLOS), Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) được các nước ASEAN và Trung Quốc ký ngày 04 tháng 11 năm 2002...; về quyền làm chủ, quyền toàn vẹn và bất khả xâm phạm đối với lãnh thổ, biển đảo; về lợi ích quốc gia dân tộc; quyền và nghĩa vụ thanh niên quân đội trong bảo vệ CQBĐ.

Bên cạnh việc quán triệt quan điểm cơ bản về BVTQ, BVCQBĐ, đa số SVVN đã nhận thức đúng những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước, trong đó có thành tựu phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc CQBĐ. Họ luôn hiểu rằng những thành tựu đó đã và đang đem lại những thuận lợi cơ bản cho việc củng cố, nuôi dưỡng ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ của họ. Đồng thời, nhiều SVVN đã nhận thức rõ được những nguy cơ đe dọa đối với việc bảo vệ vững chắc CQBĐ. Phần lớn SVVN đều cho rằng, “diễn biến hoà bình” là một trong những nhân tố bất lợi đối với việc bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ CQBĐVN; làm tăng nguy cơ mất ổn định chính trị - xã hội, nguy cơ lệch hướng XHCN; gia tăng sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, sinh viên. Đây là những trở ngại lớn đối với sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN và BVCQBĐ hiện nay.

Đặc biệt, những năm qua, SVVN luôn quán triệt và thực hiện tốt phương châm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ CQBDVN: “*Bốn Không*”, “*Bốn Tránh*”, “*Chín K*”, “*Bốn Giữ vững*”. Theo đó:

“*Bốn Tránh*” là tránh xung đột về quân sự, tránh đối đầu về kinh tế; tránh cô lập về ngoại giao; tránh lệ thuộc về chính trị.

“*Bốn Không*” là: không tham gia liên minh quân sự; không liên kết với nước này để chống nước kia; không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác; không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

“*Chín K*” là: kiên quyết đấu tranh, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không nỏ súng trước, không để nước ngoài lấn chiếm biển đảo, không để xảy ra xung đột.

“*Bốn giữ vững*” là: giữ vững chủ quyền quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển; giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác Việt - Trung; giữ vững ổn định chính trị trong nước [55].

Tuy nhiên, có một bộ phận không nhỏ SVVN hiện nay do thờ ơ với các thông tin xã hội nên đã thu lượm được những thông tin sai lệch, thiếu tính xác thực hoặc phiến diện, một chiều.. nên đã không thể xem xét hết vấn đề tranh chấp chủ quyền ở biển đảo Việt Nam một cách toàn diện. Đồng thời họ cũng không có thái độ chủ động trong tìm hiểu thông tin khiến cho kiến thức về CQBD không đủ rộng để có thể phân biệt và phòng tránh trước các hoạt động dụ dỗ của các thế lực thù địch. Vì vậy dẫn đến những hành động sai lầm, a dua hoặc vì lợi ích riêng khi thể hiện tinh thần yêu nước như tham gia biểu tình, có thái độ “bài Trung” hoặc có những lời lẽ, thái độ “oán hận” khi Đảng và Nhà nước chưa đánh đuổi được Trung Quốc ra khỏi Hoàng Sa - Trường Sa...

Hai là, về tình cảm, niềm tin

Thực tế cho thấy, hiện nay, đa số SVVN luôn có tính cảm gắn bó và yêu quý với quê hương, đất nước; họ thấy rõ quyền, lợi ích quốc gia dân tộc; quyền và nghĩa vụ bản thân trong BVCQBĐ. Phần lớn SVVN luôn rất tự hào về truyền thống chống giặc ngoại xâm bảo vệ chủ quyền quốc gia, CQBĐ của Việt Nam; đồng thời, luôn có tinh thần sẵn sàng hy sinh để bảo vệ tổ quốc, bảo vệ CQBĐVN [Phụ lục 2a]. Với tư cách là những người chủ nhân tương lai của đất nước, thanh niên Việt Nam nói chung và SVVN nói riêng luôn có thái độ đúng đắn, giữ vững nguyên tắc chủ quyền quốc gia và lợi ích dân tộc là tối thượng; tôn trọng luật pháp quốc tế, đề cao tinh thần nhân đạo và hòa hiếu với các bên có liên quan trong bảo vệ CQBĐ. Bằng nhiều nội dung, hình thức, SVVN đã tích cực đấu tranh chống mọi luận điệu xuyên tạc, không sa vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, cực đoan, quá khích do sự kích động của các phần tử xấu lợi dụng tranh chấp và giải quyết tranh chấp CQBĐ để chống phá cách mạng Việt Nam.

Tuy vậy, vẫn còn tồn tại một bộ phận SVVN nhanh nhạy với cái mới, quan hệ xã hội rộng nhưng do sự thiếu nhạy bén về chính trị, tình cảm dân tộc chưa sâu sắc và bản lĩnh chính trị chưa thật vững vàng nên họ đã có tâm trạng bi quan, dao động khi bàn về những vấn đề chính trị - xã hội, đặc biệt là về vấn đề BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, về ý chí BVCQBĐ của sinh viên

Trên cơ sở nhận thức tương đối đầy đủ, toàn diện với thái độ, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm như đã luận giải ở trên, đa số SVVN đã có những hành động thiết thực trong bảo vệ CQBĐVN bằng nhiều hình thức hiện đại, trên những không gian đặc biệt sôi nổi như các mạng xã hội, các diễn đàn quốc tế, thậm chí trong mọi vấn đề nhỏ của đời sống như: nhằm thể hiện tình yêu với tổ quốc, khẳng định chủ quyền và luôn hướng tới những chiến sĩ đang bảo vệ biển đảo, giới trẻ Việt Nam đã đồng loạt thay đổi avatar của mình trên Facebook bằng cờ

tổ quốc hoặc trên Facebook hàng loạt các Fan Page (câu lạc bộ), nhóm để thảo luận và kêu gọi mọi người ủng hộ, hướng về Hoàng Sa, Trường Sa, tàu Bình Minh 02 và Viking 2... với những cái tên như "Hoàng Sa - Trường Sa là của Việt Nam", "Tôi yêu Việt Nam", "Hội những người yêu màu cờ Tổ quốc", "Việt Nam - Hồ Chí Minh"... Điều này đã thể hiện ý chí quyết tâm BVCQBĐ của SVVN hiện nay ngày càng được củng cố và tăng cường, thể hiện sự vững vàng kiên định trong lập trường tư tưởng chính trị và sự phát triển không ngừng của lòng yêu nước, tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ mới.

Trước những biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, nhất là trước những biến đổi khó lường ở biển Đông, khi mà khả năng cuộc chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao có thể xảy ra bất cứ lúc nào... đã có một bộ phận SVVN tỏ ra băn khoăn, dao động và hoài nghi khả năng BVCQBĐ Việt Nam trong điều kiện mới; trên thực tế cá biệt có một số ít SVVN đã có thái độ phân vân, lúng túng và hành động thoái thác trách nhiệm công dân khi được hỏi về nhiệm vụ BVCQBĐ [Phụ lục 2a].

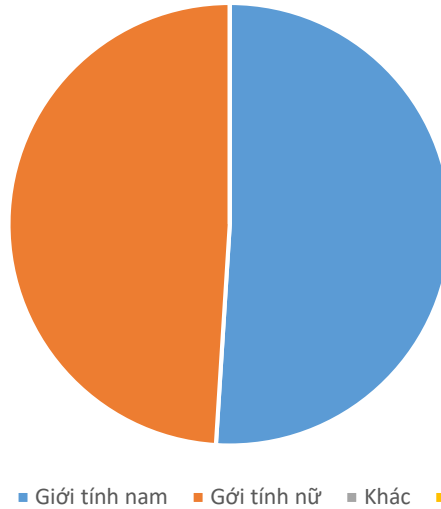
2.2 Thực trạng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên ở các trường ĐH, học viện hiện nay (về mặt nội dung và hình thức)

Từ phạm vi nghiên cứu được đặt ra, tác giả luận án đã lựa chọn địa điểm khảo sát ở 12 trường ĐH (đã liệt kê ở trên).

Về cách thức tiến hành phát phiếu khảo sát thực tế: để đảm bảo tính khoa học, luận án đã tiến hành khảo sát ngẫu nhiên với 1000 phiếu cho đối tượng là SVVN, 100 phiếu hỏi và phỏng vấn sâu đối với giảng viên và chuyên viên, cán bộ Đoàn, Hội.

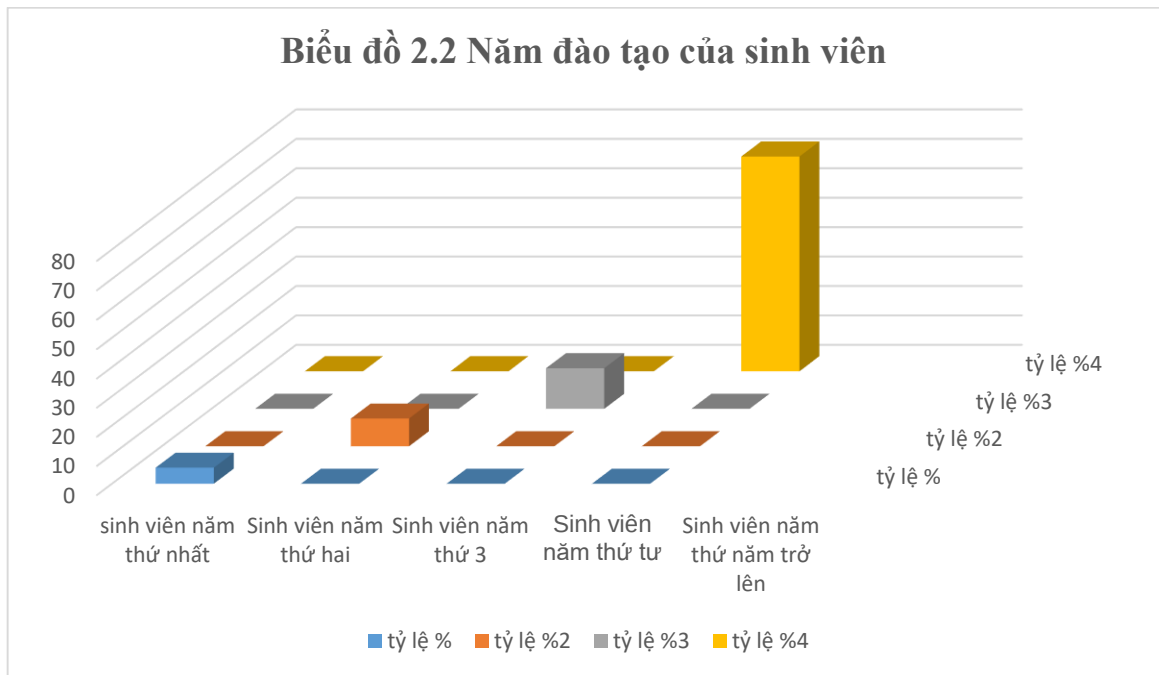
Từ kết quả thu được, luận án nhận thấy tỉ lệ SVVN tham gia trả lời khảo sát khá đồng đều về mặt giới tính, có 51% là sinh viên nam và 49% là sinh viên nữ.

Biểu đồ 2.1 Tỷ lệ giới tính của SVVN tham gia trả lời phiếu điều tra



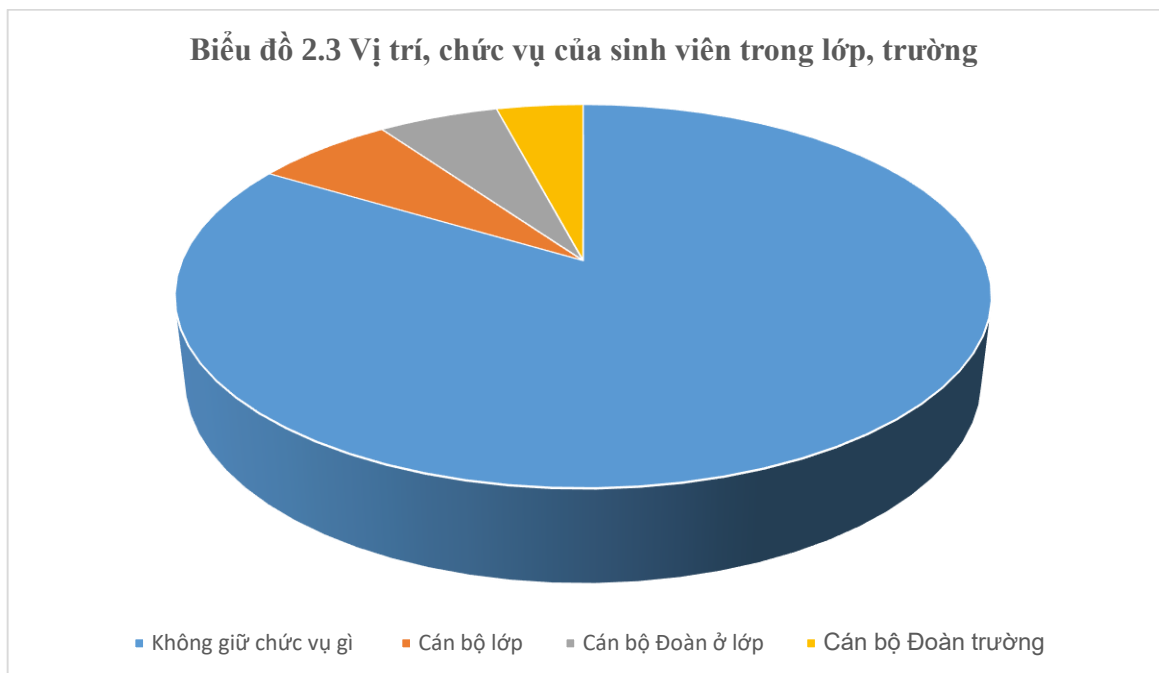
(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Về sự phân bổ phiếu điều tra đối với SVVN theo năm đào tạo tại trường: với hình thức phát phiếu là ngẫu nhiên (tại sân trường, trên giảng đường và thư viện), kết quả thu được cho thấy tỷ lệ SVVN thuộc năm thứ nhất trả lời phiếu là 5.5%, năm thứ hai là 9.1%; năm thứ 4 là 13.9% và năm thứ tư là 73%. Mặc dù có sự chênh lệch khá cao về tỷ lệ SVVN nhận được phiếu là năm thứ tư với SVVN các năm khác nhưng điều này cũng thể hiện ưu thế của các phương án trả lời bởi SVVN học tập tại các trường ĐH lâu thì sẽ có cách nhìn toàn diện hơn về các chủ trương, hoạt động giáo dục cũng như được lĩnh hội đầy đủ hơn các nội dung và phương pháp giáo dục trong nhà trường.



(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Kết quả khảo sát về vị trí, chức vụ của SVVN trong lớp, trong tổ chức Đoàn, hội là: 83.6% sinh viên không giữ chức vụ gì, chỉ là thành viên bình thường trong lớp tín chỉ hoặc trong quản lý; 6.6% sinh viên là cán bộ lớp; 9.8% giữ chức vụ trong công tác Đoàn ở lớp hoặc trong ban chấp hành đoàn trường.



2.2.1 Thực trạng nội dung giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

Từ khi mới bắt đầu nhập học tại các trường ĐH, SVVN đã được trang bị những hiểu biết bước đầu về chế độ XHCN mà Việt Nam đang xây dựng; tính tất yếu, mục tiêu, nhiệm vụ BVTQ XHCN cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân đối với Tổ quốc... Chính vì vậy, khi tiến hành khảo sát 1000 sinh viên với câu hỏi “Theo anh (chị) ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo và ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên là” tác giả luận án đã nhận được câu trả lời với các nội dung:

Thứ nhất, “Ý thức BVCQBĐ là một loại hình của ý thức xã hội, phản ánh hoạt động thực tiễn BVTQ” đã có 790 sinh viên lựa chọn chiếm tỷ lệ 79%, , như vậy số sinh viên không lựa chọn phương án trả lời này là 21%. Điều này thể hiện khoảng trống trong tư duy của sinh viên về nội dung BVCQBĐ cũng như ý thức BVCQBĐ là khá lớn.

Thứ hai, với nội dung “Ý thức BVCQBĐ là sản phẩm của chủ nghĩa yêu nước được hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc” đã nhận được 890 lựa chọn, tương ứng với 89%. Tuy nhiên, vẫn có 11% sinh viên không lựa chọn nội dung này, điều đó cho thấy hiện nay vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa có hiểu biết đầy đủ về BVCQBĐ. Đây là một hạn chế cần khắc phục.

Thứ ba, với nội dung “Ý thức BVCQBĐ là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ; thông qua hoạt động của con người, thể hiện chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ XHCN” đã nhận được 910 ý kiến lựa chọn (chiếm 91%).

Đối với nội dung “Ý thức BVCQBĐ của sinh viên là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ thể hiện thông qua quá trình hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo để trở thành người

công dân tốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và BVTQ Việt Nam” đã có 980 sinh viên lựa chọn (chiếm tỷ lệ 98%), 0,2% sinh viên không lựa chọn.

Thực tế này đã phần nào phản ánh có những khoảng trống trong tư duy, nhận thức của một bộ phận SVVN về “ý thức BVCQBĐ”. Điều này đặt ra vấn đề đối với việc triển khai các nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH, HV.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN tác giả đã nghiên cứu những nội dung cụ thể như:

2.2.1.1. Sự chuyển biến tri thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam hiện nay

Tri thức BVCQBĐ của SVVN là nội dung cơ bản quan trọng hàng đầu, cấu thành ý thức BVCQBĐ của SVVN. Việc trang bị cho SVVN những tri thức về truyền thống lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước hào hùng của dân tộc, niềm tự hào, ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Là tình yêu và ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ của mỗi SVVN được hình thành và phát triển trong mối quan hệ mật thiết với việc chăm lo giáo dục, tuyên truyền, bồi dưỡng của gia đình, nhà trường và xã hội... đặc biệt là của các thế hệ đi trước đối với các thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng hiện nay. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn :

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam. [92]
Các vua Hùng đã có công dựng nước
Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

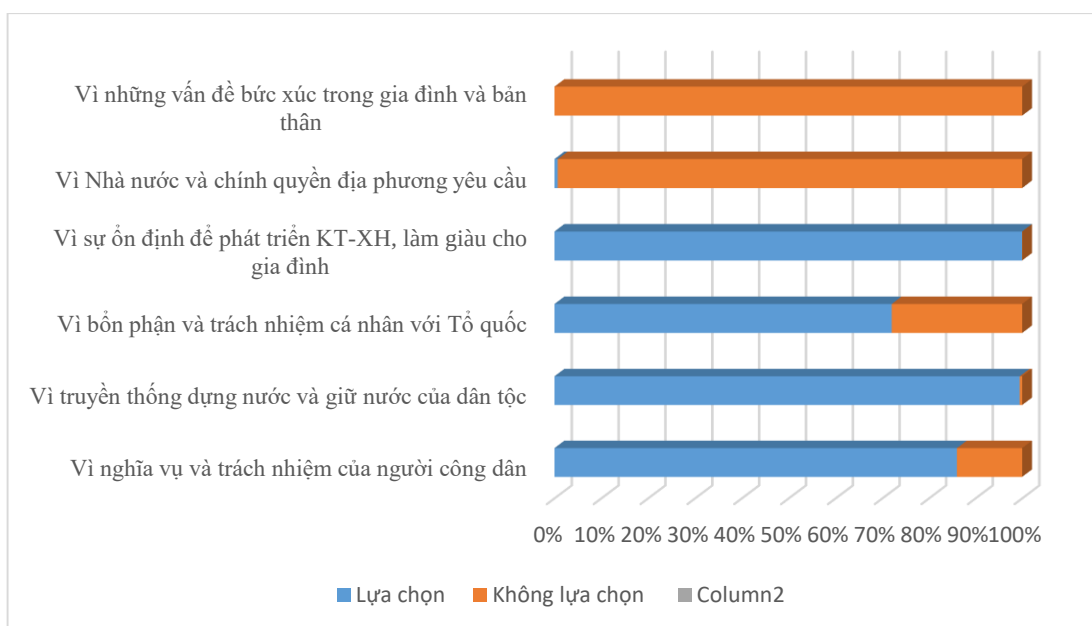
Hiểu biết sâu sắc về lịch sử, về cội nguồn của dân tộc để tự hào, giữ gìn và phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước kiên cường bất khuất của dân tộc Việt Nam. Thông qua các bài học lịch sử về truyền thống của dân tộc làm cho các thế hệ người Việt Nam đặc biệt là sinh viên biết tự hào về lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc; yêu nước, yêu lao động, cần cù, thông minh, sáng tạo, cố kết cộng đồng, biết cùng nhau chung lưng đấu cật,

vượt qua thử thách khắc nghiệt của thiên tai, địch họa, luôn vươn lên phía trước để tồn tại và phát triển.

Lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đại đoàn kết là những giá trị tinh thần quý giá nhất, cơ sở của sức mạnh dân tộc Việt Nam. Trải qua hơn ngàn năm Bắc thuộc và gần trăm năm Pháp thuộc, sức sống Việt Nam vẫn trường tồn và phát triển. Giá trị văn hóa tinh thần của lịch sử truyền thống BVTQ của dân tộc Việt Nam là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài của lịch sử Việt Nam, gắn kết chặt chẽ giữa quá khứ và hiện tại của dân tộc Việt Nam.

SVVN là những người trẻ tuổi sinh sống trên quê hương có bề dày lịch sử, truyền thống cách mạng, vì thế họ có sự cảm nhận khá sâu sắc về truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc Việt Nam; biết được các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm cơ bản của công dân với Tổ quốc, với sự nghiệp BVCQBĐ. Đó là cơ sở nền tảng để SSVV hiểu biết nhất định về nghĩa vụ BVCQBĐ của Tổ quốc. Qua khảo sát có 92% đến 97% ý kiến nhất trí “việc thực hiện nghĩa vụ BVCQBĐ” là: “Nghĩa vụ và trách nhiệm của người công dân”, “Vì bốn phần và trách nhiệm cá nhân với Tổ quốc”, “Sự ổn định để phát triển KT-XH, làm giàu cho gia đình” [Phụ lục 2.a].

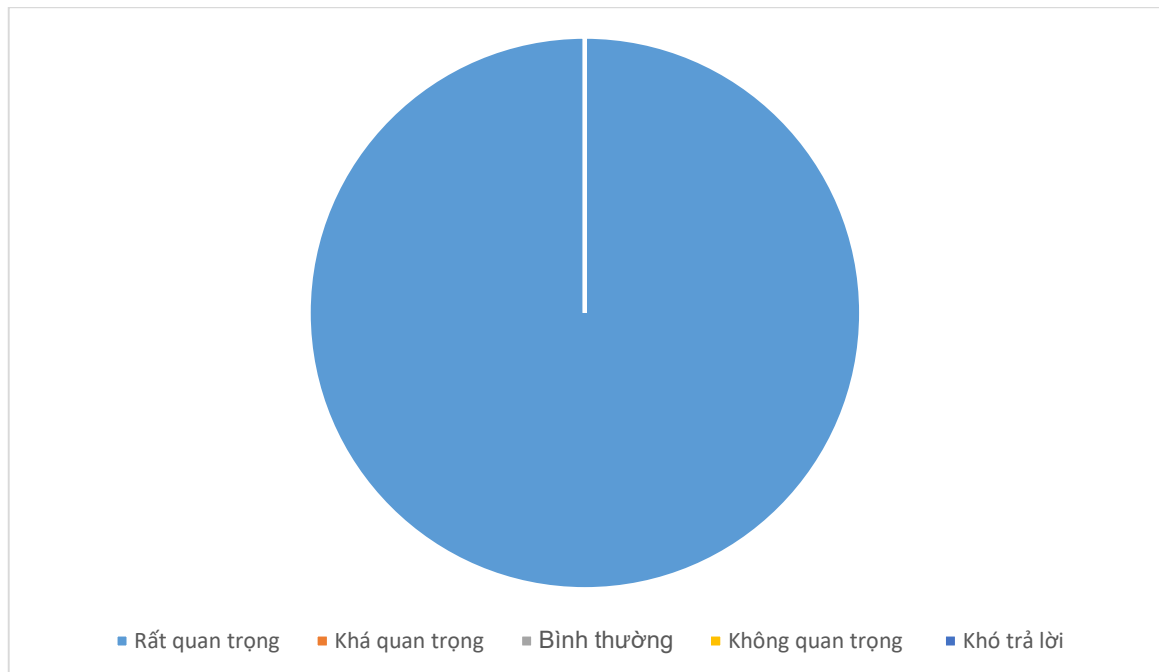
Biểu đồ 2.4 Lý do thực hiện nghĩa vụ BVCQBĐ của SVVN



(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Bên cạnh đó, SSVN cũng đã có những nhận thức khá tốt về nhiệm vụ BVCQBĐ, các chủ trương, chính sách được hưởng và nghĩa vụ mà họ phải thực hiện; điều đó đã được thể hiện rõ nét trong việc họ coi trọng phát triển kinh tế biển gắn với BVCQBĐ. Để kiểm chứng cho cuộc trao đổi trên đây, đề tài đã tiến hành khảo sát chọn điểm về “*chủ quyền biển, đảo có tầm quan trọng như thế nào với KT-XH và QP-AN*” cho thấy 98% ý kiến trả lời “rất quan trọng”, 02% chọn “khá quan trọng”, còn những phương án như “bình thường, không quan trọng, khó trả lời” đều không được lựa chọn. [Phụ lục 2.a].

Biểu đồ 2.5 Tầm quan trọng của biển đảo với KT-XH



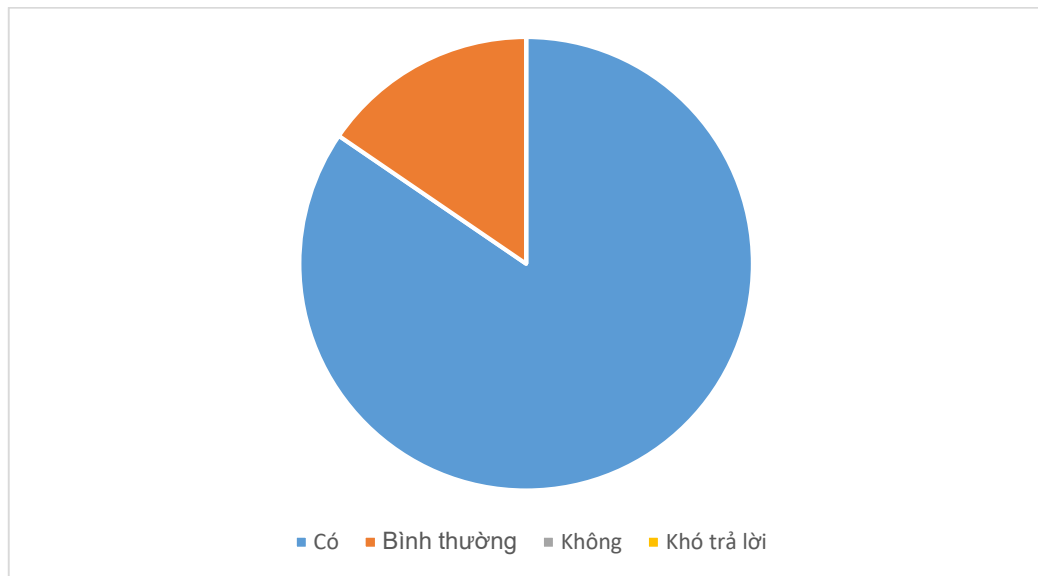
(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Ngoài việc ý thức được tầm quan trọng của biển đảo và nghĩa vụ của công dân trong công cuộc bảo vệ chủ quyền quốc gia, SVVN còn nắm được hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước và các quy định liên quan đến biển, đảo và BVCQBĐ. Theo kết quả điều tra thu về có 89 - 92% ý kiến trả lời đã biết “Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982; Luật Biển Việt Nam, Luật Biên giới quốc gia, Luật Giáo dục Quốc phòng và An ninh” [Phụ lục 2.c].

2.2.1.2. Sự chuyển biến tình cảm, niềm tin bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, cùng với quá trình xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, QP-AN của đất nước, niềm tin của nhân dân với đường lối, quan điểm, chiến lược BVTQ, BVCQBĐ thường xuyên được củng cố và giữ vững. Hầu hết SSVN đều tin tưởng vào thành quả cách mạng do Đảng, Nhà nước và nhân dân xây dựng, họ vẫn đặt niềm tin vào tiềm lực và sức mạnh BVTQ của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua khảo sát cho thấy, khi được hỏi “anh (chị) có tin vào sức mạnh BVCQBĐ của toàn quân, toàn dân ta?” 82% SVVN ý kiến trả lời luôn luôn tin vào sức mạnh BVCQBĐ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. [Phụ lục 2.a].

Biểu đồ 2.6 Niềm tin vào sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta



(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Trước sự hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sĩ kiên trung BVCQBĐ, sự hy sinh thầm lặng của các chiến sĩ ngày đêm canh giữ vùng biển “tiền tiêu” của Tổ quốc: tháng 6 năm 2016 máy bay Su 30-MK2 và CASA 212 gặp nạn làm 10 cán bộ, chiến sĩ quân đội ta hy sinh... SSVN cùng nhân dân cả nước biểu thị lòng thương tiếc, đau buồn vô hạn với sự mất mát quá lớn để BVCQBĐ. Sự kiểm

chúng được thể hiện khi khảo sát có tới 80 - 97% ý kiến được hỏi bày tỏ sự: “đau buồn”, “lo lắng”, “cảm phục” [Phụ lục 2.a].

Khi được hỏi về “Niềm tin vào khả năng BVCQBĐ và lợi ích quốc gia trên biển”, đã có tới 78% ý kiến trả lời “Hoàn toàn tin tưởng” [Phụ lục 2.a]. Điều này phản ánh SVVN hiện nay đã ngày càng tin tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh chiến đấu của quân đội, thắng lợi của sự nghiệp BVTQ Việt Nam XHCN.

2.2.1.3. Sự chuyển biến ý chí, quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam hiện nay

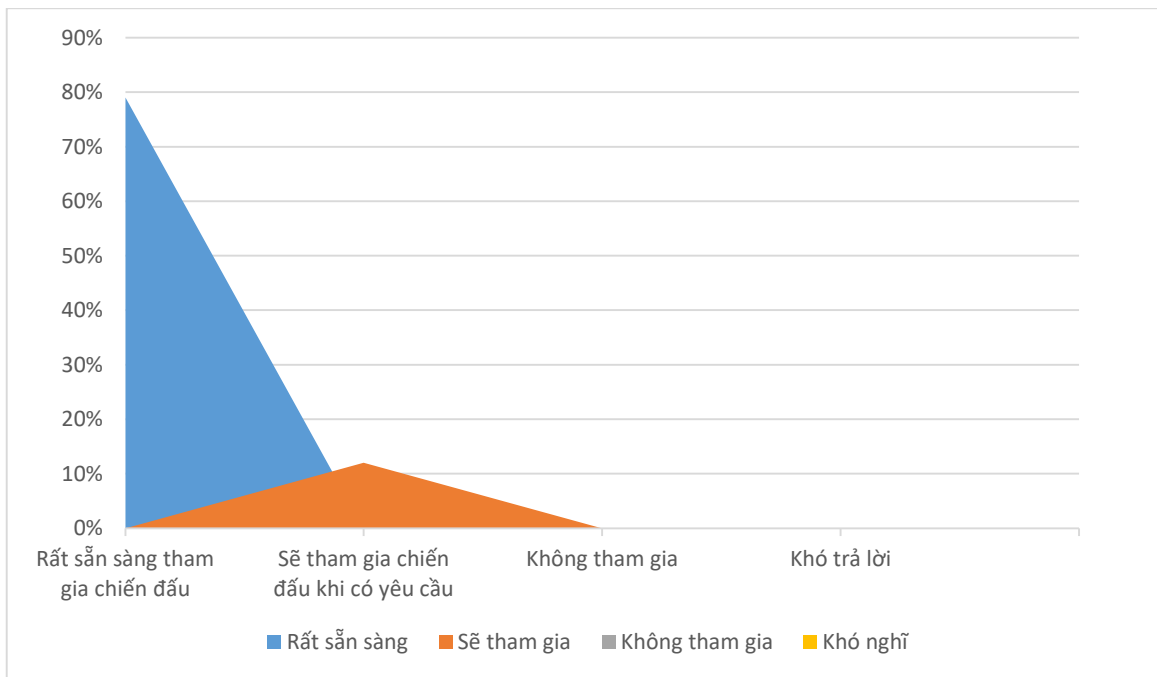
Ý chí quyết tâm BVCQBĐ của SVVN hiện nay được thể hiện ở tinh thần sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, BVTQ trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng và ý chí quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, nhất là mặt trái kinh tế thị trường, luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Qua thực hiện khảo sát tác giả luận án nhận thấy đại đa số SVVN có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, luôn sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Từ sau sự kiện Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép HD 981 vào vùng biển Việt Nam tháng 5 năm 2014, mỗi SVVN đã thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dân tộc bằng những việc làm cụ thể và thiết thực, đó là tham gia tuyên truyền các chương trình hướng về biển, đảo quê hương, kêu gọi sinh viên thế giới hãy ủng hộ yêu cầu hợp pháp và chính đáng của Việt Nam, vận động người thân, bạn bè chấp hành nghiêm pháp luật và ủng hộ các chủ trương, biện pháp đấu tranh hòa bình của Đảng và Nhà nước ta.

Bên cạnh đó, SVVN đã có ý thức tìm hiểu định chế, luật pháp quốc tế của các tổ chức trong khu vực và trên thế giới mà Việt Nam tham gia. Các cuộc thi tìm hiểu “Công ước Luật Biển 1982 - Hành trình 35 năm”, “Tìm hiểu về biển, đảo Việt Nam”, “Sinh viên với biển, đảo Tổ Quốc”, “Pháp luật trực tuyến”, chương trình

“Mạch Nguồn”... đã thu hút đông đảo sự quan tâm của SVVN, củng cố thêm những tri thức về pháp lý chủ quyền dân tộc, đây là cơ sở hình thành ý chí đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam. Từ thực tế trên, khi được hỏi “giả định đất nước có chiến tranh” đã có 91% SVVN trả lời “sẵn sàng tham gia chiến đấu” hoặc “sẽ tham gia chiến đấu khi có yêu cầu”.

Biểu đồ 3.7 Ý chí quyết tâm bảo vệ đất nước của SVVN



(Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án)

Như vậy, có thể khẳng định rằng trong giai đoạn hiện nay, đại bộ phận SVVN vẫn giữ vững được bản lĩnh chính trị, có mục tiêu, lý tưởng đúng đắn và niềm tin sâu sắc vào sự phát triển, an ninh và hòa bình của dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Sự phối hợp giữa các chủ thể giáo dục (Nhà trường, gia đình, đoàn thể, xã hội...) và ưu điểm của các phương tiện thông tin đại chúng đã tạo sức mạnh tổng hợp để khơi dậy tiềm năng, tạo ra môi trường lành mạnh, thuận lợi để SVVN tự rèn luyện, tìm được lẽ sống cao đẹp cho bản thân mình.

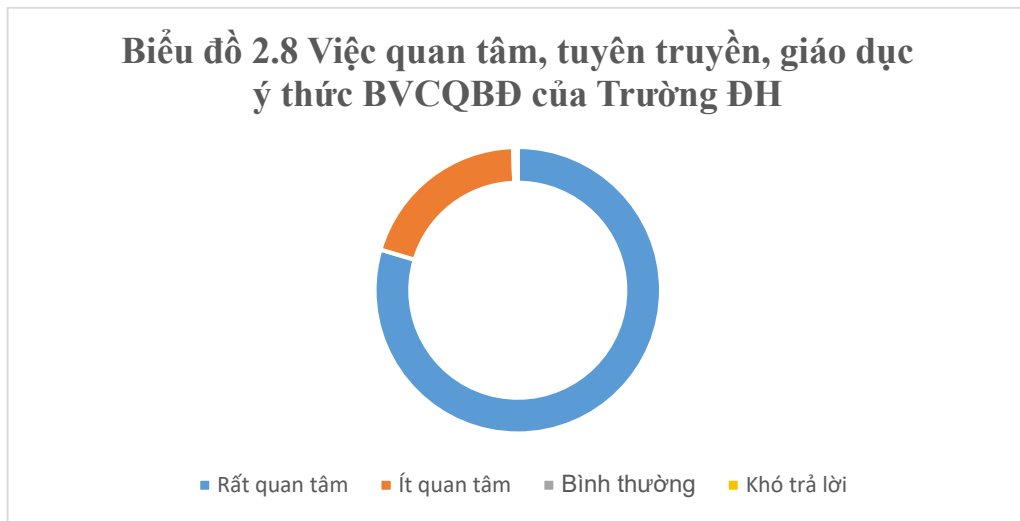
2.2.2 Thực trạng về hình thức giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Hình thức giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN là cách thức tăng cường bồi dưỡng, giáo dục góp phần khơi dậy ở sinh viên tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm bảo vệ quê hương, đất nước; bảo vệ chế độ XHCN dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, trong đó:

Một là, tăng cường giáo dục, tuyên truyền ý thức BVCQBĐ cho SVVN nhằm góp phần khơi dậy ở SVVN những tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí, quyết tâm bảo vệ quê hương, đất nước; bảo vệ XHCN dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh. Trong quá trình khảo sát, 76% số phiếu phát ra đã khẳng định các trường ĐH “rất quan tâm” tuyên truyền giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. Qua đó, ta thấy thông qua giáo dục, tuyên truyền, việc bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, nâng cao nhận thức, tri thức, củng cố niềm tin và ý chí quyết tâm BVCQBĐ cho SVVN là việc làm cần thiết. Đây không chỉ là yêu cầu mà còn là nhiệm vụ cơ bản mang tính bắt buộc nhằm nâng cao chất lượng của công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho thế hệ trẻ bởi vẫn còn tới 24% cho rằng các trường ĐH “ít quan tâm” hoặc không có ý kiến gì về vấn đề này.

Như vậy, để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong thời gian tới cần chú trọng giáo dục và thống nhất về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu của nhiệm vụ BVTQ trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, cần sử dụng linh hoạt các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức BVTQ cho sinh viên từ thông qua giảng dạy tuần sinh hoạt công dân đầu khóa đến công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị, thông qua các hoạt động đoàn, hội nhằm nâng cao nhận thức, củng cố lập trường, quan điểm chính trị đúng đắn, tình cảm cách mạng trong sáng, có thái độ rõ ràng - ủng hộ cái tốt, đấu tranh phê phán cái xấu, ngăn chặn các tác động xấu của văn hóa ngoài lai xâm nhập vào nước ta, nhất là những tác động đến sinh viên - người chủ tương lai của đất nước.

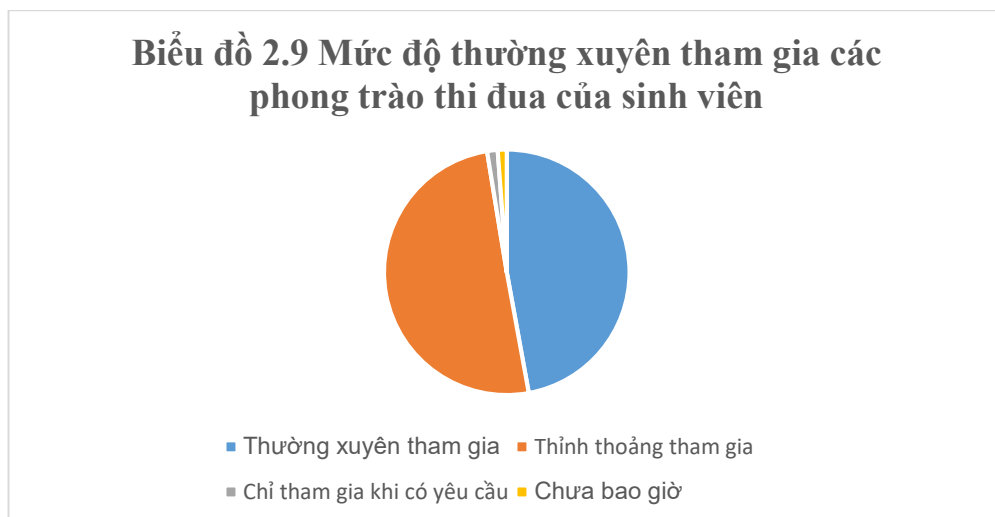
Biểu đồ 2.8 Việc quan tâm, tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ của Trường ĐH



Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án

Hai là, gắn công tác tuyên truyền, giáo dục với việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong sinh viên Nhà trường góp phần tạo động lực tinh thần to lớn hình thành nên sức mạnh tổng hợp đưa công cuộc đổi mới, xây dựng và BVTQ Việt Nam XHCN tới thắng lợi mới. Khi được hỏi “Anh (chị) có tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua... không” đã có 47,6% SVVN được hỏi trả lời “thường xuyên tham gia”, 50,8% trả lời “thỉnh thoảng tham gia”, số SVVN được hỏi lựa chọn chưa bao giờ tham gia là 02/1000 chiếm tỷ lệ 0.2%.

Biểu đồ 2.9 Mức độ thường xuyên tham gia các phong trào thi đua của sinh viên



Nguồn: kết quả khảo sát thực tế của tác giả luận án

Bên cạnh đó, hình thức giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN của Đoàn Thanh niên, Hội SVVN ngày càng được chú trọng, đổi mới thông qua các

phong trào hành động theo từng đợt cao điểm; chú trọng đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục theo hướng gần gũi, sát với thực tiễn biểu hiện ở nhiều hình thức phong phú đa dạng như các hội thi, tổ chức và tham gia học tập trực tuyến, thi trắc nghiệm trực tuyến, tổ chức các buổi báo cáo tuyên truyền về chủ quyền biển đảo, tuyên truyền và lan tỏa các video clip “Mạch nguồn” về lịch sử dân tộc và BVCQBĐ Tổ quốc...

Như vậy, các phong trào ngoại khóa, thi đua .. thực sự đã là một động lực tinh thần to lớn tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa công cuộc đổi mới, xây dựng và BVTQ Việt Nam XHCN tới thắng lợi mới. Thi đua yêu nước còn hướng đến việc nâng cao tính tích cực rèn luyện học tập và bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức hoàn thiện nhân cách của SVVN, hướng họ đến với phong trào học tập nâng cao nhận thức, giác ngộ lý tưởng cách mạng và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cách mạng một cách tích cực nhất.

Ba là, hình thức giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thông qua sự tác động của các chủ thể đến sinh viên ở các trường ĐH với các cách thức cụ thể thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, cuối khóa (92%) hay thông qua các môn học trực thuộc khoa Lý luận chính trị (98%): giáo dục, tuyên truyền một số nội dung cơ bản, thiết thực của học thuyết Mác - Lênin về BVTQ XHCN, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng về BVTQ Việt Nam XHCN; giáo dục giá trị văn hóa giữ nước Việt Nam; gắn công tác tư tưởng, giáo dục với tổ chức các phong trào cách mạng (do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội SVVN) cho sinh viên Đại học (74%)... Điều này cho thấy sự tác động từ các chủ thể trên đến việc tăng cường hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN đã tạo lập những điều kiện và môi trường thuận lợi để sinh viên học tập và rèn luyện trong Trường.

Bốn là, Tính tự giác trong quá trình giáo dục của SVVN thông qua việc tự giáo dục, tự rèn luyện để ngày càng mở rộng, nâng cao sự hiểu biết, trau dồi

tình cảm, củng cố niềm tin và rèn luyện ý chí quyết tâm, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao được thể hiện trong câu hỏi “Anh (chị) được giáo dục ý thức BVCQBĐ ở các chương trình nào?”, đã có 95% lựa chọn phương án “nghe và xem thông tin từ báo chí, mạng xã hội” [Phụ lục 2.a]. Điều đó thể hiện tính tích cực trong quá trình tự giáo dục của SVVN là rất cao, bên cạnh việc giáo dục ở nhà trường thông qua các môn học thuộc khoa Lý luận chính trị, tuần sinh hoạt công dân, phong trào Đoàn... SVVN luôn chú ý tiếp thu những kiến thức xã hội khác nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển của KT-XH và biến động chính trị trong từng giai đoạn.

2.3 Thực trạng những yếu tố tham gia vào việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

2.3.1 Về vai trò của chủ thể giáo dục

Sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các phòng, khoa chuyên ngành có vai trò quyết định đến hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ của SVVN trong các trường ĐH. Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ủy Khối các Trường ĐH, việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH được diễn ra dưới nhiều hình thức và phương pháp khác nhau trong suốt quá trình học tập.

Việc triển khai các tuần “Sinh hoạt công dân” được diễn ra vào đầu khóa, cuối khóa luôn được Đảng ủy và Ban Giám hiệu các trường ĐH coi trọng. Các bài giảng trong tuần sinh hoạt công dân thường được chia theo các chuyên đề với nhiều nội dung khác nhau như chuyên đề giới thiệu về lịch sử, truyền thống của trường ĐH; chuyên đề về nội quy, quy chế; chuyên đề về phát triển kinh tế - chính trị - xã hội; chuyên đề về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; chuyên đề về Biển và Đảo Việt Nam...

Bên cạnh đó, nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN còn được thực hiện thông qua giảng dạy các môn Lý luận chính trị (chiếm đến 98%), tự cập nhật thông tin từ internet (95%), khi tham gia các hoạt động Đoàn, Hội

(74%) [Phụ lục 2.a]. Như vậy, thông qua các chương trình đào tạo, SVVN ngoài việc được cung cấp một hệ thống thế giới quan và phương pháp luận khoa học, còn có cái nhìn toàn diện về lịch sử, văn hóa dân tộc và con người Việt Nam, củng cố lòng tự hào, tự tôn dân tộc và hình thành ý chí phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và phát triển xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận cán bộ đoàn, chuyên viên quản lý chưa thực sự nhận thức đúng về vai trò của giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, từ đó dẫn đến việc tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện mang tính hình thức. Việc định kỳ tổng kết đánh giá hiệu quả của hoạt động giáo dục này (thường là dưới hình thức bài thu hoạch tuần sinh hoạt công dân) vẫn chưa được nhiều trường thực hiện dẫn đến tình trạng SVVN không nghiêm túc trong quá trình viết thu hoạch (thuê làm bài hộ, mua cuốn in sẵn dẫn tới hàng loạt bài giống nhau hoặc copy, paste không có chọn lọc nên “trộn lẫn” vào trong bài thu hoạch các quan điểm sai trái, phản cách mạng).

Trong các cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin, nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ không được đưa vào chương trình thi lý thuyết trắc nghiệm mà chỉ được gợi ý ở phần thi Văn nghệ hoặc lựa chọn chủ đề thi Hùng biện.

Về hoạt động của cán bộ, giảng viên:

Trong hoạt động giáo dục, cán bộ, giảng viên không chỉ là người trao truyền kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm, kỹ năng mà còn là người góp phần hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách, đạo đức cho sinh viên. Vì vậy, trong các trường ĐH, đội ngũ cán bộ, giảng viên không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng, thường xuyên có ý thức tự cập nhật những kiến thức KT-XH mới mà họ luôn luôn chú ý nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và thao tác sư phạm. Tự bản thân mỗi giảng viên đã luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, CQBĐ và thể hiện ý chí quyết tâm BVCQBĐ bằng

những hành động cụ thể như: tham gia các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi “Tìm hiểu về biển, đảo quê hương”, các hoạt động “Góp đá xây Trường Sa”...để khi thực hiện hoạt động giáo dục không mang tính chất hình thức, giáo điều.

Bên cạnh đó, trong quá trình giáo dục cho SVVN ý thức về BVCQBĐ Tổ quốc, người giảng viên đã luôn giữ vững lập trường kiên định, biết khai thác những thông tin chính xác, kết hợp với các phương pháp sư phạm phù hợp tạo hiệu quả cao trong giáo dục ý thức cho SVVN trách nhiệm đối với Tổ quốc, đối với chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; có sự chủ động phối kết hợp nhà trường, Đoàn thanh niên, cán bộ, giảng viên các môn học khác...

Theo ý kiến thu thập được từ phía cán bộ, giảng viên khi được hỏi “*có cần thiết phải giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SV không?*” thì có tới 99% câu trả lời lựa chọn “*rất cần thiết*” [Phụ lục 2.b]. Điều đó chứng tỏ công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN vẫn luôn được các chủ thể quan tâm và đổi mới trong hoạt động giáo dục của mình.

Hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH, CĐ thường được diễn ra trong các buổi sinh hoạt “Tuần sinh hoạt công dân” (92%) và trong quá trình học tập các môn Lý luận chính trị (98%) [Phụ lục 2.a]. Chính vì vậy, có thể thấy rằng vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị là rất quan trọng. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, chất lượng của đội ngũ giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị không ngừng được nâng cao về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực chuyên môn. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận án đã sử dụng các câu hỏi phỏng vấn chuyên gia (dành riêng cho giảng viên lý luận chính trị), từ đó thu được các kết quả đánh giá khả quan như sau:

Về trình độ chuyên môn: Trong những năm gần đây, các trường ĐH luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, giảng viên được tham gia vào hoạt động học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Do vậy, số lượng cán bộ, giảng viên trong các trường ĐH có trình độ sau đại học ngày càng đông.

Theo khảo sát thực tế của luận án, khi được hỏi về “sự quan tâm, tạo điều kiện để học tập và nâng cao trình độ”, 100% giảng viên (đặc biệt là giảng viên Lý luận chính trị) đều khẳng định Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã luôn tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên lý luận chính trị được tham gia vào các chương trình tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn, bồi dưỡng kiến thức theo chuyên đề do Bộ giáo dục và Đào tạo, Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức hàng năm [Phụ lục 2.d].

+ Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

Phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức trong sạch, lối sống nhân văn là một trong những yếu tố giữ vị trí quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói chung, giáo dục ý thức BVCQBĐ nói riêng, bởi chỉ khi người giảng viên sáng về đạo đức, kiên định về bản lĩnh chính trị, có lối sống vị tha, yêu thương con người.. thì mới khiến SVVN tin tưởng vào những bài giảng mà họ được học, từ đó mới có thể có những tác động tích cực đến việc rèn luyện của sinh viên.

Theo khảo sát của luận án, tỉ lệ giảng viên đã từng tham gia vào các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tình nguyện vì cộng đồng, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về Biển đảo Việt Nam là 60%, trong đó 40% giảng viên thường xuyên tham gia các hoạt động trên [Phụ lục 2.d]. Điều này cho thấy người giảng viên hiện nay đã và đang có ý thức tự giác cao trong quá trình rèn luyện, củng cố và phát triển đạo đức cá nhân, thấm nhuần ý thức về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội vì cộng đồng... để luôn là “tấm gương sáng về đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Là chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, nhưng vẫn còn một bộ phận giảng viên trong quá trình giảng dạy chưa thật sự chủ động trong việc đưa nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ vào bài giảng do tuổi đời, tuổi nghề còn trẻ, thiếu kinh nghiệm cũng như thiếu kỹ năng sư phạm, bài giảng còn mang nặng tri thức lý luận, tồn tại tình trạng ôm đồm tri thức, phương pháp giảng dạy chủ yếu là thuyết trình nên thiếu sức thu hút, nhẹ tính thuyết phục đối với sinh viên...[Phụ lục 2b].

Bên cạnh đó, một bộ phận giảng viên trong các trường ĐH (trong đó có cả giảng viên lý luận chính trị) do ảnh hưởng của cơ chế thị trường, cùng với áp lực kinh tế... nên thiếu đầu tư vào nội dung bài giảng, chỉ giảng đủ, giảng đúng nội dung theo sách giáo trình mà không có sự đầu tư, cập nhật thông tin kinh tế - chính trị - xã hội, nhiều giảng viên còn giảng 18 đến 20 lớp trong một tuần (ở nhiều trường khác nhau) dẫn đến sức khỏe không đảm bảo cho quá trình giảng dạy, bài giảng cũng trở nên khô cứng, thiếu hấp dẫn. Tệ hơn nữa, do ảnh hưởng của kinh tế thị trường, một số ít giảng viên đã sa vào các tệ nạn (cờ bạc, lô đề...) hoặc chạy theo vật chất đơn thuần, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, có những hành vi phạm đạo đức nghề nghiệp, làm ảnh hưởng đến sự tin tưởng của SVVN về hình ảnh “người thầy” dẫn tới hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên không cao.

Về hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên luôn là những cánh tay đắc lực, phát huy tốt vai trò của mình trong việc tập hợp sức mạnh, bồi dưỡng giáo dục chính trị tư tưởng cho SVVN. Cùng với nhà trường, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị cho SVVN, lồng ghép phổ biến nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Đoàn cấp trên thông qua những hoạt động đoàn thể như: tổ chức cho SV tham gia các cuộc thi “*Olympic các môn khoa học Mác- Lênin*”, “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí*

Minh”, “*Tự hào Việt Nam*”, “*Xung kích phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô*”, “*Đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp*”, “*Công ước Luật biển 1982 - Hành trình 35 năm*”, “*Tuổi trẻ Thủ đô đồng hành với các chiến sĩ nơi biên giới, hải đảo*”, “*Ý tưởng sinh viên BVCQBĐ*”, “*Góp đá xây Trường Sa*”... Các hoạt động này là những sân chơi trí tuệ, sáng tạo để SVVN có cơ hội giao lưu, học hỏi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, góp phần nâng cao chất lượng học tập, tích lũy kinh nghiệm sống... góp phần khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước, yêu biển, yêu đảo, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần BVCQBĐ trong giai đoạn mới.

Giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN còn thông qua các phong trào chính trị - xã hội khác như phong trào “*Sinh viên tình nguyện*”, “*Tiếp sức mùa thi*”, “*Chủ nhật đỏ*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”, “*Áo ấm cho em*”, ... những phong trào này là nơi để SVVN trải nghiệm thực tiễn, rèn luyện bản lĩnh, ý thức đoàn kết, trách nhiệm vì cộng đồng dân tộc, học hỏi được nhiều “kỹ năng mềm” phục vụ cuộc sống.

Mặc dù vậy, hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong việc phối hợp giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức nói chung, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN nói riêng vẫn còn biểu hiện hình thức, tính thiết thực, sáng tạo trong việc xác định nội dung giáo dục chính vì vậy chưa tác động sâu sắc đến nhận thức của sinh viên. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy năng lực của đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội ở các trường ĐH chưa mang tính chuyên môn cao bởi đa số cán bộ Đoàn là cán bộ kiêm nhiệm. Ở một số trường, cán bộ Đoàn, Hội đa số là cán bộ trẻ, có những bạn chỉ mới tốt nghiệp đại học và đang nghiên cứu học Cao học.. chính vì vậy, khi tiến hành hoạt động giáo dục ý thức có đôi khi chính các bạn cán bộ cũng chưa nhận thức hết được nội dung của vấn đề hoặc tệ hơn nữa là bị ảnh hưởng bởi bối cảnh xã hội, tâm lý lứa tuổi nên coi nhẹ việc giáo dục ý thức BVCQBĐ tại trường.

Theo khảo sát thực tế của luận án, có đến 52,4% số sinh viên được hỏi *“có tham gia các hoạt động do trường tổ chức”* đã trả lời chỉ *“thỉnh thoảng tham gia”*, *“chỉ khi có yêu cầu”* hoặc chưa từng tham gia bởi hoạt động của tổ chức đoàn thể nhà trường không có tính thu hút, không tạo ra động lực khiến sinh viên hứng thú tham gia.

Về sự phối hợp với gia đình trong giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN

Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện, gia đình không chỉ là nguồn cung cấp các yếu tố vật chất mà còn cả các yếu tố tinh thần để sinh viên hoàn thiện mình. Có thể khẳng định rằng giáo dục gia đình là môi trường đầu tiên để SVVN tiếp nhận những giá trị, những chuẩn mực xã hội, vững tin bước sang một môi trường xã hội hoá cao hơn.

Nhờ xác định rõ tầm quan trọng và vai trò đặc biệt của giáo dục gia đình đối với việc hình thành nhân cách, ý thức của SVVN, trong những năm qua, các trường ĐH đã có nhiều hoạt động phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. Chính nhờ những trao đổi kịp thời đó của gia đình và Nhà trường đã kịp thời giúp SVVN định hướng và sửa chữa lại những nhận thức và hành vi lệch lạc do bị các đối tượng xấu lôi kéo, lung lạc. Từ đó đã góp phần nâng cao nhận thức và tác động đến những định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích của SVVN.

Như vậy, cùng với sự phát triển của xã hội hiện đại, bên cạnh nhiệm vụ xây dựng kinh tế gia đình, các bậc phụ huynh cũng cần phải có cách nhìn nhận mới về nội dung và phương pháp giáo dục. Ở quá trình này, giáo dục không phải là *“phó thác”* con, cháu mình cho Nhà trường mà trước hết chính các bậc phụ huynh cần phải tự mình học hỏi, trau dồi kiến thức về mọi mặt, tạo lập môi trường sống lành mạnh cho con em mình. Hay nói cách khác, chính bản thân các bậc phụ huynh (ông bà, bố mẹ, cô chú, anh chị) phải là tấm gương sáng về đạo đức, nhân cách cho con cháu noi theo.

Về chất lượng SVVN - chủ thể đồng thời cũng là đối tượng của quá trình giáo dục ý thức.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục đã liên tục tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước nhà, từ hình thức đào tạo niên chế chuyển dần sang đào tạo tín chỉ, lấy sự tự giác học tập và rèn luyện của người học làm trung tâm. Chính những thay đổi này đã làm cho mặt bằng chung chất lượng đầu vào của SVVN tại các trường ĐH được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của các trường ĐH trong cả nước.

Thành tựu về kết quả này được thể hiện trên cơ sở phân tích *kết quả khảo sát* từ 1000 SV; thông qua các báo cáo của Thành Đoàn, Hội Sinh viên; thông qua nghiên cứu báo cáo tổng kết của các trường ĐH gửi Bộ GD&ĐT. Có thể khẳng định rằng công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thu được những kết quả tích cực như:

(1) SVVN đã có nhận thức và những hiểu biết cơ bản về sự nghiệp BVCQBĐ của Tổ quốc.

(2) Hầu hết SSVN tin tưởng vào nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương.

(3) Đa số SVVN có ý chí quyết tâm cao trong thực hiện nhiệm vụ BVCQBĐ của Tổ quốc.

Bên cạnh đó, với việc triển khai phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, hướng dẫn sinh viên phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện... SVVN hiện nay ngày càng khẳng định được tính tích cực trong học tập; luôn có thái độ lạc quan chủ động, sáng tạo; có lối sống lành mạnh, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng.

Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc, SVVN đều mang trong mình ý chí tự cường, tự hào về lịch sử đấu tranh BVTQ, có ý thức tôn trọng

và gìn giữ những giá trị văn hoá cốt lõi, mong muốn đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, còn tồn tại một bộ phận chủ thể chưa có nhận thức sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Trong những năm gần đây, do sự thay đổi về cơ chế tuyển sinh từ Thi đại học sang Xét tuyển đại học và xét học bạ, cũng như do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19... Một số trường ĐH do áp lực của chỉ tiêu tuyển sinh đã lấy điểm trúng tuyển bằng điểm sàn do Bộ Giáo dục và đào tạo quy định, điều đó dẫn tới thực trạng chất lượng đầu vào của sinh viên thấp, sinh viên cảm thấy việc vào được các trường ĐH “quá dễ” dẫn tới tâm lý “đứng núi này trông núi nọ”, “chê trường” và muốn thi lại sang trường khác tốt hơn. Điều này dẫn tới việc nhiều SVVN khi đi học không chủ động; không tự giác không tu dưỡng, rèn luyện; thờ ơ với các phong trào xã hội và phong trào tình nguyện, một bộ phận còn mắc vào các tệ nạn xã hội... Thực tế này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN nói riêng trong các trường ĐH.

2.3.2 Về chất lượng của các yếu tố tham gia giáo dục

Trong những năm gần đây, chất lượng của các yếu tố tham gia hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN không ngừng được nâng cao.

Về xây dựng chương trình và tài liệu giáo dục:

Trong quá trình nghiên cứu, thông qua câu hỏi phỏng vấn sâu, tác giả luận án nhận thấy mặc dù Bộ GD&ĐT, Ban Tuyên giáo Trung ương... chưa có tài liệu thống nhất quy định chương trình, nội dung về giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH. Nhưng phần lớn các cán bộ, giảng viên khi được hỏi “*Trong quá trình giảng dạy và công tác, Anh/Chị có tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo với sinh viên không?*” thì 98% các giảng viên đều khẳng

định trong quá trình dạy học họ “thường xuyên tuyên truyền” (52%) hoặc có “lồng ghép, đan xen trong quá trình giảng dạy” (46%).

Bên cạnh đó, do có sự nhận thức cao về tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục ý thức BVTQ nói chung, BVCQBĐ nói riêng trong tình hình mới, nhiều trường ĐH đã chú trọng đến việc tự xây dựng chương trình hoạt động, thống nhất về tài liệu, nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ (lưu hành nội bộ) để tiến hành hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ ở các tuần sinh hoạt công dân (đầu khóa, cuối khóa); tổ chức các phong trào thi đua về chủ đề “Biển, Đảo”... Các khoa, bộ môn cũng tiến hành họp và thống nhất nội dung cần lồng ghép trong các bài giảng trên lớp, các hoạt động nội khóa và ngoại khóa (đặc biệt là các môn Lý luận chính trị), ví dụ như:

Với môn Triết học: ý thức BVCQBĐ thường được nêu và phân tích, làm rõ trong khi lấy ví dụ về ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả, quy luật phủ định của phủ định; ý thức xã hội, con người...

Với môn Kinh tế chính trị: ý thức BVCQBĐ thường được nêu và phân tích, làm rõ khi giảng dạy Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Với môn Chủ nghĩa xã hội khoa học: ý thức BVCQBĐ thường được nêu và phân tích, làm rõ khi giảng dạy chương 4 - Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, chương 6 trong vấn đề dân tộc, chương 7 trong vấn đề gia đình XHCN..

Với môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: ý thức BVCQBĐ thường được nêu và phân tích, làm rõ khi giảng dạy trong phần liên hệ với đường lối lãnh đạo của Đảng về chống giặc ngoại xâm (chương 2, chương 3).

Với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: ý thức BVCQBĐ thường được nêu và phân tích, làm rõ khi giảng dạy các nội dung về độc lập dân tộc, về tư tưởng đại đoàn kết, về tư tưởng văn hóa, đạo đức, con người.

Trong sự biến động khó lường của tình hình KT-XH Việt Nam hiện nay, giáo dục ý thức BVCQBĐ là một nhiệm vụ vô cùng cấp bách, bởi trong quá trình giáo dục, SSVN không chỉ tăng thêm hiểu biết về pháp luật, dự đoán được những biến động xã hội mà còn góp phần bồi dưỡng cho SVVV lòng yêu nước, hoàn thiện những phẩm chất đạo đức, nhân văn, ý chí vững vàng, kiên định trước những tư tưởng lôi kéo, xuyên tạc, lối sống lệch chuẩn đạo đức truyền thống hiện nay.

Sự thiếu hụt nguồn tư liệu đáng tin cậy cũng như nội dung tuyên truyền không thống nhất và cập nhật thường xuyên cũng là một trong những hạn chế khiến cho SVVN mất đi sự hứng thú quá trình học tập, nghiên cứu bởi khi được hỏi *“Theo Anh/Chị, nguyên nhân những hạn chế về giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là gì?”* đã có 68% SV lựa chọn phương án trả lời rằng: *“chưa có chương trình, tài liệu cụ thể hướng dẫn”* và 12% cho rằng *“công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện, sâu sắc, cuốn hút”* [Phụ lục 2.a].

Điều đó cho thấy nếu như SVVN chỉ tiếp xúc với các tri thức về BVCQBĐ thông qua các khóa học Lý luận chính trị (98%), các tuần sinh hoạt công dân (đầu khóa - cuối khóa) 92% hoặc tự theo dõi thông tin trên báo chí, internet (95%), nghe thông tin khi tham gia hoạt động Đoàn (74%).. [Phụ lục 2.a] thì lượng tri thức SVVN cần không thể được cập nhật đầy đủ, có hệ thống mà đôi khi còn tiếp xúc phải những thông tin sai lệch, trái chiều gây ảnh hưởng lớn tới nhận thức của SVVN trong vấn đề BVCQBĐ. Điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc hình thành ý thức tự giác bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc nói chung và BVCQBĐ nói riêng.

Mặt khác, do sự thiếu hụt đầu tư về chương trình; nội dung tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ do chưa có tài liệu thống nhất nên (bằng kinh

nghiệm chủ quan của chủ thể giáo dục) các bài giảng chủ yếu trang bị tri thức cơ bản về BVTQ, BVCQBĐ khiến cho bài học trở nên “khô cứng”, “lý thuyết suông”; Hình thức và phương pháp giáo dục có lúc còn chung chung, trừu tượng, nặng về thuyết trình, chưa cụ thể và sát với đặc thù tâm, sinh lý của tuổi trẻ, ... chính vì vậy chưa khơi gợi được sự hứng thú, say mê tìm hiểu nghiên cứu; chưa tạo được động lực, gợi được sự chủ động, sáng tạo cho SVVN trong quá trình học tập.

Theo đánh giá của bản thân cán bộ, giảng viên về *“phương pháp nào mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục ý thức?”* đã có từ 60 - 98% ý kiến chọn lựa các phương pháp mang lại hiệu quả cao là “trao đổi, tọa đàm”, “trực quan”, “thuyết trình”, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và các phong trào thi đua... nhưng riêng phương pháp “nêu gương” lại có con số 0% lựa chọn. [Phụ lục 2.b]. Điều này cũng phản ánh phần nào những hạn chế trong các đánh giá của một bộ phận chủ thể giáo dục bởi nếu SVVN không được biết đến những tấm gương sáng trong các phong trào đấu tranh và BVCQBĐ của ngư dân, của các chiến sĩ lực lượng vũ trang.., thì những câu chuyện mà người cán bộ, giảng viên nhắc tới rất thiếu tính thuyết phục, không có sức cuốn hút và lan tỏa.

Về những điều kiện vật chất hỗ trợ công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ trong các trường ĐH.

Trong khuôn khổ của luận án, tác giả tập trung phân tích những điều kiện vật chất hỗ trợ của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ bao gồm: hệ thống thông tin thư viện, phòng truyền thống nhà trường, các giảng đường hiện đại.

Về hệ thống thư viện trường: Những năm gần đây, các trường ĐH luôn chú trọng đến công tác xây dựng và nâng cao chất lượng hiệu quả phục vụ của hệ thống thư viện nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc học tập, nghiên cứu của SVVN. Theo nghiên cứu của tác giả, 100% hệ thống thư viện của các trường ĐH đều có trang bị tủ sách, khu trưng bày sách, hình ảnh, các tư liệu về Hồ Chí

Minh, về phòng chống tham nhũng, về biển đảo Việt Nam... Bên cạnh đó, *hệ thống thư viện điện tử* cũng được các trường đầu tư thực hiện, việc liên kết với thư viện quốc gia đã giúp SVVN có điều kiện tìm hiểu thông tin, tìm tư liệu nhanh hơn, góp phần nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện của sinh viên.

Về phòng truyền thống nhà trường: đây là nơi trưng bày những hiện vật liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của mỗi trường ĐH; là nơi lan tỏa những giá trị truyền thống bằng cách trưng bày các tư liệu lịch sử theo chuyên đề, phù hợp với từng thời điểm lịch sử.. Chính vì vậy, phòng truyền thống ở mỗi trường ĐH cũng được coi như một giảng đường đặc biệt, là nơi giáo dục truyền thống dân tộc, giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục lý tưởng cho sinh viên.

Theo khảo sát của tác giả, hiện nay đa số các trường ĐH đã có sự quan tâm nhất định đến công tác sưu tầm, bảo quản các tài liệu, hiện vật, tranh ảnh... Phòng truyền thống, văn phòng Đoàn TNCSHCM mở cửa thường xuyên với sự thay đổi liên tục của các chủ đề trưng bày, qua đó đã thu hút đông đảo sinh viên đến tham quan, tìm hiểu truyền thống, lịch sử của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động giáo dục. Theo khảo sát thực tế của luận án, có trên 55% sinh viên cho rằng phòng truyền thống, các văn phòng Đoàn, Hội, câu lạc bộ của trường mình đã đảm bảo được yêu cầu cho việc thăm quan, giáo dục truyền thống, tuyên truyền các nội dung về biển đảo và BVCQBĐ, BVTQ cho sinh viên.

Bên cạnh đó, các trường ĐH cũng đã không ngừng đầu tư *các giảng đường, lớp học hiện đại* với các trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác giảng dạy và học tập trong nhà trường máy chiếu Projector, máy tính, mạng Internet, hệ thống âm thanh... Điều này không chỉ giúp cho giảng viên truyền tải nội dung môn học với những hình thức sinh động, thực tế, góp phần tạo hứng thú cho người học mà còn thúc đẩy SVVN có cơ hội tự học tập, tự tìm kiếm tài liệu

ngiên cứu những vấn đề mình quan tâm từ đó nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường ĐH ở nước ta hiện nay.

Như vậy, việc đầu tư xây dựng và cập nhật thường xuyên hệ thống thư viện, nhà truyền thông, phòng học hiện đại đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN từ đó giúp SVVN hoàn thiện hơn các kỹ năng tìm tài liệu, sử dụng các phương tiện hiện đại, cập nhật các tri thức mới về công nghệ... giúp SVVN có nhiều cơ hội hơn trong tìm kiếm việc làm sau này.

Hệ thống thư viện (bao gồm thư viện truyền thống và thư viện điện tử) là nơi cung cấp giáo trình, tài liệu, thông tin cho việc học tập, nghiên cứu. Mặc dù tất cả các trường ĐH đã có sự đầu tư trong việc cung cấp các đầu sách về biển đảo và chủ quyền biển đảo để giúp công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ đạt hiệu quả, nhưng trên thực tế các đầu sách chuyên sâu về lĩnh vực này có kinh phí rất cao, có những cuốn phải đặt hàng mới có. Chính vì vậy nên các đầu sách ở lĩnh vực này thường không phong phú, không được cập nhật kịp thời. Bên cạnh đó, ở một số cơ sở đào tạo chưa xây dựng hệ thống thư viện điện tử, hoặc có xây dựng hệ thống thư viện điện tử nhưng chưa kết nối với cơ sở dữ liệu của thư viện quốc gia.. chính điều này cũng khiến SVVN gặp nhiều khó khăn trong quá trình tìm hiểu, cập nhật thông tin.

Hệ thống giảng đường, phòng học với các trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ công tác giảng dạy cũng góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục cho sinh viên. Tuy nhiên do khó khăn về kinh phí, nên việc trang bị những phương tiện hiện đại như máy chiếu Projector, máy tính, kết nối Internet, hệ thống âm thanh trong các giảng đường, phòng học ở nhiều trường còn rất hạn chế như màn hình bị mờ, không thể kết nối, không linh hoạt chuyển đổi giữa laptop và máy tính bàn, hệ thống âm thanh còn tồn tại nhiều tạp âm..

Phòng truyền thống trong các trường ĐH là nơi trưng bày các hình ảnh, các tư liệu về quá trình hình thành và phát triển của nhà trường, truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc hay vinh danh những tấm gương tiêu biểu trong quá trình học tập, rèn luyện.. đây cũng là một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục nói chung, yếu tố này tác động trực tiếp đến sự hình thành tư tưởng, tình cảm của sinh viên. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế cho thấy, ở nhiều cơ sở đào tạo, phòng truyền thống chưa được chú trọng đầu tư (thậm chí có nơi còn không xây dựng phòng truyền thống), hiện vật trưng bày còn đơn điệu, hoạt động còn mang tính hình thức... chính vì vậy chưa đáp ứng được vai trò của việc giáo dục truyền thống, giáo dục BVCQBĐ cho SVVN.

Về mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường và vấn đề xây dựng môi trường văn hóa học đường

Sự kết hợp này được thể hiện ở việc các trường ĐH đã đưa toàn bộ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên lên hệ thống Website của nhà trường. Với việc đăng nhập vào tài khoản cá nhân của SVVN thông qua mã sinh viên (mã code in trên thẻ sinh viên), gia đình có thể quản lý toàn bộ các hoạt động của sinh viên như vấn đề học phí, điểm số, hoạt động nghiên cứu khoa học, nợ môn, khen thưởng (hoặc khiển trách vi phạm)...

Hiện nay, ở một số trường ĐH vẫn sử dụng phương pháp thi như viết tiểu luận, thi tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan truyền thống (in trên giấy)... Chính vì vậy những hiện tượng tiêu cực trong thi cử như quay cốp, đạo văn, thuê thi hộ, thuê làm bài hộ... vẫn còn tồn tại và gây những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình học tập của SVVN.

Do ảnh hưởng của TCH và sự phát triển của kinh tế thị trường, những biểu hiện vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm các chuẩn mực văn hóa truyền thống như sống thử, bạo lực học đường, trang phục hở hang khi đến trường, chơi cờ bạc, lô đề, ma túy, hỗn láo với Thầy/Cô... diễn ra thường xuyên

và có xu hướng gia tăng. Cá biệt ở một số trường ĐH, một bộ phận cán bộ, giảng viên còn lợi dụng chức quyền, thiếu gương mẫu trong công việc, tha hóa về lối sống và đạo đức; trong các mối quan hệ với đồng nghiệp và sinh viên còn chưa thực sự chuẩn mực... dẫn tới tình trạng SVVN mất lòng tin, bị lôi kéo theo những tư duy phản văn hóa, phản cách mạng của các thế lực thù địch.

2.3.3 Về nhận thức của sinh viên đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo

Do nhận thức chưa đúng về vị trí, vai trò của ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ đối với bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện, nên thái độ đúng đắn, niềm tin vào thắng lợi vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vì hạnh phúc của con người trong một bộ phận sinh viên bị dao động. Theo kết quả khảo sát của luận án, khi được hỏi *“Niềm tin của Anh/Chị vào khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của LLVT và nhân dân Việt Nam ở mức nào?”* thì vẫn còn tồn tại 22% số sinh viên cho rằng mình vẫn còn băn khoăn về khả năng BVCQBĐ và lợi ích quốc gia trên biển do Đảng lãnh đạo.

Bên cạnh đó, ở một số bộ phận SVVN hiện nay đã xuất hiện thái độ vô cảm, thờ ơ, né tránh trước những cái xấu, cái sai, hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, lối sống thực dụng, ngại khó, ngại gian khổ... sống thiếu lý tưởng cách mạng, nhiều SVVN không hiểu “lý tưởng” là gì. Họ sống và học tập chỉ vì “bố mẹ muốn”, vì “xã hội yêu cầu”, vì học cho bằng bạn bè, vì để có cơ hội việc làm tốt, không phải ở nhà làm nông nghiệp hoặc thậm chí tệ hơn nữa là để tránh phải tham gia nghĩa vụ quân sự...

Về nhiệm vụ học tập, rèn luyện: Bên cạnh sự thiếu nền tảng kiến thức, kỹ năng “mềm” xã hội, SVVN còn ít có những trải nghiệm thực tiễn, ít hiểu biết (thậm chí là không quan tâm) về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội quốc tế và trong nước nên càng gặp nhiều khó khăn khi học tập và vận dụng kiến thức

trong thực tiễn. Điều đó dẫn tới tình trạng sau một thời gian học tập, SVVN rơi vào chán nản, xem nhẹ việc học tập.

Về trách nhiệm tập thể, cộng đồng: một bộ phận SVVN có thái độ thờ ơ, vô cảm với các sinh hoạt tập thể, chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân; thiếu trung thực, lười lao động, thích hưởng thụ; thiếu trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, thậm chí thiếu trách nhiệm với chính đời sống cá nhân mình; số ít còn rơi vào tình trạng cờ bạc, lô đề, rượu bia, game, đặc biệt là nghiện điện thoại di động, đam mê với cuộc sống ảo.

Một là, cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu, các phòng chuyên trách, các khoa đào tạo và các đoàn thể ở một số trường ĐH còn thiếu sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, buông lỏng quản lý; Một số gia đình sa đà trong việc nâng cao thu nhập kinh tế mà ít quan tâm giáo dục con cái, chưa là những tấm gương mẫu mực, thậm chí một bộ phận phụ huynh còn để lại những tấm gương xấu cho con cháu.

Hai là, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH còn mang nặng tính hình thức. Hoạt động giáo dục này trong các trường được thực hiện thông qua việc học tập trong Tuần sinh hoạt công dân, trong các môn Lý luận chính trị; thông qua các cuộc thi, tìm hiểu về biển đảo Việt Nam; thông qua các phong trào xã hội do các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tổ chức... Tuy nhiên, những hoạt động này thường diễn ra không thường xuyên, thiếu tính hệ thống... vì thế không tạo được sức thu hút, lan tỏa, nặng về nhiệm vụ chính trị, chưa phát huy được tính tự giác của sinh viên khi tham gia. Đồng thời các hoạt động trên của Đoàn, Hội ở các trường ĐH, HV vẫn còn diễn ra lẻ tẻ, không có chiều sâu, chỉ tổ chức về mặt hình thức, chưa trở thành phong trào mang tính tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục. Do vậy, chưa khơi dậy, thôi thúc được ý thức cũng như sự tự nguyện, tự giác của SVVN trong quá trình nghiên cứu, học tập.

Nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ nếu chỉ thông qua việc học tập các môn Lý luận chính trị thì chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu bởi khi học, những nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ thường được lồng ghép khi các giảng viên lấy ví dụ minh họa chứ không phải dưới dạng một chuyên đề riêng biệt. Vì vậy, không đủ thời gian phân tích, truyền cảm hứng... sinh viên thường nghe nói chuyện chứ không thực sự ghi chép, ghi nhớ... điều đó khiến cho hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ chưa “thấm” trong nhận thức và hành động của sinh viên.

Ba là, do ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường, TCH và hội nhập quốc tế đã tác động tới nhận thức, hành vi của SVVN.

SVVN hiện nay được sinh ra và lớn lên trong môi trường đất nước hòa bình, phát triển, trong sự chuyển động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, của TCH và hội nhập quốc tế. Chính sự du nhập của lối sống phương Tây và đặc điểm tâm lý của con người trong thời bình đã khiến cho các giá trị truyền thống bị sắp xếp một cách lộn xộn, lệch chuẩn. Bên cạnh những SVVN có năng lực nhận thức tốt, có bản lĩnh vững vàng nhận ra được những ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường và xóa bỏ nó, thì một bộ phận SVVN đã trở nên ưa chuộng các giá trị vật chất, đề cao sức mạnh của đồng tiền, chạy theo lối sống thực dụng, hưởng thụ, phai nhạt các giá trị truyền thống của dân tộc như lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc...

Đáng lo ngại hơn nữa, hiện nay xuất hiện tình trạng một bộ phận SVVN chỉ lo vun vén cho riêng mình mà thờ ơ với đời sống xã hội, chỉ quan tâm đến học tập tri thức chuyên môn mà bỏ qua những kiến thức xã hội... chính vì vậy đã khiến cho một số SVVN mặc dù giỏi về năng lực và học vấn nhưng thiếu chính kiến, thiếu hoài bão, lý tưởng; chỉ chăm lo đến đời sống vật chất mà ít chăm lo đến tư cách đạo đức của mình... Điều đó khiến cho nhiều giá trị đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng của dân tộc có nguy cơ bị mai một và tha hoá trong đó có chủ nghĩa yêu nước và ý thức BVCQBĐ

Bốn là, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ truyền thông, mạng xã hội (Facebook, Tiktok, Youtube..) đã tạo ra cơ hội, trở thành cầu nối cho các quốc gia dân tộc mở rộng giao tiếp, nâng cao hiểu biết và có cơ hội “xích lại” gần nhau cả về kinh tế, văn hóa, giáo dục... Nhờ có công nghệ truyền thông, đa số SVVN thể hiện được sự năng động, tích cực, có cơ hội để giao lưu rộng rãi với các tầng lớp xã hội khác nhau, làm cho mối quan hệ xã hội của sinh viên được mở rộng, từ đó làm phong phú thêm phong cách giao tiếp, ứng xử, vốn hiểu biết về văn hóa, lối sống. Tuy nhiên bên cạnh các ưu thế thì công nghệ truyền thông và mạng xã hội vẫn mang trong mình rất nhiều sản phẩm chứa đựng những nội dung độc hại, phi văn hoá, thậm chí trái ngược hẳn với thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam. Hiện tượng nghiện công nghệ, nghiện mạng xã hội, đã làm giảm tương tác thực tế giữa người với người, mọi giao tiếp của SVVN đa số thông qua điện thoại (Zalo, facebook..). SVVN hiện nay cũng rất ít tham gia vào các hoạt động giải trí bởi chỉ cần có một cái điện thoại thông minh họ có thể xem phim, nghe nhạc, nắm bắt tin tức, đọc truyện, chơi game...mà không tốn nhiều chi phí. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của game online đã khiến cho một bộ phận SVVN (cả giới tính nam và giới tính nữ) dành ít thời gian cho học tập và hoạt động thực tiễn, lãng phí thời gian và xao lãng mục tiêu thực sự quá trình giáo dục tại Nhà trường.

Mặt khác, thông qua phương tiện truyền thông và mạng xã hội, các thế lực thù địch cũng có nhiều cơ hội hơn để truyền bá những thông tin sai sự thật, chống phá, lôi SVVN vào con đường sai lầm, hư hỏng nhằm chống phá chế độ XHCN, phủ nhận những thành tựu mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được.

2.4 Những vấn đề đặt ra trong công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

2.4.1 Vấn đề đặt ra đối với các chủ thể giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức Đoàn, Hội ở các nhà trường phải quan tâm giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN một cách toàn diện về cả tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm bảo vệ CQBĐ cho sinh viên thông qua việc xác định các chủ trương, nội dung, biện pháp giáo dục ý thức ý thức BVCQBĐ. Đồng thời, khi lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục này cần có sự giám sát một cách chặt chẽ về nội dung và phương thức giáo dục để có thể đạt được tính thống nhất và hiệu quả cao trong truyền đạt thông tin, tri thức đến đối tượng giáo dục.

Đội ngũ chuyên viên, cán bộ Đoàn, Hội, giảng viên (nhất là những người giảng viên Lý luận chính trị) cần quản lý, hướng dẫn, tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn liên quan đến ý thức bảo vệ Tổ quốc, ý thức BVCQBĐ cho sinh viên bằng nhiều phương thức khác nhằm mục tiêu giáo dục nâng cao nhận thức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, bồi đắp tình cảm, xây dựng niềm tin và rèn luyện ý chí quyết tâm BVCQBĐ cho sinh viên.

Đối với sinh viên vừa là khách thể, vừa là chủ thể phát triển. Với tư cách là chủ thể, sinh viên có vai trò quyết định trực tiếp phát triển ý thức BVCQBĐ của bản thân. Họ phải quán triệt và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn liên quan đến phát triển ý thức BVCQBĐ. Đồng thời xây dựng được tích cực, tự giác trong quá trình tự tu dưỡng, tự học tập để phát triển tri thức, trau dồi tình cảm, củng cố, phát triển niềm tin, rèn luyện ý chí quyết tâm bảo vệ CQBĐ. Bên cạnh đó, bản thân mỗi sinh viên cũng cần tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia tuyên truyền, vận động, góp phần vào hoạt động phát

triển toàn diện ý thức BVCQBĐ của mình và của những sinh viên khác trong nhà trường.

Như vậy, các chủ thể giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay, trong quá trình giáo dục cần phải có phương hướng tác động toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm tới các yếu tố cấu thành ý thức bảo vệ BVCQBĐ. Trong quá trình đó các chủ thể giáo dục cần tập trung tác động vào tri thức BVCQBĐ bởi vì, tri thức là yếu tố quan trọng nhất, là phương thức tồn tại của ý thức, là cơ sở để hình thành, phát triển các yếu tố còn lại trong ý thức BVCQBĐ của SVVN.

Tác động vào tri thức nhưng đồng thời phải hướng tới hình thành, củng cố, phát triển tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm BVCQBĐ của SVVN, không được tuyệt đối hóa vai trò của tri thức. Tác động vào tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm phải hướng vào tạo động lực để SVVN tích cực học tập, nghiên cứu.. chủ động tham gia công tác giáo dục, rèn luyện để mở rộng, nâng cao, phát triển tri thức bảo vệ Tổ quốc nói chung, BVCQBĐ nói riêng.

2.4.2 Cần đổi mới nội dung, phương thức giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên hiện nay

Về nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ: phải bảo đảm yêu cầu toàn diện trong quá trình chuyển hóa về chất theo hướng tiến lên các yếu tố cấu thành ý thức bảo vệ Tổ quốc, bao gồm tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trong một chỉnh thể thống nhất. Trong đó: *Giáo dục tri thức BVCQBĐ* cho sinh viên cần phải bảo đảm tính toàn diện, hệ thống, từ sự hiểu biết về ta đến hiểu rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam; từ sự hiểu biết ở tầm vĩ mô đến sự hiểu biết cụ thể về nhiệm vụ chính trị của quân đội, đơn vị, chức trách, nhiệm vụ của bản thân; *Giáo dục tình cảm*

BVCQBĐ cho sinh viên phải bảo đảm tính toàn diện, cả cảm xúc, thái độ đối với ta (lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, .v.v.) và cảm xúc, thái độ đối với kẻ thù (lòng căm thù giặc sâu sắc); cả lòng yêu quê hương, đất nước, yêu chế độ xã hội chủ nghĩa, gia đình, người thân, bạn bè tinh thần đoàn kết, nhân ái đối cộng đồng...; *Giáo dục niềm tin BVCQBĐ* phải bảo đảm tính toàn diện, vừa tin tưởng vào ta (sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước, sức mạnh chiến đấu của quân đội, v.v...) vừa tố thái độ đấu tranh phê phán sự phản động, âm mưu thâm độc, xảo quyệt của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch..; *Giáo dục ý chí BVCQBĐ* phải bảo đảm tính toàn diện, vừa không chịu khuất phục, không nản chí trước những khó khăn của đất nước, không chịu khuất phục trước sự lôi kéo, dụ dỗ của các thế lực thù địch; thậm chí sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về phương thức giáo dục: giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên ngoài phương thức giáo dục thông qua các bài giảng trên lớp, được lồng ghép trong các tuần sinh hoạt công dân... thì phần lớn được giáo dục, tuyên truyền thông qua các hoạt động Đoàn, Hội và thông qua quá trình sinh viên tự nghiên cứu, tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này đưa đến một thách thức không nhỏ cho quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong nhà trường bởi trong quá trình giáo dục ấy, điều kiện tiên quyết là cần giúp SVVN nhận biết được những luận điệu xuyên tạc, lôi kéo của các thế lực thù địch.. cũng như phân biệt được những thông tin sai lệch trên mạng xã hội về vấn đề BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, một trong những phương thức giáo dục dễ được sinh viên tiếp nhận nhất đó là giáo dục thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động thực tiễn của Đoàn, Hội. Tuy nhiên, ở một số trường ĐH... việc tổ chức các

hoạt động thực tiễn cho SVVN vẫn còn những bất cập, chưa tạo ra điều kiện và môi trường thuận lợi đối với quá trình nâng cao ý thức BVCQBĐ hiện nay. Biểu hiện rõ nét nhất là việc các cán bộ Đoàn, Hội chưa quán triệt và vận dụng linh hoạt quan điểm thực tiễn trong nâng cao ý thức BVCQBĐ cho sinh viên; chưa thật tích cực, mạnh dạn trong tổ chức các phong trào thi đua, chưa tạo lập được các “sân chơi” đủ hấp dẫn để khơi dậy và phát huy tối đa tính tích cực, hăng hái, nhiệt tình của SVVN khi tham gia phong trào.

2.4.3. Đảm bảo các điều kiện để thực hiện các hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Về nguồn tư liệu, thông tin: sự thiếu hụt nguồn tư liệu được cập nhật kịp thời, đáng tin cậy cũng như nội dung tuyên truyền không thống nhất cũng là một trong những hạn chế khiến cho sinh viên mất đi sự hứng thú đối với tình hình chính trị - xã hội của đất nước bởi khi được hỏi “*Theo Anh/Chị, nguyên nhân những hạn chế về giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là gì?*” đã có 68% SV lựa chọn phương án trả lời rằng: “chưa có chương trình, tài liệu cụ thể hướng dẫn” và 12% cho rằng “công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện, sâu sắc, cuốn hút” [Phụ lục 2.a]. Điều đó cho thấy nếu như SVVN chỉ tiếp xúc với các tri thức về BVCQBĐ thông qua các khóa học Lý luận chính trị, các tuần sinh hoạt công dân (đầu khóa – cuối khóa), tự theo dõi thông tin trên báo chí, internet, nghe thông tin khi tham gia hoạt động Đoàn, Hội... [Phụ lục 2.a] thì lượng tri thức SVVN cần không thể được cập nhật đầy đủ, có hệ thống mà đôi khi còn tiếp xúc phải những thông tin sai lệch, trái chiều gây ảnh hưởng lớn tới nhận thức của SVVN trong vấn đề bảo vệ CQBĐ. Điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới việc hình thành tri thức, tình cảm, niềm tin và hình thành ý chí tự giác BVTQ nói chung và BVCQBĐ nói riêng.

Về thời gian và cơ sở vật chất dành cho giáo dục ý thức BVCQBĐ trong nhà trường: thực tế hiện nay, hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia cho sinh viên chủ yếu được thực hiện thông qua các nội dung lồng ghép vào các bài giảng, các buổi học học tập nghị quyết, sinh hoạt tọa đàm, các buổi sinh hoạt văn hóa văn nghệ, giao lưu kết nghĩa... mà chưa dành nhiều thời gian cho việc xây dựng, kế hoạch, nội dung chương trình có tính chất chính khóa. Thời gian dành cho các nội dung giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền, biên giới quốc gia chưa nhiều, nội dung giáo dục ý thức nằm trong khung chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh, và các môn khoa học Lý luận chính trị. Do đó, để xây dựng được một nội dung chương trình học cụ thể cũng là những thách thức lớn với hệ thống giáo dục trong thời gian sắp tới.

Tiểu kết chương 2

Trong chương này, từ việc phân tích và đánh giá số liệu thông qua bảng khảo sát và phỏng vấn sâu những vấn đề liên quan đến thực trạng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH. Từ đó luận án đã làm rõ một số vấn đề cơ bản như:

Một là, luận án đã phân tích thực trạng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, trên cơ sở những thành tựu mà các trường ĐH đã đạt được về các mặt như: thành tựu của chủ thể giáo dục, các điều kiện hỗ trợ giáo dục, kết quả cụ thể của hoạt động giáo dục, luận án cũng đã chỉ ra những nguyên nhân của việc đạt được các thành tựu ấy.

Bên cạnh những thành tựu, luận án cũng nêu lên những mặt còn tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chính của những hạn chế là do công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở một số trường chưa thực sự quán triệt sâu sắc và hoạt động theo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước; do tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm biến chất nhận thức và đạo đức của một bộ phận SVVN; do vẫn còn

một bộ phận SVVN khuyết thiếu sự tự ý thức học tập, tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng.

Hai là, bước đầu, luận án đã chỉ ra vấn đề đã và đang ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN như những hạn chế, bất cập của chủ thể giáo dục (SVVN) trong bối cảnh toàn cầu hoá và môi trường kinh tế, chính trị - xã hội diễn ra phức tạp; những hạn chế về sự hiểu biết, nhận thức các vấn đề chính trị - xã hội, độc lập, chủ quyền của đất nước trong một bộ phận SVVN hiện nay; những hạn chế bất cập trong nội dung, phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng và tự tu dưỡng rèn luyện của bản thân SVVN...

Mặc dù chưa thực sự đầy đủ nhưng việc đánh giá thực trạng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH là cơ sở quan trọng để luận án đưa ra các phương hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1 Phương hướng nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

3.1.1. Quán triệt và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước ta vào nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

Việc giữ vững nền tảng tư tưởng và vai trò lãnh đạo của Đảng là hai vấn đề mấu chốt, có ý nghĩa quyết định sự hình thành và phát triển ý thức BVCQBĐ của mỗi người dân Việt Nam nói chung, nâng cao ý thức BVCQBĐ của SVVN nói riêng. Vì vậy, vấn đề nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay phải được chỉ đạo bởi hệ thống các nguyên lý lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào BVCQBĐ Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bằng là nhà, mà biển là cửa. Giữ nhà mà không giữ cửa có được không? Kẻ gian tế nó sẽ vào chỗ nào trước? Nó vào ở cửa trước [94, tr. 311].. Vì vậy, theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, để BVCQBĐ Việt Nam, trước hết, chúng ta phải giáo dục cho đồng bào biết bảo vệ bờ biển.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, BVTQ là nhiệm vụ tiên quyết, bất di bất dịch, được Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng. Ngay từ Đại hội VI (1986), song song với chủ trương đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta xác định cần tiếp tục giương cao ngọn cờ hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Muốn giữ vững được độc lập tự chủ, giữ an được chủ quyền lãnh thổ quốc gia, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế, ra sức làm tròn nhiệm vụ dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân thế giới.

Ở các giai đoạn tiếp theo, cùng với sự biến động không ngừng của bối cảnh thế giới và trong nước, nhận thức của Đảng về BVTQ, BVCQBĐ Việt Nam ngày càng đầy đủ, toàn diện, phù hợp với thực tiễn từng giai đoạn cụ thể. Nhưng nhìn chung, xuyên suốt các giai đoạn, Đảng luôn nhất quán quán triệt quan điểm: kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc về mọi mặt. Đảng đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận và các văn bản có liên quan nhằm cụ thể hóa mục tiêu, quan điểm về BVTQ, BVCQBĐ trong bối cảnh mới, như: Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25-10-2013 “Chiến lược BVTQ trong tình hình mới”; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16-4-2018 “Chiến lược Quốc phòng Việt Nam”; Kết luận số 31-KL/TW, ngày 16-4-2018 “Chiến lược Quân sự Việt Nam”; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 25-7-2018 “Chiến lược BVTQ trên không gian mạng”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 28-9-2018 “Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia”; Nghị quyết số 51-NQ/TW, ngày 5-9-2019 “Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia” ;... Trên cơ sở thực tiễn, Nhà nước cũng đã xây dựng, ban hành mới và bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về QP-AN, tiêu biểu như: “Luật Phòng, chống khủng bố”, “Luật Cảnh sát biển Việt Nam”, “Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015” “Luật Quốc phòng (sửa đổi năm 2018)”, “Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh”, “Luật Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam”, ..

Như vậy, kế thừa tư tưởng “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, Đảng ta đã không ngừng phát triển, hoàn thiện tư duy, nhận thức của mình về BVTQ, BVCQBĐ Việt Nam trong điều kiện mới. Đảng khẳng định “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển KT-XH là lợi ích cao nhất của đất nước”

[51]. Quan điểm này được hiểu là trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay, giữ nước không có nghĩa là phải có chiến tranh, tiến hành chiến tranh hoặc các hoạt động liên quan đến chiến tranh. Quan trọng nhất, giữ nước là giữ cho đất nước không phải tiến hành chiến tranh, không tồn tại những nguy cơ tiềm ẩn về chiến tranh.

Từ quan điểm trên, Đảng và Nhà nước ta đã nhấn mạnh đến vấn đề bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, BVTQ “từ xa”. Với quan điểm này, chúng ta có thể hiểu, “từ xa” không có nghĩa là nhấn mạnh về mặt khoảng cách, mặt địa lý, mà chủ yếu nhấn mạnh tới công tác chủ động chuẩn bị BVTQ ngay khi đất nước đang hòa bình và phát triển; thực hiện ngăn ngừa và đẩy lùi tất cả những nguy cơ xung đột và chiến tranh có thể xảy ra. “Từ xa” nghĩa là nhấn mạnh tới vấn đề “tự lực tự cường”, tự bảo vệ và khẳng định phải xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại...

Từ những nhận thức ấy, Đảng khẳng định phương châm BVTQ trong tình hình mới là:

Đối với nội bộ: lấy việc giáo dục, thuyết phục, phòng ngừa là chính đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật và các biểu hiện trái với chuẩn mực đạo đức.

Đối với các tranh chấp, bất đồng với các nước liên quan: kiên trì, kiên nhẫn giải quyết bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế, tránh manh động, chủ quan.. rơi vào âm mưu của các thế lực thù địch, chống phá cách mạng [32].

Về phương thức đấu tranh: kết hợp đấu tranh vũ trang và phi vũ trang, trong đó lấy đấu tranh phi vũ trang là chủ yếu. Nhằm: (1) Chủ động ngăn ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch (2) Khắc phục tình trạng sơ hở, mất cảnh giác; (3) Phòng ngừa, ngăn chặn hiệu quả các nguy cơ xung đột, chiến tranh biên giới, biển, đảo, chiến tranh mạng; (4)

không để xảy ra bạo loạn, khủng bố, hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nước [47].

Trong những năm gần đây, các thế lực thù địch đang sử dụng nhiều hình thức, phương pháp khác nhau, tác động bằng nhiều hướng cả trực tiếp và gián tiếp, nhằm phá hoại sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng với những âm mưu, thủ đoạn chính là tập trung vào các hoạt động tuyên truyền phá hoại Đại hội XI, XII, XIII của Đảng; xuyên tạc Nghị quyết và các văn kiện của Đại hội XI, XII, XIII; đòi tẩy chay Hiến pháp mới; bôi nhọ các lãnh đạo Đảng, Nhà nước; phủ nhận công cuộc đổi mới; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; kích động một số người dân biểu tình vì lý do “bảo vệ chủ quyền biển, đảo”; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc,; làm ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam; tạo sự mơ hồ, mất cảnh giác, nhằm lẫn giữa bạn, thù, đối tác và đối tượng; thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đất nước.

Nhận rõ được âm mưu của các thế lực thù địch, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị khóa XII ban hành Nghị quyết số 35- NQ-TW về *“Tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”* chỉ rõ: cần chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và BVTQ.

Đến ngày 05/3/2022, trước thực trạng các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng (với hơn 3000 trang website, hơn 50 đài phát thanh truyền hình, gần 400 tờ báo, tạp chí tiếng Việt (trong đó có 10 tờ nội dung rất phản động, 66 nhà xuất bản để tuyên truyền, chống phá cách mạng Việt Nam)...) để tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, nhằm làm lung lạc niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước... Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 311/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình *“Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên*

không gian mạng giai đoạn 2022-2030” với mục tiêu: Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức và lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng. Từ đó góp phần xây dựng thế hệ trẻ có lý tưởng cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, giàu lòng yêu nước, có tri thức, có văn hóa, có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng, có ước mơ và hoài bão, có khát vọng và kỹ năng hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số hóa.

Như vậy, công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay muốn đạt được hiệu quả cao cần:

(1) Chú trọng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng như: nhận diện, xử lý, làm chủ thông tin và các công cụ, phương tiện kỹ thuật trên không gian mạng.

(2) Chủ động sàng lọc, nhận diện được các thông tin “xấu”, “độc”, tiếp nhận thông tin tích cực trên không gian mạng.

(3) Đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần tích cực thực hiện hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

3.1.2. Quá trình giáo dục có sự gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; kết hợp giáo dục bằng nhiều phương thức khác nhau trong giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên

Đây là yêu cầu cơ bản, là mục tiêu “kép” trong nâng cao ý thức BVCQBĐ hiện nay. Thực chất của yêu cầu này là, thông qua các hoạt động chính trị - xã hội thực tiễn - nhằm giáo dục, rèn luyện để phát triển và hoàn thiện nhân cách cho thanh niên nói chung và cho SVVN nói riêng trong thời kỳ mới với các tiêu chí nền tảng là “Tâm trong”, “Trí sáng”, “Hoài bão lớn”. Vì vậy, để việc nâng cao ý thức BVCQBĐ đạt kết quả tốt cần phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và các tổ chức

chính trị - xã hội... đề từ đó tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SVVN phát huy cao độ ưu thế và sức mạnh của tuổi trẻ đối với sự nghiệp BVCQBĐ, kế tục xứng đáng truyền thống thế hệ đi trước; khắc phục nhận thức lệch lạc, nhất là khắc phục những biểu hiện “khoán trắng” cho tổ chức đoàn, cán bộ đoàn và đoàn viên, thanh niên, giảng viên trong tổ chức nâng cao ý thức BVCQBĐ ở các cơ sở đào tạo như hiện nay.

Để phát huy vai trò của mình, các chủ thể trực tiếp ở đơn vị cơ sở từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu, hay các Trưởng phòng, Ban các cấp đến các lực lượng đảm bảo khác cần phải đề cao ý thức, trách nhiệm trong việc xác định đúng đắn chương trình, nội dung nâng cao ý thức BVCQBĐ Việt Nam.

Đặc biệt, cần chú trọng việc kiện toàn hệ thống cơ quan chuyên trách, cán bộ chuyên trách, thường xuyên quan tâm đến việc rà soát, bổ sung chính sách đối với cán bộ làm công tác thanh niên, chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ tuyên truyền viên; kết hợp chặt chẽ giữa vai trò nêu gương với tôn trọng nhân cách và yêu cầu về nắm đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi thanh niên, đảm bảo tính thống nhất trong bồi dưỡng xây dựng đội ngũ SVVN vững vàng bản lĩnh chính trị, kiên định trong lập trường tư tưởng. Mặt khác, cần phát huy tính chủ động, tự giác, tích cực, sáng tạo trong tự học tập, nghiên cứu và rèn luyện. Từ đó từng bước hình thành và ngày càng nâng cao ý thức BVCQBĐ của bản thân SVVN, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục.

3.1.3. Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên cần gắn kết chặt chẽ giữa xây đi đôi với chống

Với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường cùng các hoạt động giao lưu văn hoá, xã hội với quốc tế được mở rộng thì những quan điểm chính trị khác biệt, thậm chí “đôi lập” với đường lối chính trị Việt Nam sẽ có điều kiện thuận lợi để thâm nhập vào ý thức của con người và đời sống xã hội Việt

Nam nói chung, SVVN nói riêng. Từ năm 2014 đến nay, các thế lực thù địch đã lợi dụng vấn đề Trung Quốc xâm phạm CQBĐ Việt Nam để kích động nhân dân Việt Nam biểu tình trái pháp luật, kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan, “bài” Trung Quốc... từ đó chúng đưa ra các luận điệu xuyên tạc đường lối, chính sách QP-AN của Đảng và Nhà nước ta. Thậm chí, trên một số phương tiện truyền thông, một số clip trên Youtube các thế lực phản cách mạng còn hô hào và đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng nhằm chống phá cách mạng Việt Nam, đòi xóa bỏ chế độ XHCN ở nước ta.

Trong khi đó, việc tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ ở Việt Nam nói chung và ở các trường ĐH còn gặp nhiều khó khăn trở ngại bởi việc nghiên cứu, biên soạn nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ chưa theo kịp sự phát triển nhanh chóng của thực tiễn BVCQBĐ Việt Nam, dẫn tới những biểu hiện giáo điều, kém sức thuyết phục trong nội dung tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng.

Nguyên Tổng Bí thư Lê Duẩn đã khẳng định: Con người muốn hoàn thiện nhân cách phải thông qua quá trình giáo dục và tự giáo dục. Con người không phải từ khi sinh ra đã có lý tưởng, phẩm chất tốt đẹp. Lý tưởng, phẩm chất cách mạng chỉ có thể được hình thành trong quá trình đấu tranh cách mạng, trong sản xuất, chiến đấu và tu dưỡng [21, tr.111]. Chính vì vậy, việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho thế hệ trẻ nói chung, cho SVVN nói riêng luôn là quá trình lâu dài, gắn với thực tiễn quá trình đấu tranh BVCQBĐVN. Quá trình giáo dục đó cần có mục đích, có kế hoạch, thường xuyên, liên tục và lâu dài với mục tiêu, nội dung, yêu cầu, phương thức xác định theo hướng “khoa học, toàn diện, thiết thực và hiệu quả”, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn đầy đủ.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Xuất phát từ vị trí, vai trò, yêu cầu, thực trạng công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên trong các trường ĐH ở nước ta hiện nay, việc giáo dục

này cần được tiến hành đồng bộ, bằng nhiều giải pháp khác nhau. Tuy nhiên, trong đề tài này, tác giả bước đầu đề cập đến một số giải pháp cơ bản sau:

3.2.1 Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường ĐHQG Việt Nam hiện nay

Để nâng cao nhận thức về hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay, các cấp lãnh đạo, Ban, Ngành và các chủ thể giáo dục trong nhà trường, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Bộ giáo dục và đào tạo, là cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý các hoạt động giáo dục, nên có vai trò quan trọng đối với hoạt động giáo dục nói chung, hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN nói riêng. Do vậy, Bộ GD&ĐT cần phải chủ động tiếp nhận toàn diện chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục ý thức BVTQ nói chung, BVCQBĐ nói riêng, trong đó cần xác định rõ đối tượng, nội dung và thời lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho người học, nhằm tạo điều kiện để hoạt động giáo dục này đạt hiệu quả cao trong các trường ĐH như trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII đã khẳng định: “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; đảm bảo thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện” [57, tr.232]... Chuyển nhanh, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức, kinh nghiệm sang phát triển toàn diện về cả tri thức, năng lực thực tiễn và nâng cao phẩm chất người học; phương pháp giáo dục chuyển từ học chủ yếu trên lớp (giảng đường) sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến qua internet, qua các nền tảng trực tuyến, các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa.. đẩy mạnh hiệu quả của nghiên cứu khoa học trong sinh viên; giáo dục nhà trường kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội [60].

Mục tiêu của đào tạo trong giai đoạn hiện nay là đào tạo con người mới có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân và xã hội; có ngoại ngữ, có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, nắm bắt công nghệ thông tin, công nghệ số, có tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu) [57, tr.232-233].

Từ đó, “tập trung khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, niềm tự hào, ý chí tự cường, lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội và khát vọng phát triển đất nước” đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ “giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực QP-AN”; “kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước” [57, tr.47-48]

Đối với Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo quản lý. Sự nhận thức sâu sắc về vai trò vị trí của hoạt động ý thức BVCQBĐ cho SVVN của các chủ thể này phải được thể hiện ở việc:

- Quán triệt những chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục về vấn đề BVCQBĐ vào công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên trong Nhà trường

- Lên kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, giám sát kiểm tra và xử lý kết quả của hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục ý thức BVCQBĐ nói riêng trong Nhà trường.

- Chỉ đạo và giám sát các chủ thể giáo dục khác trong nhà trường thực hiện quá trình giáo dục, đặc biệt là giám sát tính chính xác của việc truyền đạt đến từng sinh viên những quy định của Nhà trường về mục đích, nội dung giáo dục, về tiêu chuẩn đánh giá...

Để làm được điều đó, Đảng ủy, Ban giám hiệu cần thống nhất và đưa nội dung, chương trình giáo dục vào trong nội dung kế hoạch năm học một cách cụ thể. Bên cạnh đó, nhà trường cần kịp thời biểu dương các tập thể hoặc cá nhân

giảng viên và sinh viên có thành tích xuất sắc trong việc giáo dục, học tập, rèn luyện để tạo động lực cho SVVN chủ động tham gia học tập, nghiên cứu.

Nhà trường cũng cần xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong hoạt động giáo dục. Coi việc quán triệt và thực hiện công tác giáo dục ý thức BVTQ nói chung, giáo dục ý thức BVCQBĐ nói riêng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của gia đình, nhà trường và toàn xã hội.

Đối với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc quán triệt và thực hiện giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của công tác Đoàn, Hội. Thông qua các phong trào này làm cho SVVN nhận thức rõ tinh thần yêu nước, ý thức BVCQBĐ là một nội dung quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng, đấu tranh tư tưởng, nhằm xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người mới XHCN và xây dựng gia đình văn hoá mới.

Đối với giảng viên, là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên trong các trường ĐH, sự nhận thức của giảng viên về cần thiết của hoạt động này sẽ làm cho họ tích cực, chủ động, có những sáng kiến cũng như phương pháp sáng tạo trong quá trình giáo dục. Do đó, tạo sự nhận thức về việc cần thiết giáo dục ý thức BVCQBĐ của giảng viên là một nhân tố quyết định đến chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục này trong nhà trường.

Vì vậy, *giải pháp* đối với chủ thể giáo dục này là:

Thứ nhất, giảng viên trong các trường ĐH phải coi công tác giáo dục lòng yêu nước, ý thức BVCQBĐ cho sinh viên không chỉ là nhiệm vụ về chuyên môn, mà còn phải coi đây là nhiệm vụ chính trị trong hoạt động công tác của mình.

Thứ hai, bản thân giảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đi đầu, gương mẫu trong công tác phòng chống những biểu hiện suy thoái, tiêu cực... từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân

(về năng lực công tác, về tri thức xã hội, về đạo đức, về tư tưởng, về kỹ năng...) để có thể trở thành những tấm gương sáng về nhân cách, đạo đức cho sinh viên noi theo, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: *“một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”* [93, tr.263].

Thứ ba, giảng viên phải biết lồng ghép nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ vào trong các môn học mà mình đảm nhiệm, trong các hoạt động ngoại khóa, trong quá trình giảng dạy. Đặc biệt là đối với những giảng viên giảng dạy các môn khoa học Mác- Lênin cần phải xác định rõ ràng, đúng đắn những nội dung của giáo dục ý thức BVCQBĐ cần được tăng cường giáo dục hiện nay và trong từng thời điểm cụ thể. Làm sao cho những nội dung giáo dục phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm sinh viên của từng chuyên ngành đào tạo, từng trường.

Theo tác giả, nâng cao nhận thức của các chủ thể giáo dục về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH, chính là làm cho các chủ thể giáo dục có được *ý thức và tinh thần trách nhiệm cao* trong quá trình chỉ đạo, tổ chức, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nhằm đem lại chất lượng cho hoạt động này trong các trường ĐH ở nước ta hiện nay.

3.2.2 Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam (từ phía cơ sở giáo dục)

3.2.2.1 Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên trong các trường ĐH ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua, công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN đã góp phần bồi dưỡng cho một lớp thế hệ trẻ lòng yêu quê hương đất nước, biết được giá trị của biển đảo quê hương; nêu cao tinh thần cảnh giác đấu tranh phòng, chống âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tuy nhiên, các phương pháp giáo dục thức BVCQBĐ hiện nay ở các trường ĐH vẫn còn hạn chế, bất cập như: vì nội dung giáo dục chưa được thống

nhất, thiếu cập nhật và hệ thống hóa nên việc sử dụng các phương pháp giáo dục còn dàn trải, mang nặng yếu tố kinh nghiệm chủ quan; hình thức, phương pháp giáo dục chưa đa dạng, phong phú; một bộ phận SV chỉ quan tâm phát triển kinh tế chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động chính trị - xã hội, thậm chí thờ ơ các hoạt động xã hội của địa phương, đất nước. Vì vậy trong tình hình hiện nay để làm tốt công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thì cần tăng cường triển khai, đổi mới các phương diện như:

** Về nội dung tuyên truyền, giáo dục:*

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, tạo tiền đề vững chắc cho quá trình nâng cao ý thức BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay.. Sự hình thành, phát triển ý thức BVCQBĐ cho SVVN phải bằng con đường giáo dục có tổ chức, có hệ thống. Nếu không được giáo dục thì ý thức BVCQBĐ sẽ trở thành những tri thức chấp vá, phiến diện, thiếu logic, tất yếu sẽ bị các thế lực thù địch, phản động lợi dụng kích động, chống phá.

Biển Đông nói chung, biển đảo Việt Nam nói riêng, hiện nay có tầm quan trọng đặc biệt đối với cả thế giới, các nước trong khu vực đối với sự ổn định và phát triển của mỗi quốc gia, nhất là các nước có chung đường biên giới trên Biển Đông. Việt Nam khẳng định: bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào hoạt động trong vùng biển Việt Nam đều phải có thái độ và hành vi phù hợp thể hiện sự tôn trọng với chủ quyền, quyền chủ quyền, và lợi ích quốc gia của Việt Nam. Khi ở trên lãnh thổ Việt Nam (dù là vùng đất, vùng biển, hay vùng trời) những tổ chức và cá nhân ấy đều phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế có liên quan [108].

Như vậy, nội dung tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN cần tập trung vào:

Thứ nhất, tuyên truyền, giáo dục ý thức sâu sắc về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo và quần đảo Việt Nam;

tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, là ý chí tự lực, tự cường, kiên trì, bền bỉ, sáng tạo, anh dũng bất khuất trong lao động xây dựng và chiến đấu chống ngoại xâm; tuyên truyền, giáo dục tình yêu về CQBĐ thiêng liêng của Tổ quốc - những phần lãnh hải cơ bản thiêng liêng của Tổ quốc từ “thuở hồng hoang cha ông ta xuống biển” đến ngày nay. Trong đó nổi bật là hình ảnh “tinh quân - dân như cá với nước” vững vàng nơi đầu sóng ngọn gió, ngày đêm canh giữ CQBĐ thiêng liêng của Tổ quốc.

Ví dụ: Trong quá trình giáo dục, nội dung đầu tiên trong mỗi bài giảng cần làm rõ cho SVVN hiểu ý thức về chủ quyền lãnh thổ quốc gia nói chung, CQBĐ nói riêng được hình thành từ rất sớm. Để làm được điều này người giảng viên cần vận dụng kiến thức lịch sử để làm rõ:

* *Thực chất của quá trình hình thành đất nước Việt Nam* là một quá trình lấn biển theo hai hướng: từ núi xuống (lấn biển) và ngược lại, từ hướng biển lên (biển lấn). Trong những tài liệu khảo cổ đã tìm được có nhiều hiện vật thể hiện tư duy sơ khai của người Việt cổ là nghề nông, chăn nuôi và đánh cá.

Minh chứng:

+ hình thuyền khắc trên trống đồng Đông Sơn

+ quan tài hình thuyền: được tìm thấy ở một số ngôi mộ cổ tại Hải Phòng (Tràng Kênh, Việt Khê)

* *Chủ quyền biển, đảo Tổ quốc được xác lập qua các triều đại phong kiến Việt Nam.*

- Đó là các triều đình phong kiến Việt Nam chăm lo quản lý chặt chẽ về chủ quyền biển, đảo bằng cách ở các xứ cửa biển, các đồn, các đảo... thiết lập các “Trang” (thời Lý), “Trần” (thời Trần), thời Lê (năm 1426) đặt là “Tuần Kiêm”

để quản lý khai thác và quản lý biển, thu thuế của các tàu thuyền qua lại vùng biển của ta.

- Năm 1490: với sự xuất hiện của “*Hồng Đức bản đồ*”, trong đó thể hiện rõ 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, điều này cho thấy ngay từ trước thời Lê Thánh Tông hai quần đảo này đã thuộc chủ quyền Đại Việt.

- Về đội Hoàng Sa: Theo sử sách, việc thành lập đội Hoàng Sa có từ rất sớm (nhưng không có tư liệu lưu lại), nếu muộn nhất cũng khoảng những năm 1648-1687, thời Chúa Nguyễn Phúc Tần.

Đến nửa đầu thế kỷ XIX, thông qua hoạt động của Đội Hoàng Sa, đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình xác lập và thực thi chủ quyền biển, đảo Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa một cách hòa bình và liên tục.

Năm 1803, vua Gia Long ra chỉ dụ củng cố *đội Hoàng Sa*. Việc xác lập chủ quyền biển, đảo dưới triều Nguyễn được thúc đẩy mạnh mẽ nhất vào thời vua Minh Mạng.

** Về bảo vệ chủ quyền biển, đảo:*

Trải qua hàng loạt các triều đại phong kiến độc lập, ý thức về chủ quyền lãnh thổ và vai trò của biển, đảo gắn liền với các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ biên giới, lãnh thổ Tổ quốc.

Trong lịch sử dân tộc đã diễn ra nhiều trận thủy chiến như:

- Thời Hùng Vương: các trận chiến diệt Hồ Tôn xâm phạm từ phía Nam, chống giặc Quỳnh Châu xâm lược từ phía Bắc.
- Thời Hai Bà Trưng: nổi tiếng với tài thủy chiến của quân thủy Lê Chân
- Thời Lý Nam Đế: nổi tiếng với các trận thủy chiến chặn đánh Trần Bá Tiên ở Tô Lịch, Đàm Dạ Trạch, Hồ Điển Triệt,.
- Thời Mai Thúc Loan: đánh quân Đường, vây thành Đại La
- Thời Ngô Quyền: chiến thắng quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng (938)

- Năm 981: Lê Hoàn đánh tan quân Tống ở Bạch Đằng
- Năm 1075: Lý Thường Kiệt tấn công địch ở Châu Khâm, Châu Liêm
- Năm 1077: Lý Thường Kiệt chặn đứng quân địch ngoài biển

Thời Trần, Hồ, Lê sơ đều chú trọng phát triển lực lượng quân đội mạnh và được tăng cường cả về số lượng, chất lượng và trang bị vũ khí, xây dựng được nhiều chiến thuyền.

- Năm 1288: Trần Quốc Tuấn đánh tan quân Nguyên lần thứ ba, bắt các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Lê Cỗ, buộc Thoát Hoan phải rút quân chạy trốn về nước

Trong lịch sử dân tộc, những cá nhân kiệt xuất về thủy chiến có thể kể đến như Yết Kiêu, Trần Khánh Dư, Trần Quang Khải, Dã Tượng, Trần Nhật Duật, Nguyễn Khoái...

- Từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ thứ XVIII, thủy quân Việt Nam cũng nhiều lần chiến thắng các hạm đội của chủ nghĩa tư bản như:

- + năm 1595: đánh thắng hạm đội của thực dân Tây Ban Nha
- + năm 1642 và năm 1643: đánh thắng hạm đội của Hà Lan
- + năm 1702: đánh thắng hạm đội của thực dân Anh.

- Đến thời kỳ Tây Sơn (thế kỷ XVIII), Nguyễn Huệ đã chủ trương phát triển mạnh kinh tế biển vì vậy ông đã chú trọng đến việc xây dựng được một đội thủy quân hùng mạnh. Từ đó, thủy quân Tây Sơn đã nhiều lần chiến đấu, lật đổ hai tập đoàn phong kiến lớn thời kỳ bấy giờ là nhà Nguyễn (Đàng Ngoài) và nhà Trịnh (Đàng Trong).

- Năm 1785, trước sự xâm lược của quân Xiêm La, Nguyễn Huệ đã trực tiếp chỉ huy thủy quân tiến công và chiến thắng ở Rạch Gầm - Xoài Mút.

Như vậy, việc xây dựng thủy quân và giỏi thủy chiến đã trở thành nét nổi bật trong nghệ thuật quân sự của dân tộc Việt Nam. Cùng với những chiến công oanh liệt trên đất liền, dân tộc Việt Nam cũng đã có nhiều chiến công oai hùng

trên sông trên biển, thủy quân Việt Nam có khả năng tiêu diệt cả những đạo quân lớn của giặc lợi dụng đường sông, đường biển tiến vào xâm lược nước ta.

Thứ hai, giáo dục cho SVVN những kiến thức pháp luật cơ bản liên quan đến biển đảo

Những kiến thức này bao gồm Luật Biển quốc tế và hệ thống pháp luật về biển, đảo của Nhà nước ta, kết quả thực hiện các văn bản pháp lý về biển, đảo Việt Nam đã ký kết với các nước láng giềng, các nước có liên quan... [Phụ lục 5]. Điều này làm cho SVVN hiểu rõ và nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ, giữ gìn CQBD của quê hương, góp phần giữ gìn hoà bình, hợp tác hữu nghị và phát triển giữa các quốc gia trong khu vực.

Quán triệt sâu sắc, đầy đủ các văn bản quy định, chỉ thị, quyết định, hướng dẫn của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Đảng uỷ các cấp về thực hiện BVCQBD ở địa phương. Nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khoá IX) về “*Chiến lược BVTQ trong tình hình mới*”; Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị (Khoá X); Chỉ thị 07 của Ban Bí thư (Khoá XI) về “xây dựng tỉnh (thành phố) trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong mọi tình huống”; Quan điểm, chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình theo nguyên tắc 3 không, 4 tránh, 6 K và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng nhằm thống nhất nhận thức, củng cố quyết tâm BVTQ từ sớm, từ xa... Từ đó Đại hội XIII khẳng định: BVTQ, BVCQBD trước hết cần “chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả các mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt đúng thời cơ” [57,

tr.98]. Để từ đó phát huy tối đa hiệu quả sự kết hợp sức mạnh tổng hợp của đất nước với sức mạnh thời đại; nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực (kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục...) đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và BVTQ trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, cần bồi dưỡng, cập nhật hệ thống kiến thức cơ bản về pháp luật, kiến thức quản lý nhà nước về chủ quyền biển đảo [Phụ lục 6]. Hiểu rõ việc phân định biên giới trên biển thông qua đàm phán, thỏa thuận với các nước có chung đường biên giới trên Biển Đông để tạo sự gắn bó, xây dựng lòng tin giữa nhân dân ta với các nước trong khu vực Biển Đông. Làm cho SVVN thay đổi tư duy, nhận thức về lãnh thổ của đất nước không chỉ giới hạn là một dải “từ Mũi Cà Mau đến địa đầu Móng Cái”, mà còn bao gồm cả vùng trời, vùng biển, đáy biển rộng lớn; đồng thời là biện pháp quan trọng để vô hiệu hóa âm mưu độc chiếm Biển Đông và ngăn chặn tham vọng bành trướng của một số quốc gia như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Một mảnh đất, một ngọn suối, một rừng cây, một đảo nhỏ nơi biên giới, vùng biển là chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, ta phải kiên quyết bảo vệ” [95].

Thứ ba, tập trung làm rõ cho SVVN hiểu quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là kiên trì giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, những cam kết giữa các nước ASEAN với Trung Quốc trong bản Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); thúc đẩy việc hoàn thiện, sớm đạt được thỏa thuận thống nhất về Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC).

Mặt khác, chúng ta cần tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, kiên quyết đấu tranh với các hành động vi phạm chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc. Cùng với đó, các cấp, các ngành cần tập trung nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân, nhất là với lực lượng thường xuyên hoạt động trên biển đảo về pháp luật, chủ quyền vùng biển Việt Nam và yêu cầu, nhiệm vụ kết hợp giữa

đẩy mạnh phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng - an ninh trên biển; thống nhất nhận thức về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận quốc phòng - an ninh trên biển đảo; ý thức giữ gìn môi trường biển,...

Trong quan hệ hợp tác quốc tế, cần tranh thủ các hội nghị, diễn đàn quốc tế để tiếp tục tuyên truyền cho các nước trên thế giới và khu vực hiểu rõ quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng; tăng cường xây dựng lòng tin chiến lược, củng cố hòa bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Trước âm mưu, thủ đoạn chống phá và những luận điệu kích động, xuyên tạc của các thế lực thù địch, công tác tuyên truyền, giáo dục còn phải chú trọng định hướng tư tưởng và hành động của nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, để mọi người hiểu rõ, hiểu đúng quan điểm, chủ trương của Đảng đối với những vấn đề tồn tại trên khu vực Biển Đông, tránh các hoạt động tụ tập đông người, biểu tình gây mất trật tự xã hội...

Thứ tư, tăng cường hiệu quả công tác giáo dục truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc và giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cho SVVN.

Với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. SVVN bên cạnh những cơ hội lớn để phát triển năng lực và nâng cao giá trị bản thân, nhưng đồng thời cũng đang đứng trước những thử thách mới đó là trình độ nhận thức của một số cá nhân chưa theo kịp với xu hướng phát triển của thời đại, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi cách hòng lôi kéo, tha hóa thế hệ trẻ mà trước hết là tha hóa về đạo đức, lối sống. Vì vậy, chúng ta cần phải đẩy mạnh công tác giáo dục và tổ chức tốt các hoạt động phong trào thi đua của tuổi trẻ; qua đó góp phần xây dựng cho thế hệ trẻ sống có văn hóa, giàu lòng nhân ái.

Truyền thống dân tộc là nơi hội tụ những giá trị tiến bộ mà dân tộc sáng tạo xây dựng và vun đắp, những giá trị ấy được kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo thành cốt cách và bản sắc của dân tộc và của mỗi con người. Hiểu biết sâu sắc truyền thống văn hóa dân tộc, SVVN sẽ có cơ sở để trau dồi, tu dưỡng, rèn luyện những giá trị đạo đức cách mạng cho bản thân mình. Chính vì thế SVVN muốn phát triển nhân cách phải thường xuyên được tiếp nhận giáo dục hoặc tự giáo dục theo những chuẩn mực truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, làm cho truyền thống đó thấm sâu vào từng cá nhân từ đó tạo động lực tinh thần cho bản thân phấn đấu, phát huy hơn nữa lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, tự hào với truyền thống đạo đức dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh đó, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SVVN cũng có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi lẽ họ là những người nắm giữ tương lai của đất nước, tri thức tiên bộ của xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình giáo dục cần phải tạo lập cho sinh viên tinh thần tự giác, tự nguyện có trách nhiệm cao, cần cù tận tụy, thật thà, dũng cảm trong công tác, chiến đấu; sẵn sàng hy sinh, cống hiến mọi sức lực và trí tuệ cho nhân dân, cho Tổ quốc; có sự tự ý thức sự cống hiến đó là danh dự, là hạnh phúc của mỗi công dân chứ không phải do ép buộc.

Thứ năm, để nâng cao chất lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong giai đoạn hiện nay, cần gắn nội dung giáo dục với việc nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong cuộc sống:

Từ điển tiếng Việt định nghĩa: Trách nhiệm là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả [104, tr.1020]. Từ định nghĩa trên, trách nhiệm được hiểu là sự tự ý thức của mỗi cá nhân về việc mình cần phải hoàn thành mà không cần đến người khác nhắc nhở, hay bắt buộc phải làm. Đồng thời đó cũng là khả năng ra quyết định và khả năng gánh vác kết quả (dù tốt hay xấu) về những quyết định đó.

Như vậy, trong giai đoạn phát triển KT-XH theo hướng CNH, HĐH ngày nay, hơn bao giờ hết cần giáo dục cho SVVN hiểu rõ:

Trách nhiệm đối với bản thân: được hiểu là vì chính bản thân mình mà nỗ lực vươn lên, hướng tới những điều tốt đẹp, hiểu được giá trị của chính bản thân mình từ đó hoàn thiện bản thân. Hay nói cách khác đây chính là những giá trị nhân cách, đạo đức mà mỗi cá nhân, mỗi người SVVN cần phải đạt được. Bởi nếu không có trách nhiệm với chính bản thân mình, không yêu thương chính mình, không mù quáng hi sinh giá trị bản thân vì những điều không đáng.. thì cũng không thể có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Giáo dục trách nhiệm với bản thân cho SVVN cần phải làm cho các em hiểu thế nào là yêu thương bản thân đúng cách như: về sức khỏe, yêu thương bản thân là không thức khuya, ăn uống nghỉ ngơi hợp lý, khoa học, không bỏ bữa; không đuổi theo những thú vui vô bổ...

Giáo dục trách nhiệm với bản thân là làm cho SVVN hiểu và tin vào năng lực của chính mình; biết vượt lên những khó khăn để học tập đạt kết quả cao nhất; dám nghĩ, dám nói và dám làm; biết đặt ra mục tiêu và kiên trì hoàn thành mục tiêu trong cuộc sống; biết trân trọng những gì mà mình đang có. Xét đến cùng, sống có trách nhiệm đối với bản thân được biểu hiện ở suy nghĩ và hành vi của chính bản thân SVVN của mình: nếu nhận thức đúng, biết sai, biết sửa, biết rút kinh nghiệm thì việc xấu cũng có thể trở nên tốt, còn nếu suy nghĩ mang tính nguy biệ, che đậy nó sẽ trở nên xấu, ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của mỗi cá nhân.

Trách nhiệm đối với gia đình:

Gia đình môi trường đầu tiên hình thành và hoàn thiện nhân cách cho SVVN. Đối với bố mẹ, niềm hạnh phúc lớn lao nhất là nhìn thấy con cái lớn lên vui vẻ, bình an và trưởng thành, lập thân, lập nghiệp. Tuy nhiên, con đường dài của sự trưởng thành không phải lúc nào cũng trải đầy hoa, không phải lúc

nào cũng có sự nâng đỡ của bố mẹ. Có những khi mệt mỏi, vấp ngã thì gia đình là nơi tốt nhất để mỗi chúng ta tìm về. Đây là nơi chúng ta nhận được tình yêu thương mà không cần bất cứ điều kiện gì. Chính vì vậy, muốn giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN theo hướng gắn trách nhiệm của họ đối với gia đình nghĩa là phải giáo dục cho họ tinh thần trách nhiệm yêu lao động chứ không phải là hưởng thụ; sống chân thành vui vẻ với gia đình, dành thời gian gắn kết và thời gian chăm sóc gia đình và phải có lòng biết ơn, trách nhiệm đối với tình cảm tinh thần, vật chất mà cha mẹ dành cho mình.

Trách nhiệm đối với đất nước:

Khi SVVN tự hoàn thiện và hiểu được trách nhiệm đối với bản thân, đối với gia đình thì đồng thời lúc đó SVVN sẽ thấy trách nhiệm của mình đối với xã hội, với Tổ quốc. Bởi trách nhiệm đối với đất nước không chỉ là hoàn thiện đạo đức, nhân cách của mỗi con người mà nó còn là tư tưởng, chuẩn mực đạo đức của toàn dân tộc Việt Nam. Giáo dục ý thức BVTQ, BVCQBĐ theo hướng gắn trách nhiệm của sinh viên đối với đất nước là làm sao cho SVVN thấy được tầm quan trọng của ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; có lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc; nỗ lực học tập chiếm lĩnh tri thức, làm chủ khoa học công nghệ; nâng cao tinh thần cảnh giác, chống lại những luận điệu lôi kéo, xuyên tạc...

** Về phương pháp, hình thức tuyên truyền:*

Muốn nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thì phải sử dụng đa dạng, phong phú các hình thức, phương pháp tuyên truyền, đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa tiến hành thường xuyên với tuyên truyền theo chuyên đề, sự kiện; tuyên truyền phù hợp với từng thời điểm và sát với đối tượng tuyên truyền, giáo dục.

Thứ nhất, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức lớp học.

Hiện nay trong các trường ĐH đa số sử dụng chương trình học theo tín

chỉ, lấy hiệu quả học tập và năng lực người học làm trung tâm. Chính vì vậy để có thể áp dụng các phương pháp giảng dạy mới trong học tập thì số lượng sinh viên bố trí trong một lớp học chỉ nên từ 30 đến 50 sinh viên (tối đa là 70 sinh viên). Thời lượng tối ưu của một buổi giảng là 3 tiết, sẽ giúp cho SVVN tránh được tâm trạng căng thẳng, mệt mỏi, nâng cao hiệu quả trong quá trình học tập.

Thứ hai, sử dụng tranh ảnh lịch, bản đồ lịch sử, lược đồ lịch sử nhằm tăng hiệu quả giáo dục học sinh ý thức về chủ quyền biển, đảo.

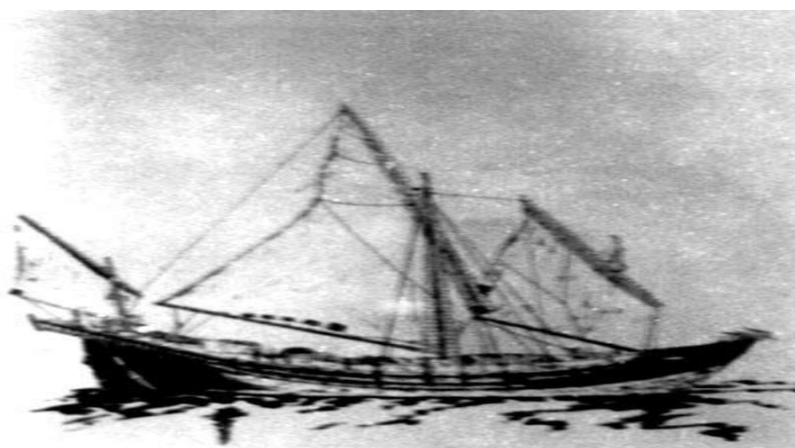
Ví dụ: Để giáo dục cho SVVN lòng biết ơn đối với những người lính biển, những người tham gia Đội Hoàng Sa đã làm nhiệm vụ BVCQBĐ, giảng viên minh họa bằng những bức ảnh lịch sử có giá trị kết hợp với lời giảng truyền cảm.

Khi nói về cuộc sống và những khó khăn của những người lính trong Đội Hoàng Sa đã làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh hải dưới triều Nguyễn, bên cạnh việc trình chiếu hình ảnh, người giảng viên có thể kể những câu chuyện có thật về Đội Hoàng sa như:

Để làm nhiệm vụ, nhiều người lính trong đội Hoàng Sa đã hi sinh. Vì vậy thường là trước khi lên đường vào khoảng tháng 2 Âm lịch làm lễ gọi là “*Lễ Khao lễ tế lính Hoàng Sa*” và tên của nhiều người trong các đội Hoàng Sa được lấy đặt tên cho các hòn đảo như: đảo Hữu Nhật (mang tên cụ Phạm Hữu Nhật), đảo Quang Ảnh (mang tên cụ Phạm Quang Ảnh), đảo Duy Mộng (cụ Lê Duy Mộng)...



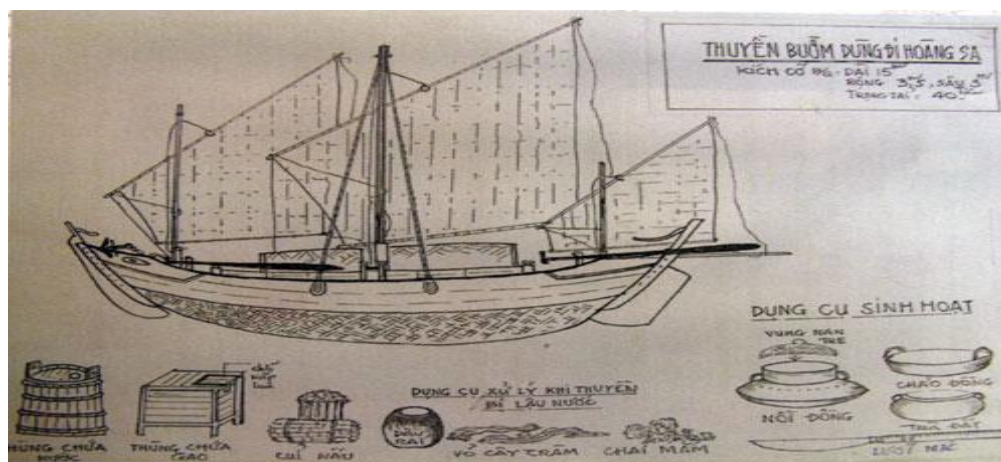
Tem hình “Đội Hoàng Sa” thế kỷ XVII - XVIII [Phụ lục 5]



Thuyền của đội Hoàng Sa, thế kỷ XVII-XVIII. [Phụ lục 5]

Hiện nay, hằng năm cứ đến ngày 19, 19, 20 tháng 3 âm lịch, người dân trên đảo Lí Sơn vẫn tổ chức lễ tế chiến sĩ tử trận cho những người lính - những người anh hùng đã hi sinh thân mình vì chủ quyền đất nước trên Biển Đông tại Âm Linh Tự (một di tích được xếp hạng quốc gia). Lễ hội này đã tồn tại hơn 400 năm lịch sử, chính vì thế lễ hội “thế lính” không chỉ mang ý nghĩa phục vụ công tác nghiên

cứu văn hóa cộng đồng cư dân ven biển Việt Nam, du lịch mà còn là một cách để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với Hoàng Sa và Trường Sa.



Bản vẽ thuyền buồm dùng đi Hoàng Sa [Phụ lục 5]

Qua những bức ảnh trên không chỉ góp phần khắc sâu kiến thức cho SVVN các sự kiện lịch sử về việc xác lập chủ quyền, thực thi chủ quyền của các chúa Nguyễn mà còn nhấn mạnh sự vất vả, hy sinh của “Đội Hoàng Sa” khi họ không chỉ làm nhiệm vụ khai thác kinh tế biển mà còn kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ chủ quyền trên biển.

Như vậy, từ việc khơi gợi cho SVVN lòng khâm phục đối với những người lính Đội Hoàng Sa xưa người giảng viên có thể dẫn dắt SVVN hiểu những khó khăn, vất vả và nguy cơ, áp lực mà những người lính Hoàng Sa, Trường Sa ngày nay đang canh giữ biển, trời ở nơi đầu ngọn sóng.

Từ lòng khâm phục đối với những người lính Trường Sa, Hoàng Sa, các em ý thức được trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, CQBD của Tổ quốc.

Thứ ba, Đổi mới phương pháp Seminnar, tổ chức báo cáo chuyên đề về BVCQBD Việt Nam, tổ chức các cuộc thi nhỏ về biển, đảo ... khiến cho sinh viên phải chủ động nghiên cứu tài liệu, nêu cảm nhận và suy nghĩ trong giờ

học, từ đó giúp sinh viên huy động tối đa năng lực tích cực tư duy của mình trong trong học tập.

Ví dụ:

KẾ HOẠCH

Chủ đề “Biển, đảo trong trái tim em”

Thời gian chuẩn bị 1 tuần

Thời gian tổ chức 3 tiết (tín chỉ)

Hình thức hoạt động Thi trắc nghiệm và báo cáo chuyên đề

Thành phần tham gia

- Chia thành các đội 5-10 sinh viên (dựa trên số lượng sinh viên tự nguyện đăng ký)
- Các đội nộp danh sách thành viên ngay sau khi thành lập đội

Cơ cấu phần thưởng

- 01 Đội giải nhất: + 2 điểm quá trình
- 01 Đội giải nhì: + 1 điểm quá trình
- Giải khuyến khích: + 0,5 điểm quá trình

Cơ cấu câu hỏi

A. Phần trắc nghiệm: 20-30 câu

B. Nội dung câu hỏi chuyên đề

1. Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền lãnh thổ trên biển, đảo và quần đảo Việt Nam ?

2. Vai trò, vị trí của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ?

3. Giá trị, tiềm năng của biển đảo đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước

4. Ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ để góp phần xây dựng và bảo vệ biển, đảo Tổ quốc.

Mục tiêu của hoạt động

Về kiến thức:

- SVVN nắm được các kiến thức cơ bản về biển và đảo, quần đảo Việt Nam.
- Nhận biết được về vị trí, giới hạn tự nhiên, đặc biệt là vai trò chiến lược và tiềm năng kinh tế của biển đảo đối với KT-XH, chính trị Việt Nam
- Nhận biết được những căn cứ khẳng định chủ quyền biển, đảo của nước ta
- Nhận biết được tên và vị trí của một số quần đảo và đảo trên vùng biển Tổ quốc.

Về kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin trong tài liệu, báo chí, Internet, ngoài thực tế để bổ sung và làm giàu tri thức về biển, đảo.
- Bồi dưỡng kỹ năng thuyết trình, khả năng tuyên truyền...

Về thái độ:

- Phát huy lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho SVVN
- Có thái độ trân trọng và yêu quý những thành quả của cha ông ta trong quá trình mở mang bờ cõi và xác lập chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, chủ quyền biển và đảo Tổ quốc.

Phân công công tác chuẩn bị:

- Phụ trách ra đề thi; giảng viên
- Phụ trách kỹ thuật vi tính, máy chiếu: cán bộ lớp
- Phụ trách cơ sở vật chất (đồng hồ tính giờ, bộ thẻ chữ cái): sinh viên tình nguyện
- Ban Giám khảo và Thư ký: giảng viên và cán bộ lớp

Diễn biến hoạt động

Phần 1: Trắc nghiệm hiểu biết về biển đảo Việt Nam

- Phần này gồm 20 - 30 câu hỏi dưới dạng trắc nghiệm.
- Giảng viên trình chiếu câu hỏi và các phương án lựa chọn; sau 5 giây học sinh lựa chọn và giờ các phương án trả lời.

Phần 2: Báo cáo chuyên đề

- Các đội (nhóm) trình bày chuyên đề đã chuẩn bị trước đó: mỗi đội tối đa 10 phút trình bày

+ Báo cáo chuyên đề cần đảm bảo tính khoa học: xây dựng được đề cương (dàn ý) báo cáo.

+ Sinh viên khi trình bày báo cáo cần chú ý: lập luận ngắn gọn, súc tích kết hợp với công nghệ thông tin để minh họa (tranh ảnh, bản đồ, lược đồ, phim tư liệu...)

Đánh giá, tổng kết

1. Giảng viên nhận xét nêu tóm lược những điểm chính mà các đội trình bày.

Sau đó giáo viên đánh giá bài báo cáo chuyên đề, rút kinh nghiệm cho từng đội

2. Thư ký tổng hợp kết quả dựa trên điểm số mà các đội đạt được qua 2 phần thi

3. Giảng viên thông báo kết quả và thực hiện cộng điểm quá trình (như đã thông báo)

+ Đổi mới phương pháp ôn luyện, kiểm tra bằng hình thức “viết bài thu hoạch”, “tiểu luận” nhằm đánh giá chất lượng giáo dục ý thức BVCQBĐ. Thực hiện việc đổi mới này cần chú ý các vấn đề sau:

Một là, để chuẩn bị cho quá trình ôn luyện, tự học của SVVN. Kết thúc các buổi học, giảng viên cần khái quát lại nội dung bài giảng, chốt lại những kiến thức cơ bản của môn học để sinh viên có thể tự lập đề cương tại nhà.

Hai là, giảng viên biên soạn lại phần đề tiểu luận và hướng dẫn viết tiểu luận cho phù hợp với đặc thù của trường mình; Ba là, khi chấm bài thu hoạch, bài tiểu luận cần có sự kiểm tra nghiêm khắc, có sử dụng hình thức kiểm soát chéo để tránh tình trạng sinh viên “thuê làm bài hộ”, “sao chép” từ mạng internet hoặc của bạn bè.

Thứ tư, tăng cường đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa như đưa sinh

viên đi tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng dân tộc, bảo tàng lịch sử, bảo tàng quân đội... Các hoạt động này phải được tiến hành thường xuyên, là yêu cầu có tính chất bắt buộc đối với sinh viên. Sau mỗi buổi ngoại khóa, yêu cầu sinh viên viết các bài thu hoạch về những cảm nhận sau buổi học, và rút ra bài học trong tương lai của mình.

Thứ năm, có kế hoạch thu hút SVVN tham gia các hoạt động thực tế cộng đồng gắn với truyền thống dân tộc như: "*Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn*", *Về nguồn*, *Chăm sóc các gia đình thương binh liệt sĩ*, *Mẹ Việt Nam anh hùng*, *Hiến máu nhân đạo*, *Tình nguyện vì môi trường*... Tham gia các hoạt động này, không chỉ nâng cao nhận thức của SVVN về ý thức trách nhiệm của mình với cộng đồng dân tộc, mà còn từng bước giúp SVVN nuôi dưỡng niềm tự hào, tự tôn dân tộc, nhân lên nhiều cái đẹp trong cuộc sống, hình thành tình cảm, ý chí và nghị lực vươn lên của SV trong xã hội.

Thứ sáu, tăng cường tuyên truyền về BVCQBD trên các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình VTV, các chương trình số như: Youtube, Facebook, TikTok, Instagram, Pinterest với những chuyên đề riêng về biển đảo và CQBD Việt Nam như chương trình "Mạch nguồn", chương trình giao lưu nghệ thuật "Biển, đảo - Trái tim Việt Nam", chương trình "Vì Trường Sa xanh" ... với những tư liệu lịch sử về tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, những tấm gương người tốt, việc tốt về đấu tranh giữ gìn chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Rút kinh nghiệm từ thực tế công tác tuyên truyền trong những năm gần đây thường chỉ "rộ" lên trong thời gian tháng 4, tháng 5 là những tháng có nhiều sự kiện lớn của đất nước. Các tổ chức Đoàn, Hội cần tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động có ý nghĩa thiết thực như: "Tuần lễ Biển và hải đảo", tổ chức các triển lãm ảnh về biển đảo; khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi "Sinh viên với biển đảo của Tổ quốc", "Em yêu biển đảo quê hương", "Tổ quốc trong trái tim tôi", "Hành trình về nguồn", "Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam"...

Qua đó, tiếp tục bồi dưỡng lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức tôn trọng pháp luật, sống có trách nhiệm, củng cố niềm tin sắt son của thế hệ trẻ đối với sự lãnh đạo của Đảng và con đường đổi mới của đất nước.

Ví dụ: Chương trình tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam với hình thức triển lãm sách, tranh ảnh về biển, đảo Việt Nam tại Đại học Thái Nguyên (tháng 4/2023) do Phòng An ninh đối ngoại, Công an tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Đại học Thái Nguyên tổ chức



Hình ảnh sinh viên trường ĐH Thái Nguyên tham dự Chương trình Tuyên truyền về chủ quyền biển đảo

(Nguồn: website Quỹ vì biển đảo Việt Nam)

Đối với người Việt Nam thì một tấm gương sống, một tấm gương điển hình còn có giá trị hơn một trăm lời nói hay, một vạn bài diễn văn tuyên truyền. Chính vì thế, lấy gương người tốt trong quần chúng nhân dân và phong trào bảo vệ chủ quyền biển đảo để giáo dục ý thức là phương pháp rất sinh động và có sức thuyết phục lớn. Từ ngàn xưa đến nay, ở vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa luôn được ngư dân vươn buồm ra khơi đánh bắt thủy sản. Đời trước nối tiếp đời sau, họ coi Hoàng Sa và Trường Sa chính là nhà, bầu trời Tổ quốc là mái nhà che chở cá nhân và gia đình họ. Chính vì vậy có rất nhiều tấm gương sáng trong bầm biển, bầm ngư trường Tổ quốc cho dù nhiều lần bị đâm thủng tàu, bị bắt giam nhưng khi trở về

họ lại tiếp tục vươn khơi bám biển.

Điển hình như một số tấm gương sáng như:

Ngư dân Lê Khuân (ngụ xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, Quảng Ngãi) - hiện là Phó Chủ tịch Nghiệp đoàn nghề cá xã An Vĩnh, ông tham gia đánh bắt trên ngư trường Hoàng Sa và Trường Sa suốt cả cuộc đời. Ông nghỉ đi biển từ năm 2012 nhưng vẫn tiếp tục cần mẫn kết nối thông tin từ Lý Sơn ra Hoàng Sa và Trường Sa với tình thần “không thù lao”.

Hình ảnh *ngư dân Bùi Văn Phải* (ngụ xã An Hải, Lý Sơn - thuyền trưởng tàu cá QNg 96382-TS) bảo vệ lá cờ Tổ quốc khi bị phía Trung Quốc bắn cháy cabin, đã và đang là hình ảnh sống động, thôi thúc thế hệ trẻ yêu quý biển đảo khắp mọi miền đất nước Việt Nam.

Ngư dân Lê Đủ (ngụ xã An Hải, Lý Sơn) được tuyên dương và nhận Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong việc cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển. Đặc biệt, ngư dân Lê Đủ đã cứu hộ tàu cá cùng nhiều lao động trên tàu ông Nguyễn Hạnh (ngụ thôn Tây, xã An Vĩnh, Lý Sơn) khi bị chết máy ở quần đảo Trường Sa về đến đảo Lý Sơn an toàn.

Bên cạnh đó, các lực lượng chính trị cũng như các tổ chức xã hội khác cần có biện pháp thiết thực đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực để người dân nói chung, SSVN nói riêng có điều kiện ra thăm đảo, giúp mọi người có hiểu biết sâu sắc hơn, cụ thể hơn về biển đảo của Tổ quốc; trên cơ sở đó, trở thành những tuyên truyền viên miệng, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của toàn dân đối với CQBD Tổ quốc.

3.2.2.2 Tăng cường các điều kiện vật chất hỗ trợ hoạt động giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

Để nâng cao chất lượng giáo dục ý thức BVCQBD cho SVVN, các trường ĐH cần tăng cường đầu tư các điều kiện hỗ trợ hoạt động giáo dục như: nhà truyền thống, thư viện điện tử, phòng học công nghệ, các phương tiện, giáo cụ trực quan

(tranh ảnh, sơ đồ, phim tư liệu...) phục vụ cho giảng dạy, học tập, sinh hoạt. Đây chính là những phương tiện giúp cho giảng viên, sinh viên hoàn thành tốt công việc của mình trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ.

Để phát huy vai trò của các yếu tố về cơ sở vật chất trong hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ, các trường ĐH cần phải thực hiện các vấn đề sau:

- Xây dựng tủ sách về *Biển và đảo Việt Nam*: bao gồm các văn bản pháp luật, các công trình nghiên cứu về biển và đảo Việt Nam, những tác phẩm minh chứng về chủ quyền của Hoàng Sa - Trường Sa trong lịch sử và quan điểm của các học giả trong và ngoài nước... Với tủ sách về *Biển và đảo Việt Nam*, sẽ là nguồn tài liệu chính thống, phong phú giúp cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên có nguồn tài liệu đúng chuẩn, đảm bảo theo đúng định hướng chủ trương, đường lối của Đảng; tránh tình trạng hiểu sai, hiểu lệch do ấn phẩm ‘lậu’.

- Xây dựng các phòng học công nghệ cao với các bị hỗ trợ hoạt động dạy và học như: máy tính được kết nối Internet, các phần mềm giảng dạy trực tuyến, phần mềm giảng viên, máy chiếu Projecter, công chuyển đổi DVD, hệ thống âm thanh, ánh sáng... nhằm giúp giảng viên từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy như có thể trình chiếu những đoạn phim ngắn về truyền thống lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc, sự kiện Gạc Ma, video của chương trình Mạch nguồn, một số các video thời sự liên quan đến nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ ở từng thời kỳ lịch sử...

- Xây dựng các khẩu hiệu tuyên truyền về BVTQ, BVCQBĐ trong nhà trường. Những khẩu hiệu tuyên truyền này thiết kế đơn giản, dễ nhớ; được treo ở những nơi tập trung đông hoặc ở nơi SVVN thường xuyên qua lại như ở sân trường, trên tường các phòng chức năng, ở trong lớp học... Sự xuất hiện của các khẩu hiệu này sẽ hàng ngày tác động đến SVVN và dần tạo thành tình cảm, mục tiêu, phương châm sống trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên.

- Phát huy vai trò của Phòng truyền thống trong việc giáo dục ý thức

BVCQBĐ cho SVVN. Phòng truyền thống trong các trường ĐH có vai trò quan trọng trong việc giáo dục truyền thống nói chung và giáo dục ý thức BVCQBĐ nói riêng thông qua hoạt động nghiên cứu và giáo dục bằng hiện vật, hình ảnh, tư liệu. Đó là con đường đi từ nhận thức đến kiểm nghiệm chân lý, từ đó tác động và hình thành, hoàn thiện nhân cách sinh viên. Với những hình ảnh và hiện vật được trưng bày trong phòng truyền thống, SVVN có thể nhận thức một cách tổng thể về quá trình hình thành và phát triển hào hùng của đất nước.

- Bên cạnh đó, việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường cũng là một vấn đề cấp bách cần được quan tâm. Bởi khi được giáo dục trong môi trường văn hóa thấm đượm tính nhân văn, SVVN không những hình thành được những hành vi chuẩn mực mà quan trọng hơn là ẩn chứa trong tiềm thức SVVN là niềm tin sâu sắc vào những điều tốt đẹp của dân tộc từ đó, khao khát cuộc sống hướng thiện và sống có trách nhiệm với bản thân và xã hội; tránh được những tư tưởng lôi kéo, bẻ lái, sa vào lối sống tranh đoạt, vị kỷ.

3.2.2.3 Tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái về chủ quyền biển đảo Việt Nam và thực hiện chính sách khuyến khích tạo động lực cho sinh viên Việt Nam nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo

Theo số liệu thống kê của Cục An toàn thông tin 5 năm gần đây (2018, 2019, 2020, 2021, 2022) Việt Nam thường xuyên thuộc top đầu những quốc gia bị tấn công mạng nhiều nhất với trên 5.000 trang web, blog, tài khoản MXH thường xuyên đăng tải thông tin chống Đảng, Nhà nước; 2.700 trang web lừa đảo trực tuyến đã được phát hiện, điều phối, ngăn chặn, xử lý. Các thế lực thù địch đã sử dụng khoảng 50 đài phát thanh truyền hình, gần 400 tờ báo, tạp chí tiếng Việt (trong đó có 10 tờ nội dung rất phản động, 66 nhà xuất bản để tuyên truyền, chống phá cách mạng Việt Nam); triệt để lợi dụng các phương tiện

thông tin đại chúng để tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, nhằm làm lung lạc niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào XHCN.

Chính vì vậy, để chuẩn bị cho hoạt động giáo dục, trước tiên các chủ thể giáo dục cần cung cấp SVVN “*bức tranh*” đầy đủ, sắc nét về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và tình hình thế giới, khu vực; những thành tựu và hạn chế của sự nghiệp đổi mới đất nước (về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân chủ XHCN, công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hệ thống chính trị, v.v..). Không tô hồng - không bóp méo - không bênh vực - khôn phản ánh sai sự thật về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước.

Trên cơ sở những thông tin được cung cấp, các chủ thể giáo dục cần tiến hành định hướng nhận thức cho SVVN bằng cách sử dụng những thành tựu trong quá trình ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế - xã hội như những luận cứ để khẳng định tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tính đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; sự đúng đắn, sáng suốt trong quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.. Từ đó góp phần củng cố, phát triển tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí BVCQBĐ. Đồng thời, chủ thể giáo dục cũng cần làm rõ những hạn chế, những vấn đề còn tồn tại về kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước để giáo dục cho SVVN sự thấy được sự quanh co, phức tạp, khó khăn, lâu dài của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay; phân tích và chỉ cho SVVN thấy được những tồn tại, yếu kém còn tồn tại trong xã hội.. để nâng cao trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ của SVVN.

Bên cạnh đó, cần giáo dục cho SVVN thấy được những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường đến các lĩnh vực khác như sự suy thoái về tư tưởng

chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và chính bản thân SVVN.

Từ đó, tập trung tuyên truyền, giáo dục những vấn đề mới của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước, những vấn đề dễ bị kẻ thù lợi dụng xuyên tạc, chống phá để định hướng nhận thức và hành vi của SVVN trong thời đại mới. Để làm được điều này, theo tác giả, các chủ thể giáo dục cần chú ý các giải pháp như:

Tích cực, chủ động đấu tranh phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái về chủ quyền biển, đảo Việt Nam

Thứ nhất, SVVN cần nhận thức đúng đối tượng của quá trình đấu tranh phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái thù địch, chống phá cách mạng.

Về các thế lực thù địch: trên thực tế khái niệm về “thế lực thù địch” ngày nay không chỉ bó hẹp trong một loại đối tượng cụ thể nào mà bao gồm tất cả những tổ chức, cá nhân nào có thái độ, hành vi, hoạt động chống lại các quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước XHCN Việt Nam; xâm phạm đến lợi ích của nhân dân; xâm phạm an ninh quốc gia; xâm phạm các quyền của công dân... tất cả những cá nhân hoặc tổ chức nào thực hiện các hoạt động đó đều được coi là thế lực thù địch của Việt Nam.

Về lực lượng và quan điểm của các tổ chức cơ hội chính trị: Những người cơ hội chính trị không có quan điểm chính trị rõ ràng, luôn ngả nghiêng, dao động, không kiên định tư tưởng và nhận thức. Bên cạnh đó, cơ hội chính trị còn được hiểu là những người không tự phê bình, không phê bình; những người có hiểu biết, có tri thức và trình độ nhưng thiếu dũng khí phê phán, thấy ai sai - ai đúng cũng mặc kệ, bo bo giữ mình...

Về bộ phận tiêu cực trong xã hội: đó là một bộ phận nhỏ các cá nhân trong xã hội mặc dù có địa vị xã hội cụ thể, có tri thức, có nghề nghiệp (thậm chí có chức, có quyền) nhưng vì chủ nghĩa cá nhân, vì những lợi ích vật chất trước mắt

mà họ bị các thế lực thù địch lôi kéo, đe dọa. Đây là bộ phận xã hội tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất trật tự và ổn định xã hội, thậm chí còn trở thành “tay trong” gây mất ổn định, dẫn đến hoạt động bạo loạn, lật đổ.

Thứ hai, cần giáo dục cho SVVN nhận thức đúng về các quan điểm, hành vi sai trái trong ý thức BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay

Về quan điểm sai trái: Bao gồm toàn bộ hệ thống quan điểm, tư tưởng, nhận thức sai trái như: sa vào chủ nghĩa dân tộc (chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi), hoặc là tâm lý tự ti dân tộc, mặc cảm dân tộc... trong quan hệ quốc tế, trong giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng XHCN nói chung, trong giải quyết tranh chấp về CQBĐ nói riêng.

Về hành vi sai trái: Đó là tất cả những hành vi lợi dụng sự kém hiểu biết hoặc thờ ơ của một bộ phận SVVN để kích động biểu tình trái pháp luật; đó là những hành vi công kích đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta; là những hành vi xuyên tạc, phản đối khi Việt Nam giải quyết các vấn đề tranh chấp CQBĐ theo đúng chủ trương và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước; là những hành động cố ý thổi phồng những biểu hiện tiêu cực trong xã hội để từ đó đưa ra các luận điệu đòi thay đổi thể chế chính trị, yêu cầu phải thực hiện “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập” nhằm làm suy yếu và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, phủ nhận vai trò của Nhà nước XHCN.

Thứ ba, SVVN cần có nhận thức đúng, vận dụng linh hoạt các hình thức đấu tranh phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái về BVCQBĐ.

Trong quá trình đấu tranh, cần chú ý đảm bảo đủ luận chứng khoa học (cả về tư tưởng, lý luận, thực tiễn) để phê phán, vạch trần những âm mưu, thủ đoạn, những hành vi sai trái của các thế lực thù địch. Chính vì vậy tuyên truyền các nội dung BVCQBĐ cần có sự vận dụng linh hoạt các hình thức, nhạy bén trong nắm bắt thời cơ tuyên truyền, tránh tình trạng có vấn đề xảy ra mới tổ chức chuyên đề phê phán. Bên cạnh đó, cần thường xuyên kết hợp đấu tranh tuyên truyền, phê

phán với tuyên truyền theo đợt (cao điểm), nhất là vào thời điểm tổ chức các sự kiện lớn của đất nước như 30/4-1/5, 27/7, 02/09... Mặt khác, cũng cần chú ý đến việc ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ gây mất ổn định, bùng phát xung đột vũ trang, giải quyết vấn đề dân tộc trong tranh chấp CQBĐ bởi đây là một hình thức đấu tranh rất hiệu quả trong phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái về BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay.

Giải quyết và thực hiện đúng đắn các lợi ích cơ bản, tạo động lực cho SVVN nâng cao ý thức dân tộc trong BVCQBĐ

Trong giải pháp này cần chú ý những nội dung cơ bản sau:

Một là, giải quyết và đảm bảo các quyền lợi của SVVN vừa nhằm đảm bảo công bằng xã hội, vừa phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Công bằng xã hội được thể hiện cả trong xem xét, giải quyết mối quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa học tập với đảm bảo việc làm...

Hai là, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần và thiện các chính sách đãi ngộ đối với SVVN có thái độ tích cực trong nhiệm vụ BVCQBĐ. Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ, chính sách không chỉ là sự tôn vinh của xã hội, của nhà trường đối với SVVN mà còn thể hiện sự công bằng xã hội, kích thích, giáo dục, động viên cổ vũ SVVN tích cực hơn nữa tham gia vào hoạt động BVCQBĐ. Để đảm bảo điều này, cần quan tâm, theo dõi và kịp thời phát hiện khen thưởng biểu dương các đoàn viên, thanh niên có thành tích xuất sắc trong tuyên truyền và thực hiện nhiệm vụ BVCQBĐ. Đây là hoạt động tôn vinh để nhân cả nước hiểu rõ, tạo lên những tình cảm, yêu mến và niềm tin vào vai trò của SVVN, vào sức mạnh dân tộc trong nhiệm vụ bảo vệ vững chắc CQBĐ, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

3.2.2.4 Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà trường, các phòng ban, tổ chức Đoàn thể đối với công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

Kiểm tra, giám sát là chức năng quan trọng trong quản lý giáo dục, đào tạo của các trường ĐH. Đồng thời đây cũng là công cụ sắc bén nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục, đào tạo nói chung, công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN nói riêng. Việc kiểm tra, xem xét, đánh giá, giám sát các hoạt động giáo dục; các điều kiện dạy và học; các nội dung, phương pháp dạy và học của các chủ thể, đối tượng giáo dục trong phạm vi nhà trường; các quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động giáo dục... nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động giáo dục diễn ra theo đúng yêu cầu để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục.

Đối với Đảng ủy, Ban giám hiệu, đây là chủ thể giữ vai trò lãnh đạo, tổ chức công tác giáo dục ý thức trong nhà trường, do đó cần phải thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động giáo dục của các đơn vị, các giảng viên trong nhà trường. Mục đích của việc kiểm tra, giám sát này là xem xét các chủ thể giáo dục có nghiêm túc thực hiện, truyền đạt đúng và đủ những nội dung cần thiết về BVCQBĐ theo sự chỉ đạo và các chủ trương của Nhà trường; xem xét những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề còn tồn tại trong việc thực hiện quá trình giáo dục... để từ đó có những điều chỉnh kịp thời. Đồng thời có những biện pháp hợp lý để xử lý những sai phạm và kịp thời biểu dương những cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động giáo dục ý thức BVTQ, ý thức BVCQBĐ trong Nhà trường.

Để việc kiểm tra, giám sát của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường phát huy hiệu quả thì các hoạt động kiểm tra, giám sát cần phải được tiến hành thường xuyên, liên tục; kế hoạch kiểm tra phải được xây dựng phù hợp với điều kiện, yêu cầu của nhà trường trong mỗi giai đoạn, công tác kiểm tra phải được tiến hành toàn diện,

đồng bộ có sự phối hợp của các phòng, Ban trong nhà trường. Đặc biệt, trong công tác kiểm tra, giám sát, phòng Quản lý đào tạo và phòng Quản lý chất lượng và khảo thí cần phát huy vai trò của mình trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo, chương trình môn học các môn Lý luận chính trị, các khoa chuyên ngành... có đảm bảo đủ các yêu cầu của hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong nhà trường. Bên cạnh đó, các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong nhà trường cũng cần phát huy vai trò kiểm tra, giám sát việc rèn luyện, làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của sinh viên thông qua các hoạt động thực tiễn, trong sinh hoạt đoàn thể.

Đối với giảng viên, những chủ thể trực tiếp tham gia vào hoạt động giáo dục, có thể thấy rằng chất lượng hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN phần lớn phụ thuộc vào sự gương mẫu, tự giác của của giảng viên trong hoạt động giáo dục. Thời gian gần đây, nhằm phát huy sự giám sát của các phòng, ban chức năng trong nhà trường đối với giảng viên, phát huy sự giám sát của sinh viên đối với giảng viên.. ở nhiều trường ĐH đã tiến hành khảo sát đánh giá giảng viên thông qua phiếu nhận xét online (hiển thị trong tài khoản cá nhân của SVVN và giảng viên cuối mỗi học kỳ) từ đó nắm bắt những nguyện vọng, đề xuất cũng như để đánh giá quá trình giảng dạy của giảng viên. Đây là biện pháp quan trọng để giảng viên tự nâng cao sự gương mẫu, nghiêm túc trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của mình, đồng thời cũng là biện pháp hữu hiệu trong công tác quản lý giám sát của Nhà trường đối với giảng viên, nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

3.2.3 Giải pháp tăng cường mối quan hệ, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam

Giáo dục là một hoạt động mang tính xã hội cao. Do đó, muốn nâng cao chất lượng của hoạt động này chúng ta cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa

giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội bởi giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình, để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn.

Hiện nay, với việc thực hiện qua trình giáo dục theo hình thức tín chỉ, SVVN có cơ hội được tự lựa chọn, quyết định phương pháp học tập và linh hoạt thời gian học của chính mình. Tuy vậy điểm yếu của giáo dục tín chỉ là thiếu tính kết nối với bạn bè do SVVN không học tập và nghiên cứu theo một lớp cố định mà có thể đăng ký học theo thời gian mong muốn hoặc thậm chí học “vượt”... Thực tế cho thấy, giáo dục trong nhà trường dù có những ưu thế như cung cấp đầy đủ, cập nhật kịp thời cho SVVN những tri thức về nghề nghiệp, những xu hướng biến động về các mặt kinh tế - chính trị - văn hóa - đạo đức... nhưng thời gian giáo dục (trên lớp) thường ngắn (một buổi học thường chỉ có 3 tiết tín chỉ) vì vậy cần có sự kết hợp, thống nhất với giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội (đặc biệt là về mặt nội dung giáo dục) thì mới có thể đạt được kết quả như mong muốn.

Trong quá trình giáo dục, mỗi chủ thể giáo dục đều có những vai trò, năng riêng và mức độ tác động riêng, vì vậy tuyệt đối không được “xem nhẹ” bất kỳ một yếu tố nào bởi nếu không cân bằng được mối quan hệ giữa các chủ thể này (nhà trường - gia đình - xã hội) thì sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình giáo dục và kết quả đạt được sẽ không cao, thậm chí có thể phản tác dụng. Cụ thể:

Vai trò của gia đình:

Gia đình là nơi SVVN được sinh ra, lớn lên và là “cái nôi” hình thành nhân cách của mình. Ảnh hưởng giáo dục của gia đình đối với sinh viên là đầu tiên và sớm nhất, giáo dục gia đình mang đậm nét “cá biệt” của đời sống tự nhiên, thiết chế tình cảm dòng họ, mang tính cõi mờ và thống nhất lợi ích giữa các chủ thể giáo dục và đối tượng giáo dục. Trong thực tế, mặc dù không phải gia đình nào cũng làm tốt chức năng giáo dục của mình như nhiều gia đình cha mẹ thường xuyên bất hòa; sa vào các tệ nạn xã hội; có lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền;...đang trở thành những tấm gương xấu làm cho con cái quay

lưng với các giá trị truyền thống, đi ngược với những giá trị tốt đẹp ngàn đời của dân tộc.

Từ thực trạng trên, để gia đình hoàn thành tốt chức năng giáo dục của mình, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần có biện pháp tuyên truyền cho toàn xã hội hiểu và đánh giá đúng vị trí, chức năng và vai trò của gia đình trong quá trình giáo dục nhân cách, đạo đức cho con trẻ; đồng thời có chiến lược lâu dài, toàn diện về gia đình, nâng cao chất lượng gia đình, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến giải pháp đẩy mạnh phong trào xây dựng gia đình văn hóa trong nhân dân.

Vai trò giáo dục của nhà trường và xã hội,

Các trường DDH, HV là một tổ chức chuyên biệt của công tác giáo dục, được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và Nhà nước, nắm vững đường lối, mục tiêu đào tạo con người mới. Trong các trường ĐH luôn có đội ngũ giảng viên là những chuyên gia sư phạm có trình độ, năng lực đạo đức... đã được đào tạo có hệ thống, đã được tuyển chọn kỹ càng. Vì vậy, giáo dục trong nhà trường nhằm trang bị cho SVVN những kiến thức cơ bản, chính thống, liên tục cập nhật và cũng là nơi giáo dục đạo đức, lý tưởng sống, tạo dựng cho SVVN những ước mơ hoài bão lớn đồng thời cũng là cơ sở để SVVN biến ước mơ đó thành hiện thực.

Để hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ trong các trường ĐH đạt hiệu quả cao thì bản thân các giảng viên phải là những tấm gương mẫu mực về lòng yêu nước, về đạo đức, nhân cách để sinh viên noi theo. Đồng thời người giảng viên phải biết tìm tòi các hình thức dạy học phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của SVVN ở từng trường, từng chuyên ngành.

Việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay không thể chỉ thông qua sách vở, câu chữ mà quan trọng hơn hết phải liên kết các hình thức hoạt động truyền thống (câu lạc bộ, phong trào thi đua) với các hình thức hoạt động khác như: giao lưu văn hóa, giao lưu chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, dã ngoại,... Thông qua những hoạt động như vậy giúp SVVN hiểu thêm về nhiều vấn đề trong cuộc

sống, trong lao động và trong học tập, hiểu thêm những truyền thống nhân văn tốt đẹp của quê hương, đất nước. Từ đó, trang bị cho SVVN một thế giới quan (cả nhân sinh quan, giá trị quan) và phương pháp luận khoa học để họ tự giải quyết những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ không những chịu sự chi phối của gia đình, nhà trường mà môi trường xã hội cũng là mảnh đất không kém phần quan trọng để nuôi dưỡng hình thành lòng yêu nước, ý chí kiên định trong hành động BVCQBĐ ở mỗi sinh viên.

Xã hội là môi trường rộng lớn mà ở đó các cá nhân, các đoàn thể, tổ chức, cộng đồng... có các mối quan hệ với nhau (mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp) trong lao động, học tập và sinh hoạt.

Trong bối cảnh TCH và hội nhập quốc tế hiện nay, SVVN đã và đang được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin trong nước và quốc tế bằng nhiều kênh khác nhau; được giao lưu học hỏi với nhiều nền văn hoá với các nền tảng tư tưởng khác nhau... Điều đó có tác động to lớn đến đời sống văn hoá, tinh thần, đạo đức và lối sống của SVVN bởi họ là những người trẻ tuổi, có tư duy linh hoạt, dễ tiếp thu cái mới và nếu không có nhận thức đúng đắn thì chính họ có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi những nền văn hóa xa lạ đó mà quên đi những giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc. Do vậy, để làm tốt công tác giáo dục định hướng, gia đình, nhà trường cần phối hợp với chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức các cuộc thi tìm hiểu truyền thống quê hương, đất nước; tổ chức các hoạt động cụ thể (ở làng, bản, phường, xã...) đây là những hoạt động bổ ích, thiết thực.. giúp sinh viên có thêm nhiều cơ hội để tự rèn luyện, nâng cao nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng, dân tộc. Qua đó, các chủ thể giáo dục cũng sẽ có cơ hội nhiều hơn để kết hợp giáo dục ý thức BVCQBĐ với giáo dục đạo đức, chính trị một cách hiệu quả nhất.

Như vậy, kết hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường, đoàn thể với xã hội, để tạo ra sự tác động nhiều chiều, tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, yêu cầu của quá trình kết hợp này là:

Thứ nhất, việc kết hợp giữa giáo dục trong gia đình với nhà trường và xã hội phải đảm bảo sự nhất quán về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục. Sự thống nhất này nhằm đem lại hiệu quả cao nhất của sự kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở: các em như một tấm gương trong suốt, như một tờ giấy thấm, khi tiếp xúc với những điều mới thì cái tốt dễ tiếp thu và cái xấu cũng dễ tiếp thu. Nếu nhà trường giáo dục tốt mà gia đình giáo dục hoặc thực hiện hành vi ngược lại, sẽ có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em và đương nhiên kết quả giáo dục cũng không thể tốt được.

Như vậy, trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN thì nhà trường giữ vị trí trung tâm, có vai trò là lực lượng chính với khả năng và điều kiện đầy đủ nhất để trang bị cho SVVN những hiểu biết, những tri thức về BVCQBĐ ở tầm lý luận. Vì vậy, để phối kết hợp và thống nhất nội dung giáo dục, các chủ thể khác như gia đình và xã hội cũng cần chú trọng tìm hiểu, nắm vững và phối hợp với những yêu cầu của nhà trường trong việc giáo dục, tránh tình trạng do không nắm bắt đầy đủ thông tin mà tạo ra mâu thuẫn, tránh tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược gây phản tác dụng giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay.

Thứ hai, đảm bảo tính liên kết, cập nhật trong mối quan hệ gắn bó giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Trong mối liên hệ này, nhà trường phải tiến hành thường xuyên liên lạc với gia đình, có phương pháp và biện pháp thông báo cho gia đình về các hoạt động giáo dục của nhà trường, cũng như tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên một

cách kịp thời (đặc biệt khi sinh viên có những biến động về kết quả học tập, biểu hiện về hành vi - theo chiều hướng xấu). Ngược lại gia đình cũng phải thiết lập và duy trì mối quan hệ với nhà trường (mà trước tiên là với cố vấn học tập, giảng viên bộ môn, phòng công tác sinh viên, phòng quản lý đào tạo đại học...) để từ đó thường xuyên nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của sinh viên ở lớp.

Đối với các tổ chức xã hội, các cơ quan kinh tế, văn hóa đóng trên địa bàn, Nhà trường cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, chặt chẽ để hướng SVVN tích cực, chủ động tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện; các hoạt động tình nguyện hè... do các chủ thể giáo dục này tổ chức.

Đây sẽ là những hoạt động bổ ích, giúp sinh viên tự rèn luyện, nâng cao ý thức và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, *“tạo điều kiện thuận lợi để khơi dậy truyền thống yêu nước, tương thân tương ái, niềm tự hào dân tộc; niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh.”* [57, tr.116]

3.2.4 Giải pháp tăng cường đa dạng hóa các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn, tạo lập môi trường giáo dục trong sạch, công bằng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng công tác giáo dục ý thức cho thanh niên nói chung, SVVN nói riêng muốn đạt được kết quả cao thì trước hết và trên hết phải tổ chức cho SVVN tham gia vào các hoạt động thực tiễn xã hội. Bởi từ trong môi trường này, SVVN sẽ được rèn luyện, từng bước trưởng thành trong nhận thức cũng như hành động.

Các hoạt động giáo dục trong nhà trường gắn với “cuộc đấu tranh xã hội” mà Hồ Chí Minh đã đề cập chính là các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn do các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường phát động như: *“Tự hào Việt Nam”*, *“Xung kích phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô”*, *“Đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp”*, *“Công ước Luật biển 1982 - Hành trình 35 năm”*, *“Tuổi trẻ đồng hành với các chiến sĩ nơi biên giới, hải đảo”*, *“Tuổi trẻ giữ nước”*, *“Năm xung kích phát triển kinh tế - xã hội và BVTQ”*, *“Nghĩa tình*

biên giới, hải đảo”, “Vì Trường Sa thân yêu”, “Góp đá xây Trường Sa”, “Đồng hành cùng ngư dân trẻ ra khơi”, “Tuổi trẻ hướng về biển đảo của Tổ quốc... Để khắc phục tình trạng SVVN chỉ tham gia phong trào một cách miễn cưỡng, chỉ tham gia “khi có yêu cầu” [Phụ lục 2a] và để lôi cuốn sinh viên tham gia các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn, các trường ĐH cần triển khai một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, cần phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong việc tổ chức và thu hút sinh viên vào các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn. Để làm được điều đó, yêu cầu cấp bách là cần phát huy tối đa năng lực đội ngũ cán bộ đoàn, cán bộ hội trong các trường ĐH. Bên cạnh những phẩm chất, năng lực sẵn có, các cán bộ Đoàn, Hội cần phát huy những phương pháp cụ thể để có thể nắm bắt thực chất, diễn biến tư tưởng, tình cảm của đoàn viên, hội viên của mình một cách chính xác, kịp thời. Đồng thời, chính đội ngũ cán bộ này phải có năng lực và khả năng ứng biến linh hoạt, tìm ra những giải pháp khả thi để giáo dục, rèn luyện cho sinh viên trước sự tác động xấu của TCH, hội nhập kinh tế và những tư tưởng phản động ở nước ta hiện nay.

Hai là, các tổ chức Đoàn, Hội trong các trường ĐH cần có nội dung và hình thức giáo dục sinh động, phong phú. Cụ thể là:

- Giáo dục cho SVVN trách nhiệm đối với đất nước trong học tập thông qua các phong trào: “Ý tưởng khởi nghiệp”, “Học vì ngày mai lập nghiệp”, “Triển lãm sáng tạo”, “Tuần khoa học”,... Thông qua các phong trào này, hướng SVVN tự đề ra mục tiêu học tập, nghiên cứu khoa học của chính mình. Các mục tiêu học tập ấy gắn phải liền với những vấn đề đặt ra trong thực tiễn lao động sản xuất, nhằm cải tiến tăng năng suất lao động. Có nghĩa là các sản phẩm nghiên cứu khoa học của SVVN không chỉ truyền đạt đủ nội dung lý thuyết mà còn mang đậm tính ứng dụng thực tiễn. Đó chính là trách nhiệm của người sinh viên trong học tập để xây dựng và phát triển đất nước ở giai đoạn hiện nay.

Đẩy mạnh hiệu quả của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao... cho sinh viên trong các ngày kỷ niệm, ngày lễ của đất nước như: ngày giải phóng miền Nam 30/4-1/5, ngày 2/9, ngày toàn dân tình nguyện hiến máu 7/4, ngày thương binh liệt sĩ 27-7, ngày vì nạn nhân chất độc da cam 10/8, ngày vì người nghèo 17/10,... Thông qua việc tham gia các hoạt động này sẽ tác động đến nhận thức tình cảm của sinh viên, làm cho SVVN thấy được truyền thống của dân tộc, những hy sinh gian khổ của các thế hệ đi trước, từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân SVVN với cộng đồng, với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Thứ ba, cần có sự liên hệ chặt chẽ giữa phòng Công tác chính trị, Khoa Lý luận chính trị với quá trình triển khai các hoạt động thực tiễn do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức.. Để làm được điều này đòi hỏi người làm công tác Đoàn, Hội khi đề xuất một phong trào thi đua phải xác định đúng mục tiêu và phương pháp; có kế hoạch thực hiện cụ thể, rõ ràng, khoa học; có nội dung thi đua đảm bảo tính gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa thiết thực; có tiêu chí đánh giá khen thưởng rõ ràng...

Tiểu kết chương 3

Để giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN các trường ĐH ở nước ta hiện nay đạt được những kết quả như mong muốn, theo nghiên cứu của tác giả, các trường ĐH cần có sự quan tâm, đầu tư hơn nữa về vấn đề giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp nêu trên một cách đồng bộ, thống nhất ở các cơ sở giáo dục trên phạm vi cả nước.

Theo nghiên cứu của luận án, mặc dù mỗi giải pháp có vị trí, vai trò khác nhau, nhưng đều có quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau, là điều kiện, môi trường để nâng cao chất lượng trong công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN. Do đó khi vận dụng những giải pháp này trong thực tiễn, các trường ĐH phải căn cứ vào đặc trưng của trường mình để từ đó xác định mục tiêu và phương hướng

phù hợp. Trên cơ sở đó, quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN phải kết hợp chặt chẽ các giải pháp, không nên xem nhẹ hoặc bỏ qua một giải pháp nào. Đồng thời, ở mỗi trường cũng cần có thái độ linh hoạt trong cập nhật thông tin, linh hoạt đổi mới phương pháp giáo dục ở từng giai đoạn cụ thể để phát huy cao độ mọi tiềm năng nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần đào tạo ra các thế hệ SVVN vừa “hồng” vừa “chuyên” đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, phấn đấu xây dựng đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảm bảo định hướng giáo dục ý thức BVCQBĐ là quá trình chủ động ngăn ngừa tất cả các nguy cơ có thể xảy ra chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện và xử lý sớm những yếu tố bất lợi, đặc biệt là những yếu tố, nguy cơ gây biến đổi về tư tưởng, văn hóa, chính trị, đạo đức của thế hệ trẻ; đẩy mạnh đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa - giáo dục... làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị ở Việt nam hiện nay [57, tr.117].

KẾT LUẬN

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng của dân tộc, tầng lớp trí thức nói chung và SVVN nói riêng đã luôn khẳng định rõ vai trò, vị trí đặc biệt của mình trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và BVTQ Việt Nam XHCN. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, khi đất nước đang đổi mới mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực thì nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội lại càng cần thiết hơn bao giờ hết.

Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Ngày trước Việt Nam ta chỉ có đêm và rừng. Ngày nay Việt Nam ta có ngày, có trời, có biển. Biển Việt Nam dài và tươi đẹp, ta phải biết giữ gìn lấy nó. Để giữ gìn được vùng biển “dài và tươi đẹp” đó, đòi hỏi chúng ta phải chú ý đến xây dựng quyết tâm và định hướng hành động cho SVVN - những người chủ nhân tương lai của đất nước. Đồng thời, bồi dưỡng phương pháp xử lý các tình huống nhạy cảm trên biển đảo theo đúng tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, bảo đảm linh hoạt, sáng tạo, kiên trì, cẩn trọng... nhạy bén trước những âm mưu, thủ đoạn, không bị rơi vào “bẫy” của các thế lực phản động nhằm giữ vững môi trường hoà bình, ổn định. Bồi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống, kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước Việt Nam XHCN.

SVVN là những người trẻ, có tri thức, có đạo đức, là nguồn năng lượng chính của phương thức sản xuất tiên tiến hiện đại.. vì vậy SVVN có vai trò quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh đất nước, là nguồn sức mạnh to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Do đó, để có thể nâng cao chất lượng nguồn lực này trong thực tiễn BVCQBĐ ở Việt Nam hiện nay, cần phải đặc biệt chú trọng việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN theo hướng:

Một là, tăng cường nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của hoạt động giáo dục ý thức VCQBĐ cho SVVN ở các trường ĐH,HV hiện nay.

Hai là, tăng cường đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN trong các trường ĐH,HV hiện nay.

Ba là, tăng cường hiệu quả của các điều kiện vật chất hỗ trợ hoạt động giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Bốn là, tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống các quan điểm, hành vi sai trái về CQBĐ Việt Nam và thực hiện chính sách khuyến khích tạo động lực cho sinh viên Việt Nam nâng cao ý thức BVCQBĐ.

Năm là, tăng cường mối quan hệ, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Sáu là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Nhà trường, các phòng ban, tổ chức Đoàn thể đối với công tác giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN.

Bảy là, đa dạng hóa các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn, tạo lập môi trường giáo dục trong sạch, công bằng.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG
BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Khánh Ngọc (2018), “Giáo dục tinh thần dân tộc cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay” (đồng tác giả), *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 7, tháng 7/2018.

2. Phạm Khánh Ngọc (2019), “Bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên biển ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, tháng 4/2019.

3. Phạm Khánh Ngọc (2019), “Vận dụng tư tưởng, phương pháp ngoại giao Hồ Chí Minh vào bảo vệ chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay”, Chủ nhiệm, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường*, trường ĐH Lao động - xã hội, Hà Nội.

4. Phạm Khánh Ngọc (2023), “Tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, chuyên đề số 1 - 2023.

5. Phạm Khánh Ngọc (2023), “Phát huy vai trò của người giảng viên Triết học nhằm khơi dậy ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, chuyên đề số 2 - 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO**A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT**

1. Nguyễn Thái Anh, Nguyễn Đức, Đàm Xuân (2013), *“Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam”*, Nxb Thời đại.
2. Nguyễn Thái Anh, Quốc Dũng (2014), (Tuyển chọn, biên soạn) *“Quan điểm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo”*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao (2004), *Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của Luật Biển ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, 4/11/2013*
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2015), Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Ban Bí thư về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”*, Hà Nội.
6. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, (2005), *“Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch”*, Hà Nội.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương, Trung tâm thông tin công tác tư tưởng phối hợp với Cục chính trị Quân chủng hải quân (2007), *Biển và hải đảo Việt Nam*. Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội
8. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị khóa XII về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo dục Quốc phòng - An ninh*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Viện Chiến lược và Phát triển (2003), *Chiến lược bảo vệ chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo Việt Nam đến năm 2020*, Đề tài cấp nhà nước (tài liệu lưu tại Ban Biên giới, hải đảo, Bộ Ngoại giao).
12. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học - Công nghệ và Môi trường (2007), “*Đông Nam Á và chiến lược của các cường quốc chủ chốt*”, Tài liệu tham khảo lưu tại thư viện Học viện Chính trị.
13. Bộ Quốc Phòng - Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2016), *Vấn đề xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2009) “*Việt Nam với việc thực hiện Công ước về Luật Biển năm 1982*”, Nxb Tư pháp.
15. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Nghị định của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, số 161/2003/NĐ-CP, Hà Nội.
16. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Chi thị số 13/CT- TTg ngày 18 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc

triển khai thực hiện “*Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*”.

17. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Chỉ thị về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới*, số 01/CT-TTg, Hà Nội.
18. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, số 71/2015/NĐ-CP, Hà Nội.
19. Trần Nam Chuân (2016), “*Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng về phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới*”, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, 30/6/2016 15:47.
20. Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Hải quân (2003), *Tài liệu tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam*, Tài liệu lưu tại Ban Biên giới hải đảo, Bộ Ngoại giao.
21. Lê Duẩn (1982), “*Thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*”, Nxb Sự thật, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Kim Dung (2015), “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc*”, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
23. Nguyễn Tấn Dũng (2011), “*Quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước*”, diễn văn Lễ Mít tinh quốc gia hưởng ứng Ngày Đại

- dương thế giới và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2011, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Tieu-diem/2011/12225/>.
24. Nguyễn Tiến Dũng (2019), “Về lý thuyết chủ quyền quốc gia trong lịch sử quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 3 (515), Hà Nội.
 25. Cốc Nguyên Dương (2013),: “*Bàn cờ Đông Nam Á và nước cờ đột phá Việt Nam*” ngày 11.11.2013; “*Trung - Việt chung ý thức hệ và quan hệ thương mại sâu sắc hơn*”, ngày 26.11.2013; “*Trung - Việt đã giải quyết 2/3 tranh chấp lãnh thổ*”, Báo mạng Hoàn Cầu (Trung Quốc), <http://military.people.com.cn/n/2013/111/c1011-23496884.html>.
 26. Nguyễn Bá Dương (2020), “*Phòng chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam trong tình hình mới*”, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 27. Nguyễn Bá Dương (2021), “*Đảng lãnh đạo công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch*”, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/dang-lanh-dao-cong-tac-dau-tranh-phongchong-am-muu-hoat-dong-dien-bien-hoa-binh-cua-cac-the-luc-thu-dich.html>
 28. Nguyễn Bá Dương (2013), *Góp phần phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 29. Nguyễn Bá Dương - Chủ nhiệm đề tài (2014), *Nghiên cứu tổng kết mười năm thực hiện nghị quyết Trung ương 8, khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (2003 - 2013)*.

30. Daniel-J.Dzurck (1996), “Cuộc tranh chấp quần đảo Trường Sa: ai là người sở hữu đầu tiên”, *Tạp chí Thông tin biển* (2).
31. Đoàn Nam Đàn (2008), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới*, Số: 04 - NQ/HNTW, ngày 14/01/1993
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về Chiến lược biển Việt Nam đến 2020*, số 09-NQ/TW, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội .
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), Nghị quyết số 25 NQ/TW ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương khoá X về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*”.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), “*Văn kiện Hội nghị lần thứ Chín Ban Chấp hành Trung ương khoá X*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.46.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khoá XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết 28-NQ/TW (khóa XI) về Chiến lược BVTQ trong tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, ngày 9/6/2014, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*, ngày 24/3/2015, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận thực tiễn qua 30 năm đổi mới 1986 - 2016*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Nghị quyết số 36-NQ/TW về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, *“Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khóa X”*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, 2012.
59. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2012), *“Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khóa X”*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
60. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ Ba Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa X về “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh thiếu niên giai đoạn 2013 - 2017”*, Hà Nội.
61. Phạm Văn Đồng (1985), *“Về thanh niên và công tác thanh niên”*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
62. Nguyễn Mạnh Đông (2021), *“Giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ của Việt Nam: Kết quả và bài học kinh nghiệm”*, *Tạp chí Cộng sản*, số 959, Hà Nội.

63. Monique Cheminier - Gendreau (2002), *“Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”*, Nxb Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Trần Văn Giàu, *“Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam”* (Tái bản, có sửa chữa, bổ sung năm 2011), Nxb Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội
65. Trần Duy Hải chủ biên (2013), *“Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên biển Đông”*, Nxb Tri thức
66. Hoàng Thành Hậu (2017), *“Phát huy vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*, *Tạp chí Giáo dục Lý luận chính trị quân sự*, số 3, trang 83 - 85.
67. Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
68. Lê Thị Hòa (2018), *“Công tác thông tin tuyên truyền chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa”*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Thuý Hoàn (2011), *“Ý chí toàn dân”*, *Tạp chí xây dựng Đảng điện tử*, 15:20’ 18/6/2011.
70. Nguyễn Quang Hùng (2016), *“Niềm tin chính trị của sinh viên Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
71. Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng (2010), *Mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong ý thức người dân Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội

72. Hội đồng Nhà nước (1992), *Hiếp pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 1992*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
73. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2010), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
74. Nguyễn Mạnh Hưởng (2007), “Một số vấn đề lý luận bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (12), Hà Nội.
75. Hà Thị Dáng Hương (2019), “*Giáo dục ý thức dân tộc cho sinh viên các trường ĐH ở thành phố Hà Nội hiện nay*”, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
76. Nguyễn Văn Kết chủ biên (2015), “*Chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sức mạnh từ tài liệu lưu trữ*”, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
77. Đoàn Khuê (1993), *Quan điểm cơ bản về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
78. Hoàng Lâm - Văn Bảy - Hoàng Trường (2014), “***Ngư dân - “cột mốc chủ quyền sống” trên biển***”, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 10-2014.
79. Phan Huy Lê (2014), “Châu bản triều Nguyễn - Những bằng chứng không thể tranh cãi về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa, Trường Sa”, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, số 272, tr.7-16.

80. Phan Huy Lê (2014), “Châu bản triều Nguyễn & những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa - Trường Sa”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 449, tr7-17.
81. Phan Huy Lê (2014), “Châu bản triều Nguyễn những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa - Trường Sa”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7 (459),tr.3-12.
82. Phan Ngọc Liên chủ biên (2000), *Từ điển thuật ngữ Lịch sử phổ thông*. Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
83. Lưu Văn Lợi (1990), “*Việt Nam đất - biển - trời*”, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
84. Lưu Văn Lợi (2010), “*Những điều cần biết về Đất - Biển - Trời Việt Nam*”, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
85. Nguyễn Việt Long (2013), “*Lẽ phải - Luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*”, Nxb Trẻ, Hồ Chí Minh.
86. Lê Mã Lương chủ biên (2018), “*Gác Ma vòng tròn bất tử*”, Nxb Văn học.
87. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
89. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Tập 42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

90. Phạm Thị Mai (2021), “*Chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa và vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Việt Nam hiện nay*”, luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
91. Phạm Quang Minh (2014), “ASEAN và sự lựa chọn của Việt Nam trong giải quyết xung đột ở Biển Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1/2014, tr.21.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.299.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 311.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.131.
99. Nguyễn Thị Ngân (2000), “*Xây dựng ý thức và tình cảm dân tộc chân chính cho con người Việt Nam trước những thách thức mới*”, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
100. Hân Nguyên Nguyễn Nhã (2013), “*Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*”, Nxb Giáo dục.

101. Nhiều tác giả (1985), “*Bác Hồ với sự nghiệp bồi dưỡng thế hệ trẻ*”, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
102. Nhiều tác giả (2013), “*Hoàng sa - Trường Sa là máu thịt Việt Nam*”, Nxb Thông tin và Truyền thông.
103. Phạm Thị Nhung (2012), “Bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 832, 02/2012
104. Hoàng Phê (chủ biên) (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NX Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
105. Nguyễn Đức Phương (2012), “*Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc từ năm 2001 đến năm 2011*”, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
106. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), “*Luật Thanh niên*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục Đại học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
108. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), “*Luật Biển Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Đặng Đình Quý (2009), “*Biển Đông, hợp tác vì an ninh và phát triển khu vực*”, Nxb Thế giới, Hà Nội.
110. Doãn Bảo Quyết (2016), “*Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật*”, Bản tin của lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam số (17), tr.14.

111. Phan Văn Rân và Nguyễn Hoàng Giáp (2010), “*Chủ quyền quốc gia dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa và vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
112. Vũ Đình Tấn (2011), “*Đẩy mạnh tuyên truyền về biển, đảo góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, số 1, tr.50-53, Học viện Chính trị.
113. Hà Sơn Thái (2017), “*Ý thức dân tộc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam của thanh niên quân đội hiện nay*”, luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.
114. Phùng Quang Thanh (2007), “*Phát huy truyền thống yêu nước, ý chí quật khởi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân pháp vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay*”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, số tháng 12, năm 2011.
115. Nguyễn Viết Thảo (2014), “*Bảo vệ chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc trong thế giới toàn cầu hóa*”, *tạp chí Lý luận chính trị*, số 1/2014, tr.21-25.
116. Đỗ Huy Thông (2017), “*Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên tỉnh Nghệ An theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng*”, *Tạp chí Giáo dục lý luận chính trị quân sự*, (2), trang 92 – 94.
117. Trần Hoàng Tiến chủ biên (2013), “*Chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc*”, Nxb Quân đội nhân dân.
118. Nguyễn Đức Tiến (1998), *Mối quan hệ giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan trong phát triển lý tưởng xã hội chủ nghĩa ở*

thanh niên Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay, Luận án Tiến sĩ Quân sự, Những vấn đề triết học trong lĩnh vực quân sự, Học viện Chính trị quân sự.

119. Tổng cục Chính trị (2016), Đề cương tuyên truyền “*Thanh niên Quân đội 65 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành và phát huy truyền thống Thanh niên Quân đội trong giai đoạn mới*” (Ban hành kèm theo Công văn 984/TN ngày 25/11/2016 của Ban Thanh niên Quân đội về việc tuyên truyền kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống Thanh niên Quân đội và Ban Thanh niên Quân đội 08/02/1952 - 08/02/2017, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
120. Trần Hùng (2000), “*Hiệu quả giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên các trường ĐH tại thành phố Hồ Chí Minh: Thực trạng và giải pháp*”, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
121. Vũ Thị Thu Trang (2020), “*Phát triển ý thức bảo vệ Tổ quốc củ học viên các trường kỹ thuật quân sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
122. Nguyễn Minh Triết (2011), “*Bài phát biểu trong chuyến thăm và làm việc với quân dân ở đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh*”, ngày 7/6/2011.
123. Nguyễn Phú Trọng (2013), Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 2012 – 2017, *Tạp chí Cộng sản*, Số 843 (tháng 01-2013), tr. 4,7, 9.

124. Trần Công Trục (2011), “*Dấu Ấn Việt Nam trên biển Đông*”, Nxb Thông tin và Truyền thông.
125. Trung tâm Từ điển học (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
126. Nguyễn Thanh Tuấn (2013), “Tình hình tranh chấp chủ quyền ở biển Đông hiện nay - Chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước ta” - *Tài liệu tập huấn giảng viên KHXX&NV các học viện, trường sĩ quan, đại học, cao đẳng năm 2013*, Lưu hành nội bộ.
127. Văn Tùng (2000), “*Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vận động thanh niên*”, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
128. Cổ Tiểu Tùng (2009), “*Tình hình cơ bản Việt Nam và quan hệ Trung - Việt*”, NXB Thế giới Tri thức, Bắc Kinh.
1129. Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự (2015) trong cuốn “*Một số vấn đề về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ xa trong tình hình mới*”, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.
130. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2014), *Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới- một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Võ Trọng Việt (2015), “*Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trong tình hình mới*”, Đề tài khoa học cấp nhà nước, Hà Nội.
132. Nguyễn Chí Vịnh “*Thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ xa*”, Báo Quân đội nhân dân ngày 3 - 6 - 2013.
134. Lê Minh Vụ (2009), *Ý thức bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam trong lịch sử và hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

135. Lê Minh Vụ, Nguyễn Bá Dương (2011), *Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc XHCN của người dân Việt Nam - định hướng và giải pháp*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
136. Trần Ngọc Vương chủ biên (2015), *“Sự kiện giàn khoan Hải Dương 981 và tham vọng của Trung Quốc độc chiếm Biển Đông”*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

B. TÀI LIỆU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

137. Amitar Acharya, *“America’s Role in Asia and the South China Sea”*, The Asia Foundation, CA.USA, 2004.
138. Acharya, Amitav, “Regional Military – security Cooperation in the third World: A Conceptual Analysis of Relevance and Limitation of ASEAN”, *Jornal of peace Research*, vol. 29, No.1, 1992, pp. 7-21.
139. Alagappa, Muthiah (1998), *“Asia Security Praticce: Material and Ideational Influences”*, Stanford, CA: Standford University Press, 1998.
140. Almonte, Jose T, “Ensuring Security the ASEAN Way”, *Survial*, Vol. 39, No.4, Winter 1997-1998m pp. 80-92.
141. Ball, Desmond (1993), “Strategic Culture in the Asia – Pacific Region”, *Security Studies*, Vol. 3, No. 1, pp. 44-77.
142. Congressionnal Reseach Service, (2008), *“China-Southeast Asia Relation: Trends, Issues an Implications for the United States”*, CRS Report for Congress, Washington DC.
143. David Capie và Paul Evans (2002), *“The Asia - Facific Securties Lexicon”* (Singapore: ISEAS, 2002).

144. Michael K.Connors, Resmy Davison (Australia) và Jorn Dosch (England), (2005), “*Ethnic Conflic in Southeast Asia*”, Singapore, “*The New Global Polictics of the Asia - Pacific*” (2004), Nxb Routledge Curzon (England).
145. Michael D, “*Asea in the 21st century: Evolving Strategie Proprieties*”, Washington, DC: National Defence University Preess, 1994.
146. Ikenberry.J và Mastanduno.M (2003), “*International Relations Theory and the Asia Pacific*” (Columbia University, New York). (Lý thuyết quan hệ quốc tế và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương)
147. Derek J.Mitchell (2008), “The United State and Southeast Asia Toward a Strategy for enhance engagement ”, A Conference Report of the CSIS Southeast Asia Initiative, Washington DC.
148. Dustin Roasa (2012), “China’s soft power surge”, Foreign Policy. <http://www.foreignpolicy.com/articles/2012/11/18/chinas-soft-power-surge>
149. Davor Vidas and Willy Osteeng (2002), “*Order for the Oceans at the Turn of the Century*”, Kluwer Law International.

Trang thông tin điện tử

1. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam: [http// dangcongsan.vn](http://dangcongsan.vn)
2. Thư viện pháp luật: [http //thuvienphapluat.vn](http://thuvienphapluat.vn)
3. Tạp chí biển Việt Nam: [http//biendao24h.vn](http://biendao24h.vn)
4. Tạp chí điện tử Lý luận chính trị: [http//lyluanchinhtri.vn](http://lyluanchinhtri.vn)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1.a (Mẫu dành cho sinh viên)

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Để góp phần nâng cao *giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, xin Anh/Chị vui lòng cho ý kiến về các nội dung câu hỏi đưa ra dưới đây.

Anh/Chị đồng ý với phương án nào, thì đánh dấu X vào ô vuông ☐ bên phải theo cách chỉ dẫn chọn dưới đây.

Cảm ơn sự cộng tác của Anh/Chị!

I. PHẦN THÔNG TIN

Anh/Chị vui lòng cho biết đôi điều về bản thân?

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Năm sinh:.....

3. Anh (chị) đang học năm thứ mấy

a. Năm thứ nhất ☐

b. Năm thứ hai ☐

c. Năm thứ ba ☐

d. Năm thứ tư ☐

e. Năm thứ trở lên ☐

4. Anh (chị) đang giữ vị trí gì trong lớp, tổ chức Đoàn, Hội?

a. Sinh viên, không giữ chức vụ gì ☐

b. Cán bộ lớp (lớp trưởng, lớp phó) ☐

c. Cán bộ Đoàn (lớp) ☐

d. Cán bộ Đoàn trường ☐

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo Anh/Chị chủ quyền biển đảo có tầm quan trọng như thế nào về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh?

Chọn 1

- Rất quan trọng

☐

- Khá quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng
- Khó trả lời

Câu 2. Việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo vì những lý do chủ yếu nào sau đây? Chỉ chọn 2 - 3 ý

- Vì nghĩa vụ và trách nhiệm của người công dân
- Vì truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc
- Vì bổn phận và trách nhiệm cá nhân với Tổ quốc
- Vì sự ổn định để phát triển KT-XH, làm giàu cho gia đình
- Vì Nhà nước và chính quyền địa phương yêu cầu
- Vì những vấn đề bức xúc trong gia đình và bản thân

Câu 3. Theo anh (chị) ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam là? Tùy chọn

- Ý thức BVCQBĐ là một loại hình của ý thức xã hội, phản ánh hoạt động thực tiễn bảo vệ biển đảo Tổ quốc
- Ý thức BVCQBĐ là sản phẩm của chủ nghĩa yêu nước được hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc
- Ý thức BVCQBĐ là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ; thông qua hoạt động của con người, thể hiện chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ XHCN.
- Ý thức BVCQBĐ của sinh viên là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ thể hiện thông qua quá trình hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên theo

mục tiêu, yêu cầu đào tạo để trở thành người công dân tốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và BVTQ Việt Nam

Câu 4. Khi nghe thông tin cán bộ, chiến sĩ và nhân dân gặp nạn trên biển, tình cảm Anh/Chị đối với sự kiện đó như thế nào?

Tùy chọn

- Đau buồn
- Lo lắng
- Cảm phục
- Bình thường
- Không quan tâm
- Khó trả lời

Câu 5. Anh/Chị có tin vào sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hay không?

Chọn 1

- Có
- Bình thường
- Không
- Khó trả lời

Câu 6. Niềm tin của Anh/Chị vào khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của LLVT và nhân dân Việt Nam ở mức nào?

Chọn 1

- Hoàn toàn tin tưởng
- Tương đối tin tưởng
- Không tin tưởng
- Khó trả lời

Câu 7. Theo Anh/Chị thái độ, ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển, đảo của SVVN ở mức nào?

Chọn 1

- Rất sẵn sàng tham gia chiến đấu

- Sẽ tham gia chiến đấu khi có yêu cầu
- Không sẵn sàng tham gia chiến đấu
- Khó trả lời

☐
☐
☐

Câu 8. Việc quan tâm, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của Trường học của Anh/Chị như thế nào?

Chọn 1

- Rất quan tâm
- Ít quan tâm
- Bình thường
- Khó trả lời

☐
☐
☐
☐

Câu 9. Anh/Chị được giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo ở các chương trình nào ?

Tùy chọn

- Khi học các môn Lý luận chính trị
- Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (cuối khóa)
- Nghe và xem thông tin từ báo chí, mạng xã hội

☐
☐
☐

- Khi tham gia các hoạt động của Đoàn TNCSHCM
- Khi tham gia các môn học khác trong trường

☐
☐

Câu 10. Anh/Chị có thường xuyên tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua... do Trường tổ chức không?

Chọn 1

- Thường xuyên tham gia
- Thỉnh thoảng tham gia
- Chỉ tham gia khi được yêu cầu
- Chưa bao giờ tham gia

☐
☐
☐
☐

Câu 11. Theo Anh/Chị, nguyên nhân những hạn chế về giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là gì?

Tùy chọn

- Chưa có chương trình giáo dục, tài liệu cụ thể hướng dẫn

☐

- Các thế lực thù địch chống phá
- Các tệ nạn xã hội tác động
- Tổ chức phong trào thi đua chưa hiệu quả
- Thái độ thờ ơ của chính bản thân sinh viên
- Đời sống kinh tế khó khăn, văn hóa tinh thần chưa đầy đủ
- Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện, sâu sắc, cuốn hút
- Sự tranh chấp chủ quyền biển, đảo phức tạp trên Biển Đông khiến cho thông tin được cập nhật chậm so với thực tế

Câu 12. Để nâng cao giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên cần những giải pháp nào sau đây?

Tùy chọn

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, nhiệm vụ BVTQ XHCN.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục về BVCQBĐ cho sinh viên.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước BVTQ, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- Phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong các hoạt động thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của sinh viên

Còn giải pháp nào khác:.....

Cảm ơn sự cộng tác của Anh/Chị

Phụ lục 1.b

Mẫu 2 - Dùng cho cán bộ, giảng viên

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Để góp phần nâng cao *giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, xin Anh/Chị vui lòng cho ý kiến về các nội dung câu hỏi đưa ra dưới đây.

Anh/Chị đồng ý với phương án nào, thì đánh dấu ✓ vào ô vuông ☐ bên phải theo cách chỉ dẫn chọn dưới đây.

Cảm ơn sự cộng tác của Anh/Chị!

I. PHẦN THÔNG TIN

Anh/Chị vui lòng cho biết đôi điều về bản thân?

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Đồng chí tham gia công tác ở bộ phận nào

a. Đảng uỷ, Ban giám đốc ☐

b. Khối cán bộ các phòng, ban ☐

c. Khối giáo viên ☐

3. Trình độ chuyên môn của đồng chí hiện nay là:

a. Cử nhân ☐ b. Thạc sĩ ☐

c. Tiến sĩ ☐ d. PGS hoặc GS ☐

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Anh/Chị cho biết bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở nước ta là bảo vệ những nội dung nào dưới đây?

Tùy chọn

- Bảo vệ quyền độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Bảo vệ quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng các vùng biển, vùng đảo và quần đảo theo luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế.

- Bảo vệ vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc sở hữu của Việt Nam.

- Phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm tới chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia trên biển, đảo theo pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Bảo vệ không gian sinh tồn, mốc giới chủ quyền trên biển

- Bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trên vùng biển Việt Nam

Câu 2. Theo Anh/Chị, có cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên không? Chọn 1

- Rất cần thiết

- Ít cần thiết

- Không cần thiết

- Khó trả lời

Câu 3. Trong quá trình giảng dạy và công tác, Anh/Chị có tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo với sinh viên không? Chọn 1

- Thường xuyên tuyên truyền

- Lồng ghép, đan xen trong quá trình giảng dạy

- Bình thường (nhắc đến khi có thời gian)

- Môn học không gắn liền với vấn đề chủ quyền biển đảo

- Khó trả lời

Câu 4. Theo Anh/Chị, trong các phương pháp sau, phương pháp nào mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ?

Tùy chọn

- Phương pháp thuyết trình

- Phương pháp trực quan

- Phương pháp trao đổi, tọa đàm

- Tổ chức các phong trào thi đua, tìm hiểu về BVCQBĐ

- Phương pháp nêu gương

- Phương pháp khác

Câu 5. Niềm tin của Anh/Chị vào khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của nhân dân và LLVT VN ở mức nào?

Chọn 1

- Hoàn toàn tin tưởng
- Tương đối tin tưởng
- Không tin tưởng
- Khó trả lời

Câu 6. Theo Anh/Chị thái độ quan tâm đến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của sinh viên Việt Nam ở mức nào ?

Chọn 1

- Rất quan tâm
- Chưa quan tâm
- Bình thường
- Khó trả lời

Câu 7. Trường của anh/chị có quan tâm đến vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên không?

Chọn 1

- Rất quan tâm
- Khá quan tâm
- Bình thường
- Khó trả lời

Câu 8. Ở trường của Anh/Chị, việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên được thực hiện như thế nào?

Tùy chọn

- Thông qua giảng dạy các môn Lý luận chính trị
- Thông qua các hoạt động Đoàn TNCSHCM, Hội SV
- Tùy thuộc vào giảng viên trong quá trình giảng dạy
- Thông qua các chương trình thi đua của Bộ GD và ĐT

Câu 9. Theo Anh/Chị, tài liệu phục vụ cho việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên hiện nay như thế nào? Tùy chọn

- Tài liệu rất đầy đủ, thường xuyên được cập nhật
- Tài liệu tương đối đầy đủ
- Tài liệu còn thiếu, chưa thống nhất về mặt nội dung và hình thức
- Chưa có tài liệu

Câu 10. Theo Anh/Chị, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác giảng dạy nhằm giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên là gì? Tùy chọn

- Chưa có chương trình giáo dục cụ thể, tài liệu phù hợp
- Các thế lực thù địch chống phá
- Các tệ nạn xã hội tác động
- Tổ chức phong trào thi đua yêu nước chưa hiệu quả
- Chưa có sự quan tâm đúng mức của các tổ chức, đoàn thể

- Đời sống kinh tế khó khăn, văn hóa tinh thần chưa đầy đủ
- Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện
- Sự tranh chấp chủ quyền biển, đảo phức tạp trên Biển Đông khiến cho thông tin cập nhật khó khăn

Câu 11. Để nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của sinh viên cần những giải pháp nào sau đây? Tùy chọn

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, nhiệm vụ BVTQ XHCN.
- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên.
- Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước BVTQ, bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong các trường

- Phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong các hoạt động thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo.
- Cần chú trọng hơn nữa đến nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên (đặc biệt với sinh viên ngoại tỉnh)

* giải pháp nào khác: (nếu có thì lấy thêm phiếu phỏng vấn sâu)

Cảm ơn sự cộng tác của Anh/Chị

Phụ lục 1.c**Câu hỏi phỏng vấn sâu****(dành cho sinh viên)**

Câu hỏi 1: Trong thời gian qua, anh (chị) đã được tuyên truyền, giáo dục những văn bản luật nào sau đây?

- a. Luật Biển VN
- b. Luật Biên giới quốc gia
- c. Luật Giáo dục quốc phòng và An ninh
- d. Luật dân sự
- e. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (1982)

Câu hỏi 2: Thư viện trường anh/ chị có tủ sách, khu trưng bày sách, hình ảnh, các tư liệu?

Câu hỏi 3: Trong thư viện, tủ sách, khu trưng bày sách, hình ảnh, các tư liệu về nội dung nào?

- a. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- b. Biển và đảo Việt Nam
- c. Sách mới
- d. Nội dung khác (đề nghị nêu rõ)

Câu hỏi 4: Phòng truyền thống của trường anh/ chị lưu trữ những hình ảnh, hiện vật gì?

- a. Truyền thống trường
- b. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- c. Lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc
- d. Tư liệu về biển, đảo Việt Nam
- e. Chưa từng đến phòng truyền thống của trường

Câu hỏi 5: Ý kiến khác của anh/chị về giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN hiện nay?

Phụ lục 1.d

Câu hỏi phỏng vấn sâu

(Dành riêng cho giảng viên Lý luận chính trị)

Câu hỏi 1: Trường đồng chí có thường xuyên tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, chương trình tập huấn hè do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức không?

- a. Thường xuyên tạo điều kiện
- b. Ít tạo điều kiện

Câu hỏi 2: Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học/tổng số giảng viên ở đơn vị của đồng chí?

Câu hỏi 3: Đồng chí có tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, các chương trình tìm hiểu về Biển, đảo Việt Nam?

- a. Thường xuyên tham gia
- b. Có tham gia (khi có thời gian)
- c. Chưa từng tham gia

Câu 4: Khi giảng dạy các môn LLCT các đồng chí thường lồng ghép nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở những bài nào?

Phụ lục 2.a:
TỔNG HỢP, XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Thời điểm điều tra: tháng 09 năm 2018

Tổng số phiếu: 1000 (Mẫu 1)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

STT			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	510	51
		Nữ	490	49
2	Năm học thứ	1	55	5,5
		2	91	9,5
		3	139	13,9
		4	730	73
3	Vị trí trong lớp, tổ chức XH	Không giữ chức vụ gì	836	83.6
		Cán bộ lớp	66	6.6
		Cán bộ Đoàn ở lớp	57	5.7
		Cán bộ Đoàn trường	41	4.1

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1	<i>Theo Anh/Chị chủ quyền biển đảo có tầm quan trọng như thế nào về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh?</i> (Chọn 1)
----------	---

	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Rất quan trọng	980	98
	- Khá quan trọng	20	2
	- Bình thường	00	00
	- Không quan trọng	00	00
	- Khó trả lời	00	00
2	<i>Việc thực hiện nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo vì những lý do chủ yếu nào sau đây? (Chỉ chọn 2 - 3 ý)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	Vì nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý của người công dân	860	86
	Vì truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc	950	95
	Vì bổn phận và trách nhiệm cá nhân với Tổ quốc	720	72
	Vì sự ổn định để phát triển KT - XH, làm giàu cho gia đình	910	91
	Vì Nhà nước và chính quyền địa phương yêu cầu	07	7
	Vì những vấn đề bức xúc trong gia đình và bản thân	00	00
3	<i>Theo anh (chị) ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của sinh viên Việt Nam là? (Tùy chọn)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %

	- Ý thức BVCQBĐ là một loại hình của ý thức xã hội, phản ánh hoạt động thực tiễn bảo vệ biển đảo Tổ quốc	790	79
	- Ý thức BVCQBĐ là sản phẩm của chủ nghĩa yêu nước được hun đúc trong lịch sử dựng nước và giữ nước của mỗi dân tộc	890	89
	Ý thức BVCQBĐ là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ; thông qua hoạt động của con người, thể hiện chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ XHCN.	910	91
	- Ý thức BVCQBĐ của sinh viên là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí quyết tâm BVTQ thể hiện thông qua quá trình hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo để trở thành người công dân tốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và BVTQ Việt Nam	980	98
4	<i>Khi nghe thông tin cán bộ, chiến sĩ và nhân dân gặp nạn trên biển, tình cảm Anh/Chị đối với sự kiện đó như thế nào? (Tùy chọn)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Đau buồn	900	90
	- Lo lắng	900	90

	- Cảm phục	950	95
	- Bình thường	20	0,2
	- Không quan tâm	00	00
	- Khó trả lời	00	00
5	<i>Anh/Chị có tin vào sức mạnh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta hay không?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Có	820	82
	- Bình thường	150	15
	- Không	00	00
	- Khó trả lời	30	0,3
6	<i>Niềm tin của Anh/Chị vào khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của LLVT và nhân dân Việt Nam ở mức nào?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Hoàn toàn tin tưởng	780	78
	- Tương đối tin tưởng	190	19
	- Không tin tưởng	10	0.1
	- Khó trả lời	20	0.2
7	<i>Giả định: nếu Việt Nam bị xâm lược, anh/chị có sẵn sàng tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước không?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %

	- Rất sẵn sàng tham gia chiến đấu	790	79
	- Sẽ tham gia chiến đấu khi có yêu cầu	120	12
	- Không sẵn sàng tham gia chiến đấu	40	0.4
	- Khó trả lời	50	0.5
8	<i>Việc quan tâm, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của Trường học của Anh/Chị như thế nào?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Rất quan tâm	760	76
	- Ít quan tâm	190	19
	- Bình thường	40	04
	- Khó trả lời	10	0.1
9	<i>Anh/Chị được giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo ở các chương trình nào ?</i> (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Khi học các môn Lý luận chính trị	980	98
	- Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (cuối khóa)	920	92
	- Nghe và xem thông tin từ báo chí, mạng xã hội	950	95
	- Khi tham gia các hoạt động của Đoàn TNCSHCM	740	74
	- Khi tham gia học các môn học khác trong trường	220	22

10	Anh/Chị có tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào thi đua... do Trường tổ chức không? Chọn 1		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Thường xuyên tham gia	476	47.6
	- thỉnh thoảng tham gia	508	50.8
	- Chỉ tham gia khi được yêu cầu	14	1.4
	- Chưa bao giờ tham gia	02	0.2
11	Theo Anh/Chị, nguyên nhân những hạn chế về giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo cho sinh viên là gì? (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Chưa có chương trình giáo dục, tài liệu cụ thể hướng dẫn	680	68
	- Các thế lực thù địch chống phá	780	78
	- Các tệ nạn xã hội tác động	390	39
	- Tổ chức phong trào thi đua chưa hiệu quả	310	31
	- Thái độ thờ ơ của chính bản thân sinh viên	390	39
	- Đời sống kinh tế khó khăn, văn hóa tinh thần chưa đầy đủ	460	46
	- Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện, sâu sắc, cuốn hút	120	12
	- Sự tranh chấp chủ quyền biển, đảo phức tạp trên Biển Đông khiến cho thông tin được cập nhật chậm so với thực tế	470	47

12	<i>Để nâng cao giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên cần những giải pháp nào sau đây? (Tùy chọn)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, nhiệm vụ BVTQ XHCN.	800	80
	- Nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên.	780	78
	- Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	890	89
	- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước BVTQ, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.	850	85
	- Phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong các hoạt động thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo.	880	88
	- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của sinh viên	980	98

Phụ lục 2.b:

**TỔNG HỢP, XỬ LÝ SỔ LIỆU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
ĐỐI VỚI CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN**

Thời điểm điều tra: tháng 09 năm 2018

Tổng số phiếu: 100 (Mẫu 2)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

STT	Thông tin cá nhân		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	32	32
		Nữ	68	68
2	Bộ phận công tác	Khối cán bộ	11	11
		Khối giáo viên	89	89
3	Trình độ	Cử nhân	42	42
		Thạc sĩ	50	50
		Tiến sĩ	08	08

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1	Anh/Chị cho biết bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở nước ta là bảo vệ những nội dung nào dưới đây? (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Bảo vệ quyền độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.	98	98

	- Bảo vệ quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng các vùng biển, vùng đảo và quần đảo theo luật pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế.	60	60
	- Bảo vệ vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc sở hữu của Việt Nam.	27	27
	- Phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm tới chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia trên biển, đảo theo pháp luật Việt Nam và quốc tế.	34	34
	- Bảo vệ không gian sinh tồn, mốc giới chủ quyền trên biển	90	90
	- Bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trên vùng biển Việt Nam	95	95
2	<i>Theo Anh/Chị, có cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên không?</i> chọn 1		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Rất cần thiết	990	99
	- Ít cần thiết	00	00
	- Không cần thiết	00	00
	- Khó trả lời	10	01
3	<i>Trong quá trình giảng dạy và công tác, Anh/Chị có tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo với sinh viên không?</i> (Chọn 1)		

	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Thường xuyên tuyên truyền	52	52
	- Lồng ghép, đan xen trong quá trình giảng dạy	46	46
	- Bình thường (nhắc đến khi có thời gian)	00	00
	- Môn học không gắn liền với vấn đề chủ quyền biển đảo	00	00
	- Khó trả lời	02	2
4	Theo Anh/Chị, trong các phương pháp sau, phương pháp nào mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục ý thức BVCQBĐ? (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	Phương pháp thuyết trình	910	91
	Phương pháp trực quan	940	94
	Phương pháp trao đổi, tọa đàm	980	98
	Tổ chức các phong trào thi đua, tìm hiểu về BVCQBĐ	600	60
	Phương pháp nêu gương	00	00
	Phương pháp khác	00	00
5	Niềm tin của Anh/Chị vào khả năng bảo vệ chủ quyền biển, đảo và lợi ích quốc gia trên biển của nhân dân và LLVT VN ở mức nào? (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	

		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Hoàn toàn tin tưởng	85	85
	- Tương đối tin tưởng	13	13
	- Không tin tưởng	00	00
	- Khó trả lời	02	2
6	<i>Theo Anh/Chị thái độ quan tâm đến vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của sinh viên Việt Nam ở mức nào ?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Rất quan tâm	76	76
	- Chưa quan tâm	22	22
	- Bình thường	02	2
	- Khó trả lời	00	0
7	<i>Trường của anh/chị có quan tâm đến vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên không?</i> (Chọn 1)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Rất quan tâm	74	74
	- Khá quan tâm	24	24
	- Bình thường	00	00

	- Khó trả lời	02	2
8	<i>Ở trường của Anh/Chị, việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên được thực hiện như thế nào? (Chọn 1)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Thông qua giảng dạy các môn Lý luận chính trị	65	75
	- Thông qua các hoạt động Đoàn TNCSHCM, Hội SV	23	23
	- Tùy thuộc vào giảng viên trong quá trình giảng dạy	10	10
	- Thông qua các chương trình thi đua của Bộ GD và ĐT	02	0,2
9	<i>Theo Anh/Chị, tài liệu phục vụ cho việc giáo dục ý thức BVCQBĐ cho sinh viên hiện nay như thế nào? (Tùy chọn)</i>		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Tài liệu rất đầy đủ, thường xuyên được cập nhật	100	10
	- Tài liệu tương đối đầy đủ	650	65
	- Tài liệu còn thiếu, chưa thống nhất về mặt nội dung và hình thức	980	98
	- Chưa có tài liệu	90	09

10	Theo Anh/Chị, nguyên nhân của những hạn chế trong công tác giảng dạy nhằm giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên là gì ? (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Chưa có chương trình giáo dục cụ thể, tài liệu phù hợp	620	62
	- Các thế lực thù địch chống phá	700	70
	- Các tệ nạn xã hội tác động	430	43
	- Tổ chức phong trào thi đua yêu nước chưa hiệu quả	250	25
	- Chưa có sự quan tâm đúng mức của các tổ chức, đoàn thể	350	35
	- Đời sống kinh tế khó khăn, văn hóa tinh thần chưa đầy đủ	40	04
	- Công tác tuyên truyền, giáo dục chưa toàn diện	180	18
	- Sự tranh chấp chủ quyền biển, đảo phức tạp trên Biển Đông khiến cho thông tin cập nhật khó khăn	570	57
11	Để nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền biển, đảo của sinh viên cần những giải pháp nào sau đây? (Tùy chọn)		
	Phương án trả lời	Kết quả	
		Số phiếu	Tỷ lệ %
	- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, nhiệm vụ BVTQ XHCN.	67	67

	- Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên.	79	79
	- Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	75	75
	- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước BVTQ, bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong các trường	82	82
	- Phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong các hoạt động thực tiễn bảo vệ chủ quyền biển, đảo.	85	85
	- Cần chú trọng hơn nữa đến nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên (đặc biệt với sinh viên ngoại tỉnh)	80	80

Phụ lục 2.c

Câu hỏi phỏng vấn sâu (của sinh viên)

Câu hỏi 1: Trong thời gian qua, anh (chị) đã được tuyên truyền, giáo dục những văn bản luật nào sau đây?

a. Luật Biển VN	92%
b. Luật Biên giới quốc gia	90%
c. Luật Giáo dục quốc phòng và An ninh	91%
d. Luật dân sự	99%
e. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (1982)	89%
g. Luật Hàng hải	10%
h. Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	20%

Câu hỏi 2: Thư viện trường anh/ chị có tủ sách, khu trưng bày sách, hình ảnh, các tư liệu?

a. Có	100%
-------	------

- b. Không 0%

Câu hỏi 3: Trong thư viện, tủ sách, khu trưng bày sách, hình ảnh, các tư liệu về nội dung nào?

- a. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 100%
- b. Biển và đảo Việt Nam 45%
- c. Sách chuyên ngành 75%
- d. Nội dung khác (đề nghị nêu rõ) 0%

Câu hỏi 4: Phòng truyền thống của trường anh/ chị lưu trữ những hình ảnh, hiện vật gì?

- a. Truyền thống trường 100%
- b. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh 95%
- c. Lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc 50%
- d. Tư liệu về biển, đảo Việt Nam 35%
- e. Chưa từng đến phòng truyền thống của trường 5%

Phụ lục 2.d

Câu hỏi phỏng vấn sâu

(Dành cho giảng viên Lý luận chính trị)

Câu hỏi 1: Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học/tổng số giảng viên ở đơn vị của đồng chí?

Trả lời: từ 85% trở lên do có nhiều giảng viên mới ra trường, đang theo học chương trình đào tạo Thạc sĩ (chưa nhận bằng)

Câu hỏi 2: Trường đồng chí có thường xuyên tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, chương trình tập huấn hè do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức không?

- | | |
|-------------------------------|------|
| a. Thường xuyên tạo điều kiện | 100% |
| b. Ít tạo điều kiện | 0% |

Câu hỏi 3: Đồng chí có tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, các chương trình tìm hiểu về Biển, đảo Việt Nam?

- | | |
|--------------------------|-----|
| a. Thường xuyên tham gia | 40% |
| b. Có tham gia | 60% |
| c. Chưa từng tham gia | 0% |

Câu hỏi 4: Khi giảng dạy các môn LLCT các đồng chí thường lồng ghép nội dung giáo dục ý thức BVCQBĐ cho SVVN ở những bài nào (theo giáo trình dành cho khối không chuyên ngành lý luận chính trị năm 2021)?

a. Môn Triết học: nội dung ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; cặp phạm trù nguyên nhân - kết quả, quy luật phủ định của phủ định; ý thức xã hội, con người...

b. Môn Kinh tế chính trị: nội dung giáo dục thường được lồng ghép ở chương 5 (Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam) và chương 6 (Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam), đặc biệt khi bàn đến vấn đề tầm quan trọng của biển đảo Việt Nam và những nguy cơ tiềm ẩn về chiến tranh trên biển trong giao đoạn TCH, hội nhập quốc tế và tác động của kinh tế thị trường hiện nay.

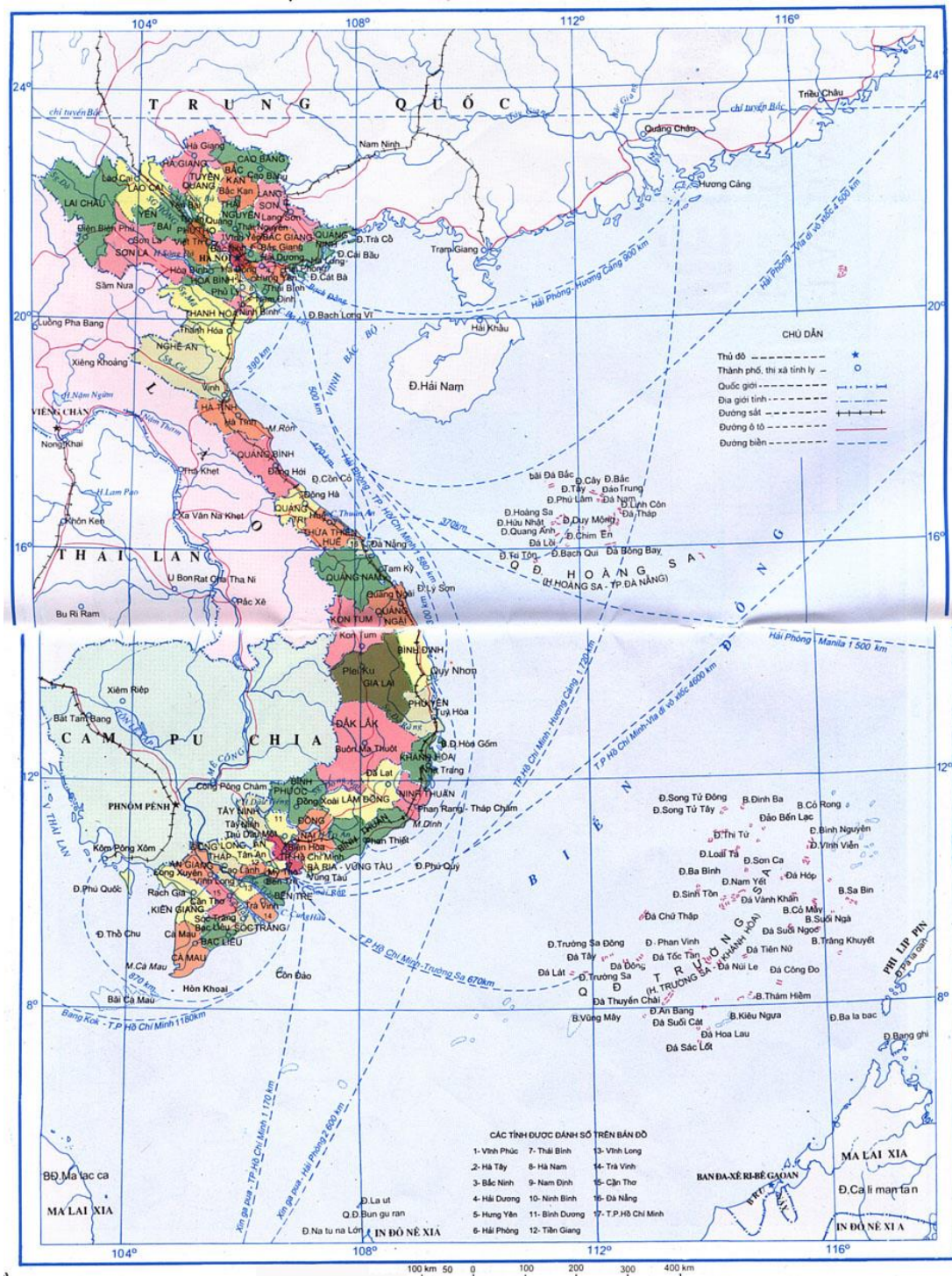
c. Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học: nội dung BVCQBĐ thường được giảng viên lồng ghép trong chương 4 - Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, chương 6 trong vấn đề dân tộc, chương 7 trong vấn đề gia đình XHCN..

d. Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: trong phần liên hệ với đường lối lãnh đạo của Đảng về chống giặc ngoại xâm (chương 2, chương 3)

e. Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: chương 3 - về vấn đề độc lập dân tộc, chương 5 - về tư tưởng đại đoàn kết, chương 6 - về tư tưởng văn hóa, đạo đức, con người.

Phụ lục 3:

3.1. Bản đồ hành chính Việt Nam



[Nguồn: Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao]

3.2. Bản đồ khu vực Đông Nam Á



[Nguồn: Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao]

Phụ lục 4:

**Một số bản đồ của Trung Quốc và Việt Nam liên quan đến chủ quyền hai
quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên Biển Đông**

4.1. Bản đồ Trung Quốc do J.H. Colton vẽ vào năm 1855

*(bản đồ này không thể hiện quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền
của Trung Quốc)*



*[Nguồn: Trích bản theo sách “Hoàng Sa, Trường Sa - Luận cứ và sự kiện của
tác giả Đinh Kim Phúc do Nxb Thời đại, xuất bản vào tháng 12 năm 2011]*

Bản đồ 4.2. Bản đồ Trung Quốc ghi chú Biển Đông là Nam Hải

(bản đồ do Phòng Nghiên cứu khoa học bản đồ Trung Quốc biên soạn và Nxb Bản đồ Trung Quốc xuất bản vào tháng 5 năm 2004)



[Nguồn: Trích bản theo sách “Hoàng Sa, Trường Sa - Luận cứ và sự kiện của tác giả Đinh Kim Phúc do Nxb Thời đại, xuất bản vào tháng 12 năm 2011]

4.3. An Nam Đại quốc họa đồ do Jean Louis Tabert vẽ năm 1838

(trong họa đồ này có ghi chú *Paracels* seu *Cát Vàng* - nghĩa là *Hoàng Sa* theo cách gọi nôm là *Bãi Cát Vàng* của người Việt Nam; *Từ* seu theo tiếng *La Tinh* = “có nghĩa là”)



[Nguồn: Trích bản theo sách “*Hoàng Sa, Trường Sa - Luận cứ và sự kiện của tác giả Đinh Kim Phúc* do Nxb Thời đại, xuất bản vào tháng 12 năm 2011]

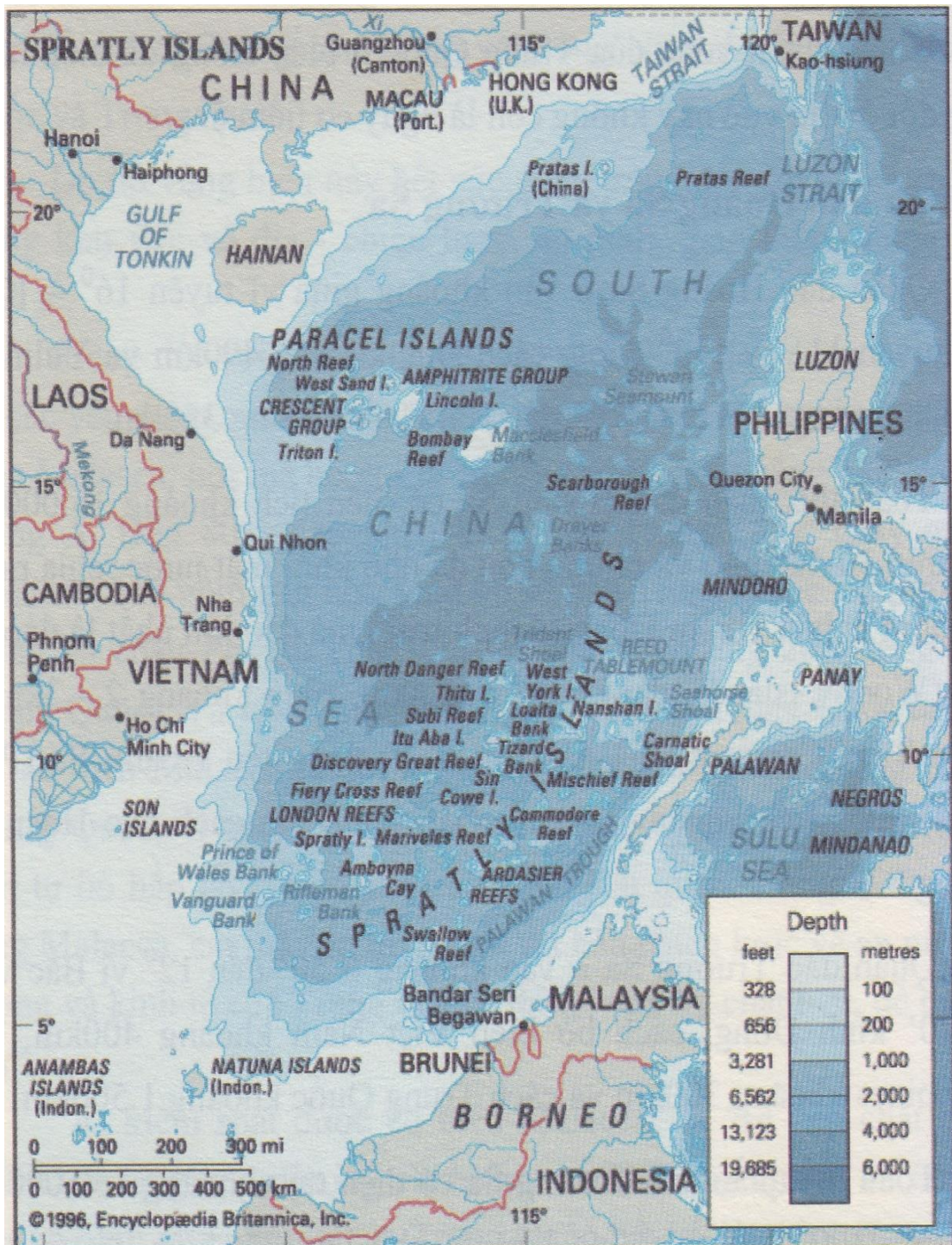
4.4. Đại Nam nhất thống toàn đồ do Phan Huy Chú vẽ năm 1838

(bản đồ này được chính triều đình Nhà Nguyễn xuống lệnh cho Phan Huy Chú một nhân viên của Bộ Công, khảo sát và vẽ. Trong bản đồ đã thể hiện và phân chia rõ Bãi Cát Vàng thành hai quần đảo riêng biệt là: Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa - tên gọi Trường Sa ngày nay)



[Nguồn: Trích bản theo sách “Hoàng Sa, Trường Sa - Luận cứ và sự kiện của tác giả Đinh Kim Phúc do Nxb Thời đại, xuất bản vào tháng 12 năm 2011

4.5. Bản đồ hai quần đảo Hoàng Sa (Paracel Islands) và Trường Sa (Spratly Islands) thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông



[Nguồn: Trích bản theo sách “Hoàng Sa, Trường Sa - Luận cứ và sự kiện của tác giả Đinh Kim Phúc do Nxb Thời đại, xuất bản vào tháng 12 năm 2011]

Phụ lục 5:

5.1. Hiện trạng một số vùng biển đảo trọng điểm của Việt Nam

Đối với vịnh Bắc Bộ. Trong vịnh Bắc Bộ, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán ký được 2 hiệp định: Hiệp định Hợp tác nghề cá, Hiệp định Phân định vịnh Bắc Bộ. Thực trạng hiện nay: Hoạt động tàu cá của Trung Quốc gấp nhiều lần so với ta (nhất là ở vùng đánh cá chung), tàu công suất lớn, trang bị hiện đại, luôn lấn chiếm ngư trường của Việt Nam. Ngoài cửa vịnh, tình hình luôn luôn phức tạp, hiện Việt Nam và Trung Quốc đang đàm phán cấp thứ trưởng lần thứ 8. Việt Nam và Trung Quốc đã thỏa thuận khởi sự việc phân giới bên ngoài cửa vịnh Bắc Bộ; khởi động việc thăm dò chung tại khu vực lãnh hải ngoài vịnh Bắc Bộ sớm nhất, song đến nay vẫn chưa đi đến thống nhất.

Đối với quần đảo Hoàng Sa. Trước năm 1956, dưới thời Pháp thuộc nhà nước phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu và thực hiện chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa. Tháng 4 năm 1956, Trung Quốc dùng vũ lực chiếm đóng toàn bộ nhóm đảo phía Đông. Sau đó, tháng 01 năm 1974 Trung Quốc đưa quân đội đánh chiếm nhóm đảo phía Tây quần đảo. Hiện nay, Trung Quốc đang chiếm đóng trái phép toàn bộ quần đảo này và đang tích cực triển khai các hoạt động để khẳng định chủ quyền quần đảo này của Việt Nam như: Thúc đẩy phát triển mạnh du lịch và đa dạng hóa các loại hình du lịch ở quần đảo Hoàng Sa; tăng cường đầu tư, triển khai các dự án, chương trình lớn phục vụ cho đời sống dân sinh trên các đảo; đẩy mạnh các hoạt động huấn luyện, diễn tập quân sự trên biển khu vực quần đảo Hoàng Sa; tăng cường xây dựng, củng cố, nâng cấp hiện đại hoá các đảo ở quần đảo Hoàng Sa, đồng thời có kế hoạch xây dựng và mở rộng một số đảo trở thành trung tâm hành chính đồng bộ và hiện đại...

Đối với quần đảo Trường Sa. Trước năm 1956, dưới thời Pháp thuộc nhà nước phong kiến Việt Nam đã chiếm hữu và thực hiện chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa. Sau hiệp định Pari, chính quyền Việt Nam cộng hoà thực hiện

chủ quyền đối với quần đảo và đóng quân trên một số đảo nổi. Trong chiến dịch Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, Hải quân nhân dân Việt Nam đã phối hợp với một bộ phận lực lượng quân khu 5 giải phóng quần đảo Trường Sa từ tay quân nguy, và cho tới nay chúng ta đã khẳng định chủ quyền và đóng giữ phần lớn các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Hiện trạng trên quần đảo Trường Sa hiện nay: Có mặt lực lượng của 4 nước 5 bên và yêu sách về chủ quyền có 5 nước 6 bên, cụ thể: Trung Quốc đánh chiếm 7 đảo, đá; Đài Loan chiếm đóng đảo Ba Bình năm 1956, cắm mốc Bãi cạn Bàn Than năm 2005; Philipin chiếm đóng 9 đảo; Malayxia chiếm đóng 7 đảo; Brunây không có đảo nào song vẫn yêu sách chủ quyền; Việt Nam thực hiện chủ quyền và đóng giữ 21 đảo gồm 9 đảo nổi, 12 đảo đá ngầm với 33 điểm đóng quân, không ngừng củng cố, phát triển cơ sở vật chất và đời sống kinh tế - xã hội nhằm từng bước xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành đơn vị hành chính ngang tầm với vị trí và vai trò của nó trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

[Nguồn: Nguyễn Thanh Tuấn (2013), “Tình hình tranh chấp chủ quyền ở biển Đông hiện nay - Chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước ta” - Tài liệu tập huấn giảng viên KHXH&NV các học viện, trường sĩ quan, đại học, cao đẳng năm 2013, Lưu hành nội bộ]

5. 2. Tuyên bố của chính phủ nước cộng hoà XHCN Việt Nam về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam

Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam chuẩn y. Tuyên bố quy định các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam như sau:

1. Lãnh hải của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam rộng 12 hải lý, ở phía ngoài đường cơ sở nối liền các điểm nhô ra nhất của bờ biển và các điểm ngoài

cùng của các đảo ven bờ của Việt Nam tính từ ngân nước thủy triều thấp nhất trở ra.

Vùng biển ở phía trong đường cơ sở và giáp với bờ biển là nội thủy của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải của mình cũng như đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải.

2. Vùng tiếp giáp lãnh hải của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải Việt Nam có chiều rộng là 12 hải lý hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 24 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của Việt Nam.

Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam thực hiện sự kiểm soát cần thiết trong vùng tiếp giáp lãnh hải của mình nhằm bảo vệ an ninh, bảo vệ các quyền lợi về hải quan, đảm bảo sự tôn trọng các quy định về y tế, về di cư, nhập cư trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

3. Vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam tiếp liền lãnh hải Việt Nam và hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.

Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về việc thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật và không sinh vật ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam: có quyền và thẩm quyền riêng biệt về các hoạt động khác phục vụ cho việc thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế nhằm mục đích kinh tế; có thẩm quyền riêng biệt về nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có thẩm quyền bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

4. Thêm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam bao gồm đáy biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần kéo dài tự nhiên của lục địa Việt Nam mở rộng ra ngoài lãnh hải Việt Nam cho đến bờ ngoài của rìa lục địa; nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam không đến 200 hải lý thì thêm lục địa nơi ấy mở rộng ra 200 hải lý kể từ đường cơ sở đó.

Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên ở thêm lục địa Việt Nam bao gồm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên không sinh vật và tài nguyên sinh vật thuộc loại định cư ở thêm lục địa Việt Nam.

5. Các đảo và quần đảo thu lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải nói ở Điều 1 đều có lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa riêng như đã quy định trong các điều 1, 2, 3 và 4 của Tuyên bố này.

6. Xuất phát từ các nguyên tắc của Tuyên bố này, các vấn đề cụ thể liên quan tới lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam sẽ được quy định chi tiết thêm trên cơ sở bảo vệ chủ quyền phục vụ lợi ích của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

7. Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam sẽ cùng các nước liên quan, thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, giải quyết các vấn đề về các vùng biển và thêm lục địa của mỗi bên.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1977

[Nguồn: Văn phòng Hội đồng Nhà nước]

5.3. Nghị quyết về việc phê chuẩn công ước của Liên Hợp quốc về luật biển năm 1982 của Quốc hội Nước cộng hoà XHCN Việt Nam

Căn cứ vào Điều 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam năm 1992;

Theo đề nghị của Chủ tịch nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;

Sau khi xem xét báo cáo cho Chính phủ, báo cáo của uỷ ban Đối ngoại của Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội về việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982.

Quyết định:

1. Phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về luật biển năm 1982.
2. Bằng việc phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, nước Cộng hoà XHCN Việt Nam biểu thị quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế xây dựng một trật tự pháp lý công bằng, khuyến khích sự phát triển và hợp tác trên biển.
3. Quốc hội khẳng định chủ quyền của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đối với các vùng nội thủy, lãnh hải, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam trên cơ sở các quy định của Công ước và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế, yêu cầu các nước khác tôn trọng các quyền nói trên của Việt Nam.
4. Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hoà bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, tôn trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản và lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên trạng, không

có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực.

Quốc hội nhấn mạnh: cần phân biệt vấn đề giải quyết tranh chấp về quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa với vấn đề bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam căn cứ vào những nguyên tắc và những tiêu chuẩn của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

5. Quốc hội giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ nghiên cứu để có những sửa đổi, bổ sung cần thiết đối với các quy định liên quan của pháp luật quốc gia cho phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, bảo đảm lợi ích của Việt Nam.

Quốc hội giao cho Chính phủ thi hành những biện pháp có hiệu quả nhằm tăng cường bảo vệ và quản lý các vùng biển và thềm lục địa của Việt Nam.

Nghị quyết này để được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khoá IX kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 23 tháng 6 năm 1994.

Chủ tịch quốc hội

(Đã ký)

Nông Đức Mạnh

[Nguồn: Văn phòng Hội đồng Nhà nước]

5.4. Hiệp định về vùng nước lịch sử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia

Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia, với lòng mong muốn không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, theo tinh thần Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa XHCN Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 18 - 2 - 1979, căn cứ thực tế là vùng biển nằm giữa bờ

biển tỉnh Kiên Giang, đảo Phú Quốc đến quần đảo Thổ Chu của Cộng hoà XHCN Việt Nam và bờ biển tỉnh Kampot đến nhóm đảo Poulo Wai của Cộng hoà nhân dân Campuchia, gồm những vùng biển từ lâu thuộc nước Việt Nam và nước Campuchia do những điều kiện địa lý đặc biệt của nó và ý nghĩa quan trọng của nó đối với quốc phòng và kinh tế của mỗi nước, đã thoả thuận những điều sau đây:

Điều 1

vùng nước nằm giữa bờ biển tỉnh Kiên Giang, đảo Phú Quốc đến quần đảo Thổ Chu của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và bờ biển tỉnh Kampot đến nhóm đảo Poulo Wai của nước Cộng hoà nhân dân Campuchia là vùng nước lịch sử của hai nước theo chế độ nội thủy, được giới hạn (theo kinh tuyến Greenwich Đông) :

Về phía tây bắc bởi đường thẳng nối liền các toạ độ 9°54'1.2 Bắc - 102°55'(.2 Đông và 9°54'1.5 Bắc - 102°57'1.0 Đông ở đảo Poulo Wai (Campuchia) đến toạ độ 10°24'1.1 Bắc - 103°48'1.0 Đông và 10°25'6. Bắc - 103°49'1.2 Đông Ở đảo Koh Sès (Campuchia) đến toạ độ 10°30'1.0 Bắc - 103°47'1.4 Đông Ở đảo Koh Thmei (Campuchia) kéo đến toạ độ 10°32'1.4 Bắc - 103°48'1.2 Đông trên bờ biển tỉnh Kainpot (Campuchia).

Về phía bắc bởi đường bờ biển tỉnh Kampot từ toạ độ 10°32'1.4 Bắc - 103°48'1.2 Đông đến điểm mút trên bờ biển của đường biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia.

Về phía đông nam bởi đường nối liền từ điểm mút trên bờ biển của đường biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đến toạ độ 10°04'1.2 Bắc - 104°02'3. Đông Ở mũi An Yên đảo Phú Quốc (Việt Nam) vòng theo bờ Bắc đảo đến mũi Đất Đỏ ở toạ độ 10°02'8. Bắc - 103°59'1. Đông kéo qua toạ độ 9°18'1.1

Bắc - $103^{\circ}261.4$ Đông ở đảo Thổ Chu (Việt Nam) đến toạ độ $9^{\circ}151.0$ Bắc - $103^{\circ}271.0$ Đông ở đảo Hòn Nhạn thuộc quần đảo Thổ Chu (Việt Nam).

Về phía tây nam bởi đường thẳng kéo từ toạ độ $9^{\circ}55t.0$ Bắc - $102^{\circ}531.5$ Đông ở đảo Poulo Wai đến toạ độ $9^{\circ}55.0$ Bắc - $103^{\circ}271.0$ Đông ở đảo Hòn Nhạn thuộc quần đảo Thổ Chu (Việt Nam).

Điều 2

Hai bên sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp trên tinh thần bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau để hoạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử nói ở Điều 1.

Điều 3

Trong khi chờ đợi giải quyết đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử nói ở Điều 1 :

Điểm tiếp giáp 0 của hai đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi nước nằm giữa biển trên đường thẳng nối liền quần đảo Thổ Chu và đảo Poulo Wai và sẽ do hai bên thoả thuận xác định sau.

- Hai bên vẫn lấy đường gọi là đường Brévié được vạch ra năm 1939 làm đường phân chia đảo trong khu vực này.

- Việc tuần tiễu, kiểm soát trong vùng nước lịch sử này do cả hai bên cùng tiến hành.

- Việc đánh bắt hải sản của nhân dân địa phương trong vùng này vẫn tiếp tục theo tập quán làm ăn từ trước tới nay. Đối với việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đó, hai bên sẽ cùng nhau thoả thuận.

Hiệp định này làm tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 7 tháng 7 năm 1982, thành hai bản bằng tiếng Việt Nam và tiếng Khơ me, cả hai văn bản đều có giá trị ngang nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

NGUYỄN CƠ THẠCH

NƯỚC CỘNG HOÀ

NHÂN DÂN CAMPUCHIA

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

HUN XEN

[Nguồn: Ban Biên giới - Bộ Ngoại giao]

5.5. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ vương quốc Thái Lan về phân định ranh giới giữa hai nước trong vịnh Thái Lan

Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thái Lan, dưới đây gọi là "Các Bên ký kết".

Xuất phát từ mong muốn củng cố quan hệ hữu nghị sẵn có giữa hai nước;

Nhằm thiết lập đường ranh giới trên biển giữa hai nước trong vịnh Thái Lan tại khu vực chồng lấn tạo bởi yêu sách thêm lục địa của hai nước;

Đã thoả thuận như sau:

Điều I

1. Đường ranh giới trên biển giữa nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và Vương quốc Thái Lan tại khu vực chồng lấn tạo bởi yêu sách thêm lục địa của hai nước là đường thẳng nối điểm C và điểm K được xác định theo vĩ độ và kinh độ dưới đây:

Điểm C: Vĩ độ $07^{\circ}49'00''$.0000 Bắc

Kinh độ $103^{\circ}02'30''$.0000 Đông

Điểm K: Vĩ độ $08^{\circ}46'54''$.7754 Bắc

Kinh độ $102^{\circ}12'11''$.5342 Đông

2. Điểm C là điểm cực Bắc của Vùng Phát triển chung được xác lập theo Thoả thuận giữa Vương quốc Thái Lan và Malaysia về việc thành lập Cơ quan Quyền lực chung khai thác tài nguyên đáy biển trong khu vực thêm lục địa chồng lấn giữa hai nước trong vịnh Thái Lan, ký tại Chiềng Mai ngày 21 tháng

2 năm 1979, và đồng thời trùng với Điểm 43 của đường yêu sách thêm lục địa do Malaysia công bố năm 1979.

3. Điểm K là một điểm nằm trên đường ranh giới trên biển giữa nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia, tức là một đường thẳng cách đều giữa đảo Thổ Chu và đảo Vai vẽ từ điểm O (vĩ độ 09035'.00".4159 Bắc và kinh độ 103010'15".9808 Đông).

4. Toạ độ của các điểm xác định tại các khoản nói trên là toạ độ địa lý tính toán trên Hải đồ của Anh số 2414 được đính kèm theo như một Phụ lục của Hiệp định này. Hệ toạ độ sử dụng để đo đạc và tính toán được xác lập trên Ellipsoid Everest - 1830 - Indian Datum.

5. Đường biên giới trên biển nêu tại khoản 1 nói trên sẽ là đường ranh giới giữa thêm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và thêm lục địa của Vương quốc Thái Lan, và cũng sẽ là đường ranh giới giữa vùng đặc quyền kinh tế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và vùng đặc quyền kinh tế của Vương quốc Thái Lan.

6. Khi có yêu cầu của một trong hai Chính phủ, vị trí thực tế trên biển của các điểm C và K nói trên và của đường thẳng nối các điểm này sẽ được xác định theo phương pháp thoả thuận giữa các chuyên gia đồ bản do hai Chính phủ chỉ định.

Điều II

Các Bên ký kết sẽ đàm phán với Chính phủ Malaysia để giải quyết khu vực thêm lục địa chồng lấn giữa ba nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Vương quốc Thái Lan và Malaysia, khu vực này nằm trong Vùng Phát triển chung được xác lập theo thoả thuận giữa Vương quốc Thái Lan và Malaysia về việc thành lập Cơ quan Quyền lực chung khai thác tài nguyên đáy biển trong khu vực thêm lục địa chồng lấn giữa hai nước trong vịnh Thái Lan, ký tại Chiang Mai ngày 21 tháng 2 năm 1979.

Điều III

Các Bên ký kết công nhận và thừa nhận quyền tài phán và quyền chủ quyền của mỗi nước đối với vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế theo đường ranh giới trên biển được xác lập bởi Hiệp định này.

Điều IV

Trong trường hợp có một cấu tạo mỏ dầu hoặc khí tự nhiên, hoặc các mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường ranh giới nêu tại khoản 1 Điều 1, Các Bên sẽ thông báo cho nhau mọi thông tin liên quan và thoả thuận về cách thức khai thác hữu hiệu nhất các cấu tạo hoặc mỏ nói trên, lợi nhuận thu được từ việc khai thác sẽ được phân chia công bằng.

Điều V

Mọi tranh chấp giữa Các Bên ký kết liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết một cách hoà bình thông qua đàm phán hoặc thương lượng.

Điều VI

Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày trao đổi Văn kiện phê chuẩn hoặc phê duyệt, phù hợp với thủ tục luật pháp của mỗi nước.

Để làm bằng, các đại diện được uỷ quyền hợp thức của hai Chính phủ đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này làm tại Băng-cốc ngày 9 tháng 8 năm 1997 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Thái và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa các văn bản, bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

THAY MẶT CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XHCN

VƯƠNG QUỐC

VIỆT NAM

THÁI LAN

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

NGUYỄN MẠNH CẦM

PRACHUAB CHAIYASAN

[Nguồn: Ban Biên giới - Bộ Ngoại giao]

5.6. Hiệp Định giữa nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ

Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (dưới đây gọi là "hai Bên ký kết").

Nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ láng giềng hữu nghị truyền thống giữa hai nước và nhân dân hai nước Việt Nam và Trung Quốc, giữ gìn và thúc đẩy sự ổn định và phát triển của vịnh Bắc Bộ.

Trên cơ sở các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình.

Trên tinh thần thông cảm, nhân nhượng lẫn nhau, hiệp thương hữu nghị và giải quyết một cách công bằng, hợp lý vấn đề phân định vịnh Bắc Bộ;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều I

1. Hai Bên ký kết căn cứ vào Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, các nguyên tắc luật pháp và thực tiễn quốc tế được công nhận, trên cơ sở suy xét đầy đủ mọi hoàn cảnh hữu quan trong vịnh Bắc Bộ, theo nguyên tắc công bằng, qua thương lượng hữu nghị đã phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ.

2. Trong Hiệp định này, vịnh Bắc Bộ là vịnh nửa kín được bao bọc ở phía bắc bởi bờ biển lãnh thổ đất liền của hai nước Việt Nam và Trung Quốc, phía đông bởi bờ biển bán đảo Lôi Châu và đảo Hải Nam của Trung Quốc, phía tây bởi bờ biển đất liền Việt Nam và giới hạn phía nam bởi đoạn thẳng nối liền từ điểm nhô ra nhất của mép ngoài cùng của mũi Oanh Ca - đảo Hải Nam của Trung Quốc có tọa độ địa lý là vĩ tuyến 18°30'19" Bắc, kinh tuyến 108°41'17" Đông, qua đảo Cồn Cỏ của

Việt Nam đến một điểm trên bờ biển của Việt Nam có tọa độ địa lý là vĩ tuyến $16^{\circ}57'140''$ Bắc và kinh tuyến $107^{\circ}08'42''$ Đông. Hai Bên ký kết xác định khu vực nói trên là phạm vi phân định của Hiệp định này.

Điều II

Hai Bên ký kết đồng ý đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong vịnh Bắc Bộ được xác định bằng 21 điểm nối tuần tự với nhau bằng các đoạn thẳng, tọa độ địa lý của 21 điểm này như sau:

Điểm số 1: Vĩ độ $2^{\circ}28'12''.5$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}06'04''.3$ Đông

Điểm số 2: Vĩ độ $21^{\circ}28'01''.7$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}06'01''.6$ Đông

Điểm số 3: Vĩ độ $21^{\circ}27'50''.1$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}05'57''.7$ Đông

Điểm số 4: Vĩ độ $21^{\circ}27'39''.5$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}05'51''.5$ Đông

Điểm số 5 : Vĩ độ $21^{\circ}27'28''.2$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}05'39''.9$ Đông

Điểm số 6: Vĩ độ $21^{\circ}27'23''.1$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}05'38''.8$ Đông

Điểm số 7: Vĩ độ $21^{\circ}27'08''.2$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}05'43''.7$ Đông

Điểm số 8: Vĩ độ $21^{\circ}16'32''$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}08'05''$ Đông

Điểm số 9: Vĩ độ $21^{\circ}12'35''$ Bắc

Kinh độ $108^{\circ}12'31''$ Đông

Điểm số 10 : Vĩ độ $20^{\circ}24'05''$ Bắc

Kinh độ 108°22'45" Đông

Điểm số 11: Vĩ độ 19°57'33" Bắc

Kinh độ 107°55'47" Đông

Điểm số 12: Vĩ độ 19°39'33" Bắc

Kinh độ 107°31'40" Đông

Điểm số 13: Vĩ độ 19°25'26" Bắc

Kinh độ 107°21'00" Đông

Điểm số 14: Vĩ độ 19°25'26" Bắc

Kinh độ 107°12'43" Đông

Điểm số 15: Vĩ độ 19°16'04" Bắc

Kinh độ 107°11'23" Đông

Điểm số 16: Vĩ độ 19°12'55" Bắc

Kinh độ 107°09'34" Đông

Điểm số 17: Vĩ độ 18°42'15" Bắc

Kinh độ 107°09'34" Đông

Điểm số 18: Vĩ độ 18°13'49" Bắc

Kinh độ 107°34'00" Đông

Điểm số 19: Vĩ độ 18°07'08" Bắc

Kinh độ 107°37'34" Đông

Điểm số 20: Vĩ độ 18°04'13" Bắc

Kinh độ 107°39'09" Đông

Điểm số 21: Vĩ độ 17°47'00" Bắc

Kinh độ 107°58'00" Đông

Điều III

1. Đường phân định từ điểm số 1 đến điểm số 9 quy định tại Điều II của Hiệp định này là biên giới lãnh hải của hai nước trong vịnh Bắc Bộ.

2. Mặt thẳng đứng đi theo đường biên giới lãnh hải của hai nước quy định tại khoản 1 Điều này phân định vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải hai nước.

3. Mọi sự thay đổi địa hình đều không làm thay đổi đường biên giới lãnh hải hai nước từ điểm số 1 đến điểm số 7 quy định tại khoản 1 Điều này, trừ khi hai Bên ký kết có thỏa thuận khác.

Điều IV

Đường phân định từ điểm số 9 đến điểm số 21 quy định tại Điều II của Hiệp định này là ranh giới giữa vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước trong vịnh Bắc Bộ.

Điều V

Đường phân định lãnh hải của hai nước quy định tại Điều II từ điểm số 1 đến điểm số 7 được thể hiện bằng đường màu đen trên bản đồ chuyên đề của sông Bắc Luân tỷ lệ lao 000 do hai Bên ký kết cùng nhau thành lập năm 2000. Đường phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của hai nước từ điểm số 7 đến điểm số 21 được thể hiện bằng đường màu đen trên Tổng đồ toàn diện vịnh Bắc Bộ tỷ lệ 1:500.000 do hai Bên ký kết cùng nhau thành lập năm 2000. Các đường phân định này đều là đường trắc địa.

Bản đồ chuyên đề của sông Bắc Luân và Tổng đồ toàn diện vịnh Bắc Bộ nói trên là bản đồ đính kèm Hiệp định. Các bản đồ trên sử dụng hệ tọa độ ITRF-96. Các tọa độ địa lý của các điểm quy định tại Điều II Hiệp định này' đều được xác định trên các bản đồ nói trên. Đường phân định quy định trong Hiệp định này được thể hiện trên các bản đồ kèm theo Hiệp định chỉ nhằm mục đích minh họa.

Điều VI

Hai Bên ký kết phải tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi Bên đối với lãnh hải vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ được xác định theo Hiệp định này.

Điều VII

Trong trường hợp có các cấu tạo mỏ dầu, khí tự nhiên đơn nhất hoặc mỏ khoáng sản khác nằm vắt ngang đường phân định quy định tại Điều II của Hiệp định này, hai Bên ký kết phải thông qua hiệp thương hữu nghị để đạt được thỏa thuận về việc khai thác hữu hiệu nhất các cấu tạo hoặc mỏ khoáng sản nói trên cũng như việc phân chia công bằng lợi ích thu được từ việc khai thác.

Điều VIII

Hai Bên ký kết đồng ý tiến hành hiệp thương về việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở vịnh Bắc Bộ cũng như các công việc hợp tác có liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế hai nước trong vịnh Bắc Bộ.

Điều IX

Việc phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa hai nước trong vịnh Bắc Bộ theo Hiệp định này không gây bất kỳ ảnh hưởng hoặc phương hại nào đến lập trường của mỗi Bên ký kết đối với các quy phạm luật pháp quốc tế về Luật Biển.

Điều X

Mọi tranh chấp giữa hai Bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này phải được giải quyết thông qua hiệp thương và đàm phán hữu nghị.

Điều XI

Hiệp định này phải được hai Bên ký kết phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi các văn kiện phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn được trao đổi tại Hà Nội.

Hiệp định này được ký tại Bắc Kinh, ngày 25 tháng 12 năm 2000 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Trung, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC
CỘNG HÒA XHCN CỘNG HÒA NHÂN DÂN

VIỆT NAM

TRUNG HOA

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

NGUYỄN DUY NIÊN

ĐƯỜNG GIA TRIỀN

[Nguồn: Ban Biên giới - Bộ Ngoại giao]

5.7. Tọa độ các điểm chuẩn đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của lục địa Việt Nam

Điểm	Vị trí địa lý	Tọa độ N	Kinh độ E
0	Nằm trên ranh giới phía Tây Nam của vùng nước lịch sử của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và Cộng hoà Nhân dân Campuchia		
A1	Tại Hòn Nhạn, quần đảo Thổ Chu, Tỉnh Kiên Giang	9°15'0	103°27'0
A2	Tại Hòn Đá Lẻ ở Đông Nam Hòn Khoai, tỉnh Minh Hải	9°22'8	103°27'0
A3	Tại Hòn Tài Lớn, Côn Đảo, Đặc Khu Vũng Tàu - Côn Đảo	8°37'8	104°52'4
A4	Tại Hòn Bông Lang, Côn Đảo	8°37'9	106°37'5
A5	Tại Hòn Bảy Cạnh, Côn Đảo	8°37'7	106°40'3
A6	Tại Hòn Hải (nhôm đảo Phú Quý) tỉnh Thuận Hải	9°58'0	106°42'1
A7	Tại Hòn Đồi, tỉnh Thuận Hải	12°39'0	109°05'0

A8	Tại mũi Đại Lãnh tỉnh Phú Khánh	12 ⁰ 53'8	109 ⁰ 27'2
A9	Tại Hòn Ông Cấn, tỉnh Phú Khánh	13 ⁰ 54'0	109 ⁰ 21'0
A/O	Tại đảo Lý Sơn, tỉnh Nghĩa Bình	15 ⁰ 23'1	109 ⁰ 90'0
An	Tại đảo Cồn Cỏ, tỉnh Bình Trị Thiên	17 ⁰ 10'0	107 ⁰ 20'6

[Nguồn: Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao]

5.8. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật chính liên quan đến quản lý và bảo vệ các vùng biển Việt Nam

(Tài liệu tổng hợp phục vụ công tác soạn thảo Dự án luật các vùng biển Việt Nam).

STT	Năm ban hành	Tên văn bản	Ghi chú
I. Văn bản của quốc hội			
	1992	Hiến pháp	
		Luật	
1	30-6-1990	Bộ luật Hàng hải Việt Nam	
2	06-7-1993	Luật dầu khí	
3	20-5-1998	Luật tài nguyên nước	
4	27-12-1993	Luật bảo vệ môi trường	
5	17-6-2003	Luật biên giới quốc gia	
6	23-6-1994	Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn Công ước biển 1982	
7	26-11-2003	Luật Thủy sản	
II. Pháp lệnh của uỷ ban thường vụ quốc hội			
8	25-4-1989	Pháp lệnh bảo vệ nguồn lợi thủy sản	
9	21-12-1990	Pháp lệnh hải quan	
10	06-7-1995	Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính	
11	28-3-1997	Pháp lệnh bộ đội biên phòng	
12	28-7-1998	Pháp lệnh về tài nguyên khoáng sản	
13	28-3-1998	Pháp lệnh lực lượng cảnh sát biển Việt Nam	
III. Văn bản của chính phủ (từ năm 1980-1992 là Hội đồng bộ trưởng)			
1. Tuyên bố			

14	12-5-1977	Tuyên bố của Chính phủ về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.	
15	12-11-1982	Tuyên bố của Chính phủ về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam	
2. Nghị định			
16	29-1-1980	Nghị định số 30/CP về quy chế cho tàu thuyền nước ngoài hoạt động trên các vùng biển của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	
17	05-8-1991	Nghị định số 242/HĐBT ban hành quy định về việc các bên nước ngoài và phương tiện nước ngoài vào nghiên cứu khoa học ở các vùng biển nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	
18	25-2-1994	Nghị định số 13/CP ban hành Quy chế quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải ở Việt Nam	
19	26-4-1996	Nghị định số 26/CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	
20	17-6-2003	Nghị định số 70/CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản	Thay cho ND 48/CP ngày 12-8-1996
21	01-10-1996	Nghị định số 55/CP hoạt động của tàu quân sự nước ngoài vào thăm nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	

22	23-4-1997	Nghị định số 35/CP về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về khai thác khoáng sản	
23	10-6-1998	Nghị định số 39/1998/NĐ-CP về xử lý tài sản chìm đắm ở biển	
24	13-7-1998	Nghị định số 49/NĐ-CP về quản lý hoạt động nghề cá của người và phương tiện nước ngoài trong các vùng biển Việt Nam	Thay thế NĐ 437/HĐBT
25	21-7-1998	Nghị định số 53/1998/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của lực lượng cảnh sát biển Việt Nam	
26	21-7-1998	Nghị định số 54/1998/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan	
27	15-9-1999	Nghị định số 72/1998/NĐ-CP về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển	
28	04-09-1999	Nghị định số 92/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải	
29	09-06-1999	Nghị định số 36/1999/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt hành chính trên vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	
30	30-5-2001	Nghị định số 23/2001/NĐ-CP ngày 30-5-2001. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đăng	

		ký tàu biển và thuyền viên ban hành kèm theo Nghị định số 91/1998/CP ngày 23 tháng 8 năm 1997 của Chính phủ	
31	30-5-2001	Nghị định số 24/2001/NĐ-CP ngày 30-5-2001. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và các khu vực hàng hải ở Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 13/CP ngày 25 tháng 02 năm 1994 của Chính phủ	
32	24-7-2001	Nghị định số 41/2001/NĐ-CP ngày 24-7-2001. Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước về hoạt động của lực lượng cảnh sát biển và việc phối hợp hoạt động giữa các lực lượng trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	
33	24-8-2001	Nghị định 57/2001/NĐ-CP ngày 24-8-2001 Về điều kiện kinh doanh vận tải biển	
3. Quyết định của Chính phủ			
35	11-12-1986	Quyết định số 13/HĐBT về tăng cường bảo vệ chủ quyền và an ninh các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam	
36	28-12-1992	Quyết định số 203/TTg về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động đăng kiểm tàu biển Việt Nam	
37	28-12-1992	Quyết định số 204/TTg về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động thanh tra an toàn hàng hải Việt Nam	

38	23-10-1996	Quyết định số 780/TTg thành lập Ủy ban quốc gia về tìm kiếm, cứu nạn trên không và trên biển	
39	9-10-2002	Quyết định 133/2002/QĐ-TTg ngày 9-10-2002. Ban hành quy chế phối hợp giữa lực lượng Công an, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển và Hải quan trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy tại địa bàn biên giới, cửa khẩu và trên biển.	
40	21-7-2003	Quyết định 149/2003/QĐ-TTg ngày 30-5-2001. Về một số chính sách và cơ chế khuyến khích phát triển đội tàu biển Việt Nam	
4. Chỉ thị của Chủ tịch HĐBT (Thủ tướng Chính phủ)			
41	29-3-1980	Chỉ thị số 85/chính trị về việc xử lý tàu nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam	
42	25-2-1993	Chỉ thị số 73/TTg về một số công tác cần làm ngay để bảo vệ môi trường	
43	09-8-1995	Chỉ thị số 445/TTg về việc tổ chức triển khai thi hành pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính	
44	28-10-1995	Chỉ thị số 701/TTg về đấu tranh chống buôn lậu trên biển	
45	18-1-1997	Chỉ thị số 39/TTg về việc đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề hoạt động trên biển	
5. Thông tư			
46	19-12-1980	Thông tư số 60/TTg hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Bản quy chế cho tàu thuyền nước	

		ngoài hoạt động trên các vùng biển của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	
47	21-10-2002	Thông tư liên tịch 156/2002/TTLT-BQP-BGTVT ngày 21-10-2002. Hướng dẫn việc phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước giữa Bộ quốc phòng và Bộ giao thông vận tải về hoạt động của lực lượng Cảnh sát biển và việc phối hợp giữa lực lượng cảnh sát biển với các lực lượng có liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.	
6. Văn bản của một số Bộ, ngành có liên quan			
48	06-8-1991	Quyết định số 1533/QĐ-VT về ban hành quy tắc phòng ngừa va chạm tàu thuyền trên biển	Bộ GTVT
49	08-9-1994	Quyết định số 1438/QĐ-PC về cơ quan, trình tự và thủ tục xác nhận việc trình “kháng nghị hàng hải” ở Việt Nam	Bộ GTVT
50	17-5-1995	Quyết định số 2788/QĐ/PC quy định về tàu biển nước ngoài vận chuyển hàng hoá, hành khách và hành lý giữa các cảng biển Việt Nam	Bộ GTVT
51	02-10-1996	Quyết định số 2628/QĐ-TCCB về việc thành lập “Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam”	Bộ GTVT
52	02-7-1982	Thông tư số 99/PC về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 330/CP ngày 9-7-1981	Bộ GTVT

53	08-03-1987	Chỉ thị số 04/CT/VP của Bộ trưởng Bộ thủy sản về công tác phòng chống bão lụt, lũ. Giảm nhẹ thiên tai và đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển	Bộ thủy sản
54	12-11-1996	Công văn số 2592/MTG của Bộ KH-CN và MT về việc kiểm soát ô nhiễm biển từ các phương tiện giao thông thủy	Bộ KH-CN&MT
55	05-9-1990	Quyết định số 333/CNNG-KHKT về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường và trong các hoạt động dầu khí biển	Bộ KH-CN&MT
7. Hiệp định hàng hải giữa Việt Nam và nước ngoài			
1	22-11-1979 1999	Việt Nam - Thái Lan Sửa đổi, bổ sung	
2	03-01-1983	Việt Nam - Cuba	
3	12-11-1983	Việt Nam - Hungary	
4	25-10-1991	Việt Nam - Ấn Độ	
5	27-1-1992	Việt Nam - Philippin	
6	31-3-1992	Việt Nam - Malaixia	
7	16-4-1992	Việt Nam - Xingapo	
8	20-7-1992	Việt Nam - Ucraina	
9	8-3-1992	Việt Nam - Trung Quốc	
10	27-5-1993	Việt Nam - Liên Bang Nga	
11	29-6-1993	Việt Nam - CHLB Đức	
12	01-09-1994	Việt Nam - Rumani	
13	6-12-1995	Việt Nam - Ba Lan	
14	12-4-1995	Việt Nam - Hàn Quốc	

	Ngày ký	Tên công ước
1	18-12-1990	Công ước về gia nhập Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO - Convention 48)
2	18-12-1990	Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng trên biển năm 1974 (SOLAS 74)
3	18-12-1990	Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên năm 1978 và Nghị định Thư bổ sung năm 1985 (STCW 78/95)
4	18-12-1990	Công ước quốc tế về phòng ngừa ô nhiễm dầu từ tàu biển năm 1973 và Nghị định thư bổ sung năm 1978 (MARPOL 73/78)
5	18-12-1990	Công ước quốc tế về phòng ngừa va chạm trên biển năm 1972 (COLREG 72)
6	18-12-1990	Công ước quốc tế về nạn khô năm 1966 (LL66)
7	18-12-1990	Công ước quốc tế đo dung tích tàu biển năm 1969 (TONNAGE 69)
8	12-10-1992	Nghị định thư bổ sung năm 1978 của SOLAS 74
9	1999	Công ước quốc tế về thông tin toàn cầu (INMAST)
10	1975	Biên bản ghi nhớ về kiểm tra của quốc gia có cảng biển trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (TOKYO-MOU)
11	1998	Hiệp định ASEAN về tìm kiếm cứu nạn trên biển

[Nguồn: Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao]